Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Một

Trào Lộng U Mặc Là Gì?

Một nhà văn tây phương có viết:

*"Tình yêu là một vị thần bất tử,
U mặc là một lợi khí,
Cười là một sự bổ ích.
Không có ba cái đo,ù không đủ nói
đến văn hóa toàn diện"* *Cười*

đùa quả là một sự bổ ích, u mặc quả là một lợi khí căng thẳng, ngột ngạt, cái khô khan của những chủ thuyết một chiều, cái máy móc của tâm hồn do văn

minh cơ khí điều khiển uốn nắn... đang biến loài người thành những bộ máy vô hồn, không dám nói những gì mình nghĩ, không dám làm những gì mình muốn... mà chỉ thở bằng cái mũi của kẻ khác, nhìn bằng cặp mắt của kẻ khác, nghe bằng lỗ tai của kẻ khác... theo nghệ thuật tuyên truyền siêu đẳng của văn minh cơ khí ngày nay! Một con người hoàn toàn là sản phẩm của xã hội, chưa biết sống và dám sống theo ý mình... đó là mục tiêu chính mà u mặc nhắm vào.

Chính u mặc đã khiến cho bà Roland, khi lên đoạn đầu đài đã "cười to" với câu nói bất hủ này: *"Ôi Tự Do, người ta đã nhân danh mi mà làm không biết bao nhiêu tội ác!"*

Lâm Ngữ Đường, mà trí thức Trung Hoa tặng cho danh hiệu "u mặc đại sư" có nói: *"U mặc là một phần rất quan trọng của nhân sinh, cho nên khi mà nền văn hóa của một quốc gia đã đến một trình độ khá cao rồi ắt phải có một nền văn hóa u mặc xuất hiện".*

U mặc xuất hiện là để đặt lại mọi nghi vấn về các giá trị thông thường của xã hội mà đời nào cũng tự do là "văn minh nhất" lịch sử! Nhà văn Georges Duhamel khuyên người Tây Phương, trong hoàn cảnh hiện thời, cần phải đặt lại tất cả mọi giá trị của văn minh, vì chưa có xã hội nào trong văn minh lịch sử mà người trong thiên hạ điêu linh

thống khổ bằng! Ở xã hội Trung Hoa ngày xưa, thời Xuân Thu Chiến Quốc, một thời đại điêu linh nhất đã phải sinh ra một ông Lão, một ông Trang, để đặt lại tất cả mọi giá trị của xã hội đương thời.

Nhà văn họ Lâm cho rằng: "Tinh thần ở u mặc Trung Hoa ngày xưa cũng đã thấy bàng bạc ngay trong kho tàng ca dao Trung Quốc. Trong Kinh Thi, Thiên Đường Phong, một tác giả vô danh, vì thấy rõ cái "trống không" của cuộc đời hết sức vô thường của con người, đã trào lộng hát lên:

Ngài có xe ngựa, sao không cưỡi, không tế...
Đợi lúc chết rồi, kẻ khác hưởng đi mất

thôi!

Đó là một phần nào đã bộc lộ cái trạng thái u mặc.

Nhưng phải đợi đến nhân vật chủ não là Trang Châu xuất hiện, mới có được một thứ văn chương nghị luận ngang dọc... mở ra cho người đời một thứ tư tưởng và văn học u mặc hẳn hòi. Trang Tử là thủy tổ của văn học Trung Hoa.

Các tung hành gia như Quỷ Cốc Tử, Thuần Vu Khôn... điều là những nhà hùng biện trào lộng thật, nhưng vẫn chưa kịp phong thái u mặc thượng thừa của Trang Châu...

Nền văn Trung Hoa với "bách gia chư tử" đã phát triển rất mạnh. Người ta nhận thất rõ ràng có hai luồng tư tưởng khác nhau xuất hiện: Phái cẩn nguyện (Lấy lễ, nhạc, trang nghiêm, cung kính và nghị luận tuyệt đối một chiều làm chủ yếu), và phái siêu thoát (lấy tự do phóng túng, trào lộng u mặc, nghị luận dọc ngang làm yếu chỉ). Trong khi phái cẩn nguyện cúc cung tận tụy phó vua giúp nước, chăm chăm lấy sự "sát thân thành nhân", "lâm nguy bất cụ" làm lẽ sống, nhưng nhóm đồ đệ của Mặc Địch hay nhóm cân đai áo mão đồ đệ của Khổng Khâu, thì phái siêu thoát lại cười vang... cho bọn khép nép chầu chực ở sân rồng còn kém xa "loài heo tế", hoặc già như nhóm đồ đệ của Dương Chu, nhổ một

sợi lông chân mà đổi lấy thiên hạ cũng không thèm, hoặc coi nhân nghĩa như giày dép rách, xem lễ là đầu mối của loạn ly trộm cướp...

Phái Nho gia có thuyết tôn quân nên bị nhà cầm quyền khai thác lợi dụng, nhân đó mà có bọn hủ nho xuất hiện, được nhóm vua chúa nâng đỡ đủ mọi phương tiện.

Nhưng, dù bị đàn hạc, bị bức bách đủ mọi hình thức, văn học u mặc chẳng nhưng không bị tiêu diệt lại còn càng ngày càng mạnh. Đúng như lời Lão Tử: "Tương dục phế chi, tất cố hưng chi". Cũng như văn trào lộng của nước Pháp ở thế kỷ mười tám sở dĩ được phát đạt

một thời với những ngòi bút trào lộng bất hủ của Voltaire và Rousseau, phải chăng là "nhờ" nơi cái nhà ngục Bastille mà được vừa tế nhị, vừa rực rỡ! "Họa chung hữu phúc" là vậy!

Nguồn tư tưởng phóng khoáng của Đạo gia quá to rộng như đại dương, không sao đụng được trong những ao tù nhỏ hẹp, nó vượt khỏi thời gian không gian, ôm chầm vũ trụ, siêu thoát Âm Dương... không ai có thể lấy ngao mà lường biển. Cho nên tư tưởng Trung cổ về sau, dù đại thế của Nho gia được đề cao và chiếm địa vị độc tôn, cũng không làm sao ngăn trở nó được. Văn khí của u mặc hồn nhiên mạnh mẽ như giông to gió lớn, trước nó không một chướng

ngại vật nào có thể đứng vững.

Huống chi người Trung Hoa trí thức nào cũng có hai tâm hồn: Bên ngoài là một ông Khổng, bên trong là một ông Lão. Nho Lão cùng ở trong một người mà không bao giờ nghịch nhau. Hạng trung lưu, không một người Đông phương nào, cả Trung Hoa, Nhật Bản hay Việt Nam mà đọc lên bài "Quy khứ lai từ" của Đào Uyên Minh lại không biết thích thú, nhất là hạng người say mê trong con đường nhập thế. Ngày có làm, thì đêm phải có nghĩ, đó là định luật của thiên nhiên: "Nhật hạp nhật tịch vị chi biến". Văn học u mặc là "mở", văn học cẩn nguyện là "đóng", nghĩa là khép kính trong vòng tiểu ngã, trong các giáo

điều luân lý tôn giáo, nguồn gốc sinh ra không biết bao nhiêu việc nhỏ nhen ích kỷ và giả dối.

Văn học Trung Hoa, ngoài thứ văn học lăng miếu trong triều đình không kể, còn điều là thứ văn học rất đắc thế cho tư tưởng u mặc.

Văn học trong miếu, thực ra, chưa đáng kể là văn học, vì nền văn học có linh tính chân thật phải đi sâu vào tâm tư con người để khám phá và cởi mở những khác vọng thầm kính của nó mà ước lệ giả tạo của xã hội cấm đoán. Để hòa đồng với thiên nhiên phải tránh xa lối văn nhân tạo. Đó là đặc điểm đầu tiên của u mặc.

Ở Trung Hoa, nếu chỉ có nền văn học cẩn nguyện của Nho gia đạo thống mà thiếu nền văn học u mặc của Đạo gia, không biết văn học Trung Hoa sẽ cằn cõi khô khan đến bậc nào, tâm linh người Trung Hoa sẽ sầu khổ héo hắt đến chừng nào!

Nhận xét trên đây của nhà văn họ Lâm rất đúng, không riêng gì cho Trung Hoa mà cho tất cả mọi nền văn học trên khắp địa cầu. Nhà văn Chamfort có viết: *"Triết lý hay nhất là hỗn hợp được sự vui đời mà trào lộng chua cay với sự khinh đời mà độ lượng khoan hòa"*

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyên Tác: Nguyễn Duy Cần

U mặc là ngọn thanh phong trong những buổi trưa hè oi ả... của cuộc đời!

Khổng Tử đi hỏi lễ Lão Tử. Lão Tử nói: *"Lời nói của ông là lời nói của những kẻ nay đã xương tàn cốt rụi. Vả, người quân tử đắc thời thì đi xe, không đắc thời thì tay vịn nón lá mà đi chân. Ta nghe rằng kẻ buôn giỏi khéo giữ của quý như không có gì, người quân tử đức thạnh, dung mạo như người ngu. Họ khác với cái kiêu khí và đa dục của ông. Thái sắc ấy và dâm*

chí ấy không ích lợi gì cho ông cả! Ta sở dĩ báo cho ông biết có bấy nhiêu thôi".

Đoạn văn trên đây của Tư Mã Thiên nói về Lão Tử và Khổng Tử, có cái ý vị trào lộng mà chua cay của người thời chiến quốc đối với hạng người thích làm thầy đời, chưa thể là văn u mặc thượng thừa. Phái siêu thoát, nếu lại nhập vào dòng yếm thế và phẫn thế, sẽ mất lần đi cái tinh thần chân chính của u mặc. Căn cứ vào tiêu chuẩn này, ta có thể nhận thấy rằng sách của Trang Tử gồm cả thảy ba mươi ba thiên, nhưng chỉ có nội thiên là toàn bích, phản ảnh đúng tinh thần u mặc thượng thừa của Trang Châu mà thôi. Các thiên chương khác,

cũng có một số mà giọng trào lộng không kém Trang Châu, nhưng lại có giọng chua cay phẫn the (có thể do các tay Trang học, đạo theo lối văn u mặc của Trang), nên kém xa thần thái siêu thoát của Trang, như ở Thiên đạo chích chẳng hạn.

Khổng Tử lắm lúc cũng tỏ ra tinh thần u mặc: Sau một thời gian bôn ba thuyết khách, cốt đem đạo học truyền bá cho hàng đế vương mà không thấy ai biết dùng đạo mình, bèn than: *"Dư dục vô ngôn. Thiên hà ngôn tai!"*. Rồi khi bị dồn vào thế kẹt, lại trào lộng tự bảo *"tri kỳ bất khả nhi vi chi!!"*

Bởi vậy, điều mà ta thích ở Khổng

Tử, đâu phải lúc ông thiếu thời, sớm được thành công, đầy hăng say và tiểu khí ra tay giết Thiếu Chính Mão, mà chính ở vào lúc liên miên thất bại nhưng không mất vẻ trào lộng, thời mà ông không muốn chỉ *"làm trái bầu treo lủng lẳng mà không ăn được!!"*. Vậy mà bọn hủ nho chỉ biết thích thú vỗ tay hoan nghênh cái ông Khổng Tử giết Thiếu Chính Mão, mà không biết thích cái ông Khổng Tử, vời cái cười trào lộng, khen cái chí của Tăng Điểm *" Tắm sông Nghi, hứng gió ở nền Vũ Vu, trên đường về, cùng nhau nắm tay ca hát!"* Nghĩa là họ chỉ biết thích cái ông Khổng bên ngoài của ông Khổng, mà không biết thích cái ông Lão ở bên trong của ông Khổng, cái ông Khổng *"tòng ngô sở*

hiểu"!

Về sau Mạnh Tử cũng còn giữ được cái tính chất khôi hài khi ông *" vượt bức tường đông để ôm chầm người con gái"*, điều mà bọn sĩ phu về sau không bao giờ dám hở môi.

Đến sau này, bọn hủ nho lại càng ngày lại càng kém, không đủ để bàn đến. Ngay như Hàn Phi Tử, tuy có tính cách trào lộng, nhưng lại thiếu sự nhẹ nhàng tự nhiên, nên cũng không sao theo kịp u mặc. Đến như bọn Đông Phương Sóc, Mai Cao đều chỉ là hạng người hoạt kê trào phúng, chưa có đủ bản sắc u mặc thượng thừa.

Mãi đến Vương Bật, Hà Án với tinh thần phóng khoáng của lão Trang, lại thêm có nhóm Trúc Lâm thất hiền tiếp tục khởi xướng, nên mới mở ra được cái phong thái thanh đàm, quét sạch được cái khí vị nặng nề móc meo của hủ nho thời ấy.

Trong cái không khí tự do đó, tư tưởng đời Chu Tần được cơ hội khai phóng, biến thành một phong trào hoạt đàm tự thích, như cây cỏ được cái nắng mùa hạ mà xum xuê, để rồi tiến sâu vào cảnh vật mùa thu. Kết quả là cuối đời Tấn, một nhà thơ trào lộng u mặc thành thục Đào Tiềm xuất hiện. Theo nhà văn họ Lâm, thì "cái vẻ đạm bạc tự thích của Đào Tiềm không giống cái vẻ cuồng

phóng của Trang Châu, cũng không có cái bi phẫn của Khuất Nguyên"

So sánh bài *" Quy Khứ Lai Từ"* của Đào Tiềm với các bài *"Bốc cư"*, *"Ngư phụ"* của Khuất Nguyên, tuy điều là những bài văn cao quý như hoa thơm cỏ lạ, nhưng văn họ Đào không có cái hồn âm kịch liệt và ai phẫn của Khuất Nguyên.

Họ Đào, như họ Trang, đều chủ trương về với tự nhiên, nhưng đối với thế tục, Đào không có cái bén nhọn như Trang. Đào không chịu *" khom lưng, quỳ lụy vì năm đấu gạo"* mà thương xót cho mình quá ngu dại vì miếng ăn đem đổi nhân phẩm của mình, còn Trang sinh

thì lại cười vang cho bọn bon chen theo danh lợi không hơn gì bò lợn được dưỡng nuôi để mà xẻ thịt!

Nói thế, đâu phải chê Trang mà khen Đào, là vì, sự thật, có nhiều thứ u mặc: U mặc trong thi ca tự thích thì Đào là thủy tổ, mà u mặc trong văn nghị luận thì Trang là tối cao. Bản chất của thi ca là nhẹ nhàng thanh nhã, cho nên Đào rất ôn hòa là cái lẽ nó phải vậy. Họ Lâm cho rằng Trang Tử là thứ u mặc thuộc dương tính, còn Đào Tiềm là thứ u mặc thuộc âm tính: Khí chất khác nhau mà thôi.

Người Trung Hoa chưa nhận thức rõ ràng ý nghĩa sâu xa và vai trò quan

trọng của u mặc nên cho rằng u mặc cũng đồng nghĩa với hoạt kê trào phúng, khiến nên u mặc bị kẹt trong một phạm vi hoạt động co hẹp.

Sau Trang Tử, văn chương u mặc có tính khí ngang tàng không thấy tiếp tục xuất hiện nữa. Là vì những tư tưởng phóng dật ấy bị thế lực đạo thống của Nho gia và quyền uy của vua chúa áp đảo. Trong khoảng hai ngàn năm người viết văn nghị luận đều phải theo đòi thánh hiền còn kẻ sĩ cầm bút cũng chỉ múa may trong vòng Khổng Miếu. Nếu có thứ văn nghị luận nào mới mẻ, kiến giải có hơi siêu phàm thoát tục liền bị coi là phản lại đạo đức, biện ngôn hay ngụy thuyết. Thậm chí bọn đại sĩ phu

còn quy cho Hà Án, Vương Bật về tội xúi giục thối lan tràn của Kiệt Trụ, làm cho nhân nghĩ bị chìm đắm, nho phong mờ mệt, lễ nhạc băng hoại. Sở dĩ nước Trung Hoa điên đảo, họ cũng đều quy tội cho u mặc gây ra. Vương Lạc thanh đàm, vậy mà bọn hủ nho cho đó là triệu chứng diệt vong của nước tấn. Sự thanh đàm còn chẳng được chấp nhận, thì còn ai dám chủ trương nói đến chuyện *" tuyệt thánh, khí chí"*, *" tuyệt nhân, khí nghĩa!"*

Các hủ nho có thể đem vứt bỏ văn học u mặc ra ngoài văn chương lăng miếu, mộ bia, nhưng không thể vứt nó ra khỏi cuộc sống của con người, vì u mặc là phần đặc biệt và quan trọng nhất của

đời người. Dù là trong sinh hoạt của các nhà đại nho, dù học là những người sáng tạo ra văn học cần nguyện trang nghiêm đạo mạo bậc nào, trong những khi cùng bạn hữu đàm đạo, há chẳng có những lúc cười đùa châm chọc nhau sao? Chính những phút ấy là những giây phút thần tiên, tâm hồn cởi mở và sống thật. Chỗ khác biệt giữa văn học cẩn nguyện và văn học u mặc là văn cẩn nguyện thiếu cái "ướt át" của u mặc mà thôi.

Trong nền văn học Việt Nam, mà thiếu văn chương lãng mạn u mặc của ca trù, thử hỏi còn có cái gì là tự do sinh khí nữa! Vậy mà bọn đạo đức giả nước ta không ngớt lên án là thứ văn chương du hí và vong quốc! Người ta đã kém

thành thật đối với mình.

1 2

[Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Hai

Những Yếu Tố Chính Của U Mặc

U Mặc Và Bất Ngờ

Yếu tố quan trọng nhất của văn u mặc là sự bất ngờ, nghĩa là không thể dự liệu trước được.

Sứ mạng của u mặc không phải là ru ngủ với những tập quán, thành kiến cố hữu của con người, mà cốt là thức tỉnh con người bằng nghịch thuyết, một cách tự nhiên và đầy nhân ái.

Phàm việc gì trên đời, có *"cùng"* mới có *"biến"*, mà có *"biến"* mới có *"thông"* như Dịch Kinh đã dạy. Và sự biến ấy là một sự đột biến do sự tiệm biến lâu ngày... Nhờ vậy mới có chỗ *"thông"*. Thông, tức tiếng *cười* của ta đó.

Tâm tư con người bị trói buộc trong vòng lễ giáo chật hẹp quá, luật pháp và cấm kỵ bủa giăng, phong tục, tập quán và thàng kiến bao vây nghiêm nhặt quá,

cho nên văn chương u mặc mang lại sự cởi mở bất ngờ như ngựa thoát yên cương, mới phát ra được tiếng cười chiến thắng: Cái cười *"cởi mở"* phá lao lung.

Định nghĩa về *"cái cười"*, Marcel Pagnol, trong thiên tiểu luận *"Notes sur le Rire"* cũng nhận xét đại khái sau đây:

1. Cười là tiếng ca đắc thắng. Nó là biểu hiện của một sự cao cả tạm thời, đột nhiên bị khám phá ra được nơi người cười đối với người bị chế nhạo.

2. Cười có hai thứ, rất kiên quan mật thiết với nhau như hai đối cực của quả địa cầu. Có cái cười tích cực: Tôi

cười vì tôi cao hơn anh, cao hơn tất cả thiên hạ hay cao hơn tôi lúc trước. Lại cũng có cái cười *"tiêu cực"*, cái cười gắt gỏng chua cay, cái cười buồn bã, cười về chỗ thấp kém của kẻ khác, cái cười khinh bạc ngạo nghễ đối với người thất thế, cái cười trả thù và hằn học: Tôi cười, không phải vì tôi đắc thắng vinh quang hơn anh, mà tôi cười sự thất bại tủi nhục của anh.

3. Giữa hai cái cười ấy, còn có một thứ cười toàn diện gồm cả hai thứ cười tích cực và tiêu cực.

Để chứng minh, Pagnol đưa ra một thí dụ điển hình về tiếng cười vang của dân lành thành Paris bị quân Đức chiếm

đóng, ngày Lecterc dẫn binh nhập thành. Người dân Pháp cười lăng cười lóc, cười đến nước mắt ràn rụa, vì nước Pháp đã được giải phóng và được hoàøn lại địa vị của mình trước vạn quốc. Họ cười sự chiến thắng của mình, mà cũng cười sự chiến bại của quân địch.

Định nghĩa của M. Pagnol, trên đây kể ra cũng đã khám phá được một phần khá lớn cái mật nhiệm của tiếng cười là giải phóng được tâm tư bị mặc cảm tự ty dồn ép đến tận cùng.

Bergson cũng định nghĩa tiếng cười cách khác: Hài hước là đem *"hình thức máy móc mà trồng lên sự sống"* (du

mécanique plaqué sur du vivant). Thuyết ấy khá hay. Nó cũng không nghịch với Pagnol, mà còn chứng minh một cách rõ ràng hơn là khác.

Thật vậy, những cử động của thân thể con người mà gợi cười là khi nào nó không cử động được một cách tự nhiên nữa, mà chỉ hoạt động một cách máy móc, như những hình nộm bị giật dây. Cái khía cạnh đạo mạo và long trọng của đời sống xã hội hằng ngày luôn luôn có ẩn bên trong một cái gì lố bịch, hài hước. Một cuộc lễ trao giải thưởng, một phiên tòa án thường dễ trở thành hài hước khi mà người ta đã quên phần chính mà chỉ chú trọng đến những phần phụ thuộc, những hành động máy móc

hình thức. Những sự méo mó của nghề nghiệp thường làm cho ta tức cười, những trường hợp các nhân viên nha quan thuế, sau khi lội xuống biển cứu xong những kẻ bị đắm tàu, quen miệng hỏi: "Các anh không còn gì khai nữa chăng?"

Bất cứ một cá nhân nào hành động như cái máy ở trước mặt ta, phải chăng tự họ đã tỏ ra thấp kém hơn ta nhiều, còn ta đã trở thành một tâm hồn tự do không bị xã hội biến thành một dụng cụ vô hồn.

Cũng nên nói qua về một công dụng khác của văn chương trào lộng: *"nói tục"*. Tục... mà thanh. Cái đó mới khó.

Cái mà xã hội gọi là phạm đến" thuần phong mỹ tục" phải chăng thực sự là những tội lỗi mà ở trong xã hội tự nhiên không có gì gọi là tội lỗi cả! Đó là những thỏa mãn, tự nhiên của con người, nếu bị cấm đoán sẽ bị dồn ép. Ở những xã hội tự nhiên, các sự thỏa mãn nhu cầu tự nhiên không thấy gì đáng cười cả, trái lại, ở những xã hội văn minh giả tạo, thì đó là những câu chuyện buồn cười! Nhà văn Lâm Ngữ Đường cho rằng: "Kẻ giỏi về hoạt kê, là kẻ nói lên được những cái hợp tình hợp lý ngoài dự liệu của mọi người. Và nó sẽ là những lời của kẻ khác không dám nói (...). Do đó, hoạt kê đổi sang "nói tục", vì "nói tục" cũng có tác dụng buôn thả

cởi mở sự bị ức chế trong tâm tư. Và trong hoàn cảnh tương đương như vậy, lời "nói tục" cũng hợp với tinh thần khang kiện (...). Bởi vậy ta thường thấy nhiều ông bà thời thường hết sực đoan trang đạo mạo, khi nóng giận bực tức việc chi, hay "văng tục" khinh khủng!

Ngày xưa, bên Trung Hoa, Thuần Vu Khôn đáp lời của Tề Uy Vương: "Hạ thần uống một đấu cũng say, mà uống một thạch cũng say!"

Uy Vương hỏi:

1 2 3 4 5 6 7

Cái Cười Của Nguyên Tác:

- *Uống một đấu cũng đã say rồi, thì làmsao uống được một thạch?*

Thuần Vu Khôn đáp:

- Khi hầu cận bên hoàng thượng, thì chỉ uống một hai đấu là đã say nhừ rồi! Nhưng, nếu khi ngồi lộn xộn với đám trai gái, nắm lấy tay không phạt, liếc mắt không cấm, trước rời hoa tai sau lỏng cài trâm... thì có thể uống tới tám đấu mới chịu say. Cũng như khi trời chiều rượu cạn, cùng tôn kính nhau mà ngồi sát bên nhau, trai gái đồng tịch, giày dép lộn xộn ngổn ngang, trên nhà nến tắt, chủ nhân giữ Khôn lại và màn mở tung ra,

nghe hơi hương nồng thắm, trong lúc ấy Khôn quá vui thích, có thể uống cả một thạch!

Trương Vương vẽ mày cho vợ, bị nhà vua cật vấn, trả lời: *"Trong khoảng buồng the, việc vợ chồng há chỉ có vẽ chân mày mà thôi đâu!"* Đó là hoạt kê, khiến người ta cười, nhất là khi có sự cấm kỵ không nên nghe, mà lại nói ra được một câu hợp tình hợp lý không chối cãi.

Tương truyền có một người đến hỏi một đạo sĩ về thuật trường sinh bất lão. Đạo sĩ bảo phải tiết dục, ăn sương nằm gió, xa lánh đàn bà, cấm ăn cao lương mỹ vị... thì mới có thể trường sinh.

Người ấy nói:

- Như thế thọ đến nghìn năm cũng chả có ích gì! Thà chết yểu còn hơn!

Cái cười như đã định trước đây, là do sự khác biệt về địa vị, về giai cấp sang hèn trong xã hội.

Những rủi ro bất ngờ xảy ra cho những kẻ có một địa vị cao cả, tôn nghiêm dễ làm cho người dân đen cười lắm. Người khùng, không ai cười, mà một vị vua chúa, cao sang tôn quý lại rủi ro khùng khịu, nói lắp. Nói ngọng... sẽ làm cho thiên hạ cười vang.

Cũng như một cái lỗi chính tả, đối với thí sinh tiểu học không làm gì cho người ta cười được, vì cười nó đâu có chứng tỏ sự tài giỏi của ta hơn nó đâu. Trái lại, nếu là một ông giáo sư mà viết sai chính tả, sẽ làm cho học trò cười lên một cách sung sướng.

Chế giễu bọn người nhiều may mắn, nhiều uy quyền, nhiều tài hoa hơn thiên hạ là giúp cho đám người vô thiếu may mắn, thiếu uy quyền, thiếu tài hoa... cảm thấy trong một thời gian ngắn, cao hơn những hạng người trong thực tại cao sang tài giỏi hơn họ kia. Làm cho họ cười là giúp cho họ một cơ hội nhỏ bé và tạm thời lấy lại chút ít lòng tự tin đã mất, trước những thực tế phũ phàng.

Bởi vậy, những vở hài kịch, nhiều ít, đối với số đông khán giả, là một liều thuốc bổ, nâng đỡ tinh thần trong cuộc sống vất vả hàng ngày. Đối với những bệnh nhân vì nản chí, chán chường, mệt mỏi... cười quả là một liều thuốc bổ. Marcel Pagnol bảo rằng: Cười, làm tăng hồng huyết cầu, vì nó làm cho lá lách ta nở lớn hơn. Ông lại còn cho rằng: Những kẻ không còn cười nữa vì những lý do bên ngoài, lần lần sẽ mất sinh lực, mất cả sự nhanh nhẹn và mất cả lòng nhân ái.

Chính vì những lời lẽ nói trên mà ta thấy phần đông người dân rất thích đọc những bài văn chửi người, những bài

thơ ngang, trào lộng châm biếm. Người ta không bao giờ cười đối với kẻ mà ta khi, nhưng sẽ cười những chở sơ hở của những kẻ hơn ta về nhiều phương diện. Người ta đâu có cười kẻ si tình tầm thường trong dân gian, mà cười lăn ra khi gặp phải một ông sư cụ mà lại tương tư:

"Sư đang tụng niệm nam mô!
Thấy cô xách giỏ mò cua bên chùa.
Lòng sư luống những mơ hồ,
Bỏ cả kinh kệ, tìm cô hỏi chào
Ai ngờ cô đi đường nào,
Tay cầm tràng hạt ra vào ngẩn ngơ!
Ba cô đội gạo lên chùa,
Một cô yếm thắm bỏ chùa cho sư.
Cô về, sư ốm tương tư,
Ốm lăn ốm lóc cho sư trọc đầu!

Ai làm cho dạ sư sầu,
Cho ruột sư héo như bầu đứt dây!"

Cái cười trên đây, là cười sự sút kém của kẻ khác.

Bên La Mã ngày xưa, trong những ngày lễ chiến thắng, người ta cho phép các binh sĩ được quyền chế nhạo những vị anh hùng đã lập được chiến công oanh liệt... là để hạ bớt lòng tự kiêu, tự đắc rất có hại cho những kẻ thắng trận.

Những điều nói trên đây, có thể làm sáng tỏ phần nào nguồn gốc và tính chất của tiếng cười nói chung, nhưng đều là những loại hoạt kê uẩn ức theo cơ trí, thú trào lộng châm biếm của những tâm hồn còn phẫn thế.

Một bài văn trào lộng u mặc không phải như vậy. U mặc là châm biếm, nhưng châm biếm một cách tự nhiên và . đượm màu ưu ái.

U Mặc Và Tự Nhiên

1 2 3 4 5 6 7

Đặc .điểm thứ hai của văn u mặc là *tự nhiên*. Đọc văn u mặc thượng thừa, ta không cảm thấy làm văn, không thấy sự .đẽo gọt. Đơn giản và tự nhiên là chỗ cao tột của nghệ thuật và u mặc.

U mặc là khách quan mà nhìn xem sự thế, còn cơ kính là chủ quan, bóp tròn bẻ méo việc đời để tha hồ vu khống xuyên tạc. U mặc thì hư không, có mùi lạt lẽo, còn phúng thích thì chua cay và bén nhọn.

Viết văn u mặc phải có được một tấm lòng thản nhiên vô tư, nhìn xem thế sự có chỗ vui thích tự nhiên rồi dùng ngọn bút khinh khoái mà mô tả không thấy có gì ngượng nghịu, trở ngại, không gò ép, không lo sợ, không cầu được có kẻ tán thành cũng không sợ có người chỉ trích.

Du khách viếng chùa Hoàng Bích

bên Nhật đều không ngớt trầm trồ bức hoành viết ba chữ "Thắng Nghĩa Đế" bằng đại tự, khắc ở cổng chùa.

Tương truyền ba chữ ấy do hòa thượng Kosen viết, cách đây lối hai trăm năm. Hòa thượng bắt đầu viết thử trên giấy rời. Bên cạnh, có một chú tiểu ngồi lo mài mực vừa chê khen. Viết lần đầu, chú tiểu chê xấu. Lần sau chú lại cũng chê xấu. Hòa thượng kiên nhẫn thử đến tám mươi tờ giấy. Chú tiểu cũng kiên nhẫn chê đến tám mươi tám lần.

Chú tiểu có việc ra ngoài

Hòa thượng cảm thấy nhẹ nhàng vì đã thoát khỏi cặp mắt quá quắt của chú

tiểu, bèn múa bút, viết một hơi... quên mình, quên chú tiểu, quên cả chung quanh.

Viết vừa xong, thì chú tiểu trở vào.

Chú nhìn đứng sửng một hồi, khen:

- Thật là tuyệt bút!

Tóm lại, văn u mặc, tuy có nhiều hình thức cao thấp khác nhau, nhưng tựu trung đều có ngọn bút nhẹ nhàng, đều lấy tự nhiên là chủ yếu.

Cái u mặc sở dĩ khác với văn chương du hí của Trung Hoa, là không hoang đường, vừa trang trọng vừa hài

hòa phát xuất tự chỗ *tự nhiên* để bàn đến nhân tâm thế sự và *tuyệt đối không bao giờ thấy có giọng hề.*

Đọc văn u mặc không bao giờ thấy sự cố cưỡng gò ép tử tư tưởng đến văn từ. Trên con đường nghị luận ít có sự ràng buộc, cho nên vui buồn, thương ghét đều phát xuất một cách chân tình. Văn u mặc khác văn trào lộng châm biến ở chỗ kín đáo của nó, thường thì chỉ nhận ở khóe mắt hơn nụ cười cửa miệng.

U mặc có nhiều thứ, có nhiều nghĩa rộng hẹp khác nhau. Theo Tây phương thường lại có ý nghĩa bao quát tất cả những gì khiến cho người ta cười, trong đó có những cái cười thô tục, bỉ lậu...

Theo nghĩa hẹp, thì u mặc khác xa châm biếm cười đùa. Trong cái cười, có nhiều cách, như cười chua, cười đắng, cười nhạt, cười điên, cười nụ, cười vang... Lại cũng có cái *cười lập đức*... Nhưng trong tất cả mọi thứ cười, cái cười u mặc là một thứ cười hồn nhiên phát tự một trí huệ tuyệt vời, một tâm hồn siêu thoát, nặng về tình cảm nhẹ nhàng.

Tây phương bàn về u mặc có Aristote, Platon, Kant, nhưng đại để giống với Aristote, cho rằng: Cười, là lâm vào tình trạng khẩn trương đang đợi sự biến đổi thình lình. Tức là chỗ mà Dịch Kinh bảo: *"Cùng tắc biến"*

Freud, có đưa ra một dẫn chứng rất lý thú: "Một hôm có người bạn nghèo, đến người bạn giàu vay một số tiền. Hôm sau, anh nhà giàu gặp người bạn mượn tiền đang ngồi tại quán ăn trước một món ăn rất sang. Anh bạn giáu đến trách:

- Anh vừa mượn tiền của tôi, lại rồi ra đây ăn uống sang thế à! Vậy, thì anh mượn tiền để đi ăn ngon sao?

Người bạn nghèo đáp:

- Tôi không hiểu anh muốn nói gì cả. Tôi không tiền, nên không thể nào thưởng thức được món ăn ngon này. Vậy khi có tiền, lại cũng không được ăn món ngon này, vậy xin hỏi anh, đến chừng nào tôi mới được ăn món ngon này?

Anh nhà giàu cười, vỗ vai anh bạn nghèo rồi bỏ đi.

Trong khi anh bạn giàu hỏi, tình trạng thật là khẩn trương. Đến khi nghe câu trả lời của người bạn nghèo, thì tình trạng căng thẳng trong tâm tư bèn được giải tỏa, nhẹ nhàng thư thái... Cười, có cái tác dụng giải phóng thần kinh là vậy. *"Bí ẩn tắc thông"* là thế, như Dịch Kinh

đã nói.

U mặc mà càng được bao trùm rộng rãi ra thế nhân bao nhiêu càng lại được nhiều kẻ đồng tình bấy nhiêu, bởi vì trong đám người nghe không ai thấy là chính cá nhân mình bị chỉ trích. Cho nên u mặc mà cao là khéo nói những chuyện bông lông, không nhằm vào một cá nhân hay một đoàn thể nào cả. Lấy việc xưa mà nói việc nay, cũng như *lấy mình làm mục tiêu chế nhạo* thì không ai nhột nhạt khó chịu và oán ghét. Vì vậy mà thường văn chương u mặc hay có tính cách *ngụ ngôn* và *tự trào*

"Sô Ky, người nước Tề, tướng cao, mặt mũi khôi ngô. Một buổi sáng soi

gương, hỏi vợ:

- *Ta đẹp hay Từ công đẹp?*

Vợ đáp:

- *Tướng công đẹp, Từ công sao sánh được?*

Kỵ không tin, hỏi lại người thiếp, thiếp nói:

- *Từ công sánh gì nổi Tướng công!*

Có khách đến, Kỵ cũng hỏi thế. Khách đáp:

- *Từ công đẹp sao bằng ngài!*

Hôm sau Từ công đến chơi. Kỵ nhìn kỹ, biết mình không bằng. Lại soi gương càng thấy mình kém xa"

Ngẫm nghĩ rồi vào triều, tâu với Tề vương:

- *Thần vốn biết dung mạo không bằng Từ công, vậy mà vợ thần vì yêu, thiếp thần vì sợ, khách thần thì muốn cầu cạnh, đều nói thần đẹp hơn. Nay nước Tề, đất vuông ngàn dặm, thành quách trăm hai, trong cung không ai là không yêu đại vương, bốn phương không ai là không mong chờ đại vương. Như vậy, đủ thấy người ta đã che mắt đại vương rất nhiều rồi vậy!*

Chỗ u mặc của Sô Ky, là biết lấy các việc mình bị *"che mắt"* hoặc tự tạo ra để cảnh tỉnh sự bị *"che mắt"* của người khác, không riêng gì là của một ông vua, mà tất cả mọi người.

U Mặc Và Tình Thương

Tiếng cười u mặc vì vậy, có thêm một đặc điểm thứ ba la ø*tình thương*

1 2 3 4 5 6 7

Tiếng cười u mặc là tiếng cười

ôn nhu hòa hoãn, phát tự tâm linh siêu thoát, vượt lên xa những cái nhỏ nhen cố chấp của người đời.

Nếu châm biếm hài hước mà có tính cách cá nhân sẽ không còn phải là tinh thần u mặc nữa. Bởi vậy, những câu châm biếm có tính cách chua cay ác độc, hằn hộc nguyền rủa không phải là u mặc.

Tình cảm của u mặc là siêu thoát, là đạt thấu nhân tình đạo lý, người đọc văn không thể không vui mà nhận nó, như trường hợp Tề vương trên đây. Nguyền rủa, trịch thượng thì lời nói nặng nề, thô lỗ, kẻ bàng quan dù có cho là lẽ phải cũng rất khó mà đồng tình. Cười cái

điên của một cá nhân nào. Jean Paul Richter nói rất chí lý: *"Dưới con mắt của nhà văn u mặc, không có cái điên nào cho ai cả, mà chỉ có lũ con người điên, và cả một thế giới điên loạn mà thôi"*

U mặc và phóng thích có nhiều chỗ gần nhau, nhưng không nên xem phúng thích là mục đích của u mặc. Phúng thích hay đi đến chỗ chua cay. Phải bỏ cái vẻ chua cay mà đạt đến một tâm cảnh trống không và hờ hững. Lại còn phải thêm một vài điểm từ bi nhà Phật là khác.

Trào lộng u mặc phải có vẻ ôn hòa thuần hậu, có tính cách thương xót cho

số phận của con người. Đùa cợt, nhưng không đùa cợt theo cách hằn thù định làm nhục đối phương, mà đùa cợt một cách âu yếm như bậc cha anh đùa những cái lầm khả ái của con em mình. U mặc là trào lộng với thâm ý làm cho giác ngộ. Công dụng của nó là *lập đức*, bởi vậy, trong tiếng cười có pha giọt lệ, hay nói cách khác, u mặc là *"tương tiếu nhất thinh song lê lạc"* là *"những giọt lệ trong con mắt đang cười'* (des larmes dans un oeil quy rít). Bên Espana, người ta khuyên nên đọc sách trào lộng của Xervantès ba lần: Lần thứ nhất để cười, lần thứ hai để suy nghĩ, lần thứ ba để khóc. Thiết nghĩ, đọc bất cứ văn trào lộng thượng thừa nào cũng vậy, đều cũng phải như thế mới được.

U Mặc Và Nghịch Thuyết

Điểm then chốt của văn u mặc là nghịch luận, nghĩa là nói nghịch mới gây được sự bất ngờ, gây được lòng phẫn uất và bắt người ta phải đặc lại vấn đề. Là vì không có câu nói nghịch nào mà không có phần phải của nó, mặc dù nó không vừa lòng đẹp ý ta. Bất cứ một thứ chân lý nào cũng đều có hai mặt, cuộc biến động nào cũng có hai chiều: Thái cực nào cũng gồm cả hai nghi (lưỡng nghi), nói theo Kinh Dịch. Lão Tử bảo rất đúng: *chánh ngôn nhược phản*. Lời nói chính giống như là những lời nói nghịch: Nghịch để mà bổ túc, chứ không phải để phủ nhận hoàn toàn đối phương.

Bởi vậy, trong bất cứ chế độ tự do nào, phần đối lập là phần quan trọng nhất, vì thiếu nó, không có tự do. Trên đời này không bao giờ có chân lý tuyệt đối, cũng như không có sai lầm nào là sai lầm tuyệt đối, cho nên có thể nói, không có sai lầm, chỉ có những chân lý phiến diện mà thôi.

Nhà văn trào lộng nào mà hằn học, thù oán đối phương, nhục mạ mạt sát không tiếc lời, chưa phải là nhà văn trào lộng u mặc. Họ thường muốn tỏ ra rất đạo đức và đóng vai trò "cảnh sát kiểm tục", "thiết diện vô tư"... Nhà văn trào lộng u mặc có khác, họ có cái giọng "khinh thế ngạo vật", chống đối đạo đức, thứ đạo đức giả trên đây. Đạo đức

mà khắc nghiệt thường giúp cho tội lỗi càng thêm bành trướng, vì "ăn vụng" bao giờ cũng ngon hơn là bị bắt buộc phải ăn mà không dám cãi. Đúng như câu nói này của người xưa *"tương dục phế chi, tất cố hưng chi!"* (hòng muốn phê đó, lại làm cho đó hưng lên). Lạ gì cái thú "ăn trái cấm", thủy tổ loài người mà còn phải sa vào tội lỗi đầu tiên ấy là *"ăn vụng"!* Pascal nói rất đúng: Người đâu phải là một ông thánh cũng đâu phải là một con thú... Và khốn nạn thay, kẻ chỉ muốn làm ông thánh, lại biến thành con thú.

Trang Tử cười Khổng Tử, đâu phải cười đạo đức của Khổng Tử, mà cười cái thứ đạo đức giả của lũ học trò

Khổng giáo, họ *"bảo hoàng"* hơn hoàng đế! Nietzche nguyền rủa đạo đức, vì ông là một nhà đạo đức thật, thấy rõ cái trò hề giả dối của bọn giả nhân giả nghĩa. Bởi vậy mới có người bảo: "Kẻ nói nhân nói nghĩa là thằng khôn, bọn nghe thuyết nhân thuyết nghĩa là đồ dại"

Nhưng dù "chống đối", u mặc chống đối bằng cách nhẹ nhàng cười đùa chứ không hằn học khắc nghiệt.

Trang Tử viết:

"Có nơm là vì cá,
Đặng cá hãy quên nơm"
"Có dò, là vì thỏ
Đặng thỏ hãy quên dò"
"Có lời, là vì ý,

Đặng ý, hãy quên lời"
"Ta tìm đâu đặng người biết
Quên lời, hầu cùng nhau đàm luận!"

Đọc kinh Kim Cang, ta cảm thấy dường như Phật viết tới đâu, là xé tới đó. Đến cùng, không còn một câu một chữ nào để cho người đời sau bấu víu: Phật đã xé kinh mà nói Pháp. Đọc kinh Phật thượng thừa, phải biết đọc kinh "vô tư".

Cho nên văn u mặc còn lại chỉ những bài văn ngụ ngôn, nói bâng quơ, nói bông lông, không nhắm việc của ai cả, không cổ, không kim, không sách, không vở... Là để nói lên những gì thoát khỏi văn tự, thoát khỏi thời gian và không gian. Danh từ phải có định nghĩa.

Mà có định nghĩa là có giới hạn rõ ràng. Cho nên văn tự không phải để nói lên có một khía cạnh nào của chân lý mà thôi. Vì vậy, ta thấy trong những câu văn u mặc có lối ghép chữa lạ lùng: Những danh từ đối lập thường được đôi như cặp âm dương trong đồ Thái cực. Văn u mặc phát lên tiếng cười, tiếng cười của thức giả đã thấy rõ con voi toàn diện, cười lũ mù rờ voi đang tranh luận với nhau om sòm để dành lẽ phải về mình: Một lẽ phải tương đối và phiến diện.

Về văn chương, phần cốt tử là ở những chữ *"nhưng"*, chữ *"ma"*'... Có những việc dở, nhờ chữ *"nhưng"* mà trở thành hay, cũng có lắm chuyện hay, chỉ vì chữ *"nhưng"* mà đâm ra dở.

Trong khi nhà Nho xem quá nặng cái chết, câu chấp trong việc tang lễ, an táng thì lo quan quách mỏng dầy, phục tang thì hạng kỳ nhất định với những nghi lễ vô cùng phức tạp chung quanh một cái xác thúi, thì Trang Tử cất tiếng cười vang... cười về cái chết của mình mà được người người muốn hậu táng:

Trang Tử gần chết. Các đệ tử muốn hậu táng.
Trang Tử không cho:
Ta có trời đất làm quan quách, nhật nguyệt làm ngọc bích, tinh tú là ngọc châu, vạn vật làm lễ táng. Đám táng như thế, chưa đủ sao?
Lại thêm chi lắm việc. Đệ tử thưa:
Chúng con sợ diều quạ ăn xác thầy!

Trang Tử cười nói: Trên thì diều quạ ăn, dưới thì giòi kiến ăn. Cướp đây cho đó, sao có thiên lệch thế?

Cái tiếng cười ấy của Trang Tử đã thức tỉnh không biết bao nhiêu người rồi! Đã giải thoát không biết hàng bao nhiêu tâm hồn đã bị ngộp thở trong sự ràng buộc hình thức của luân lý đạo đức vô cùng khắc khe phức tạp.

U Mặc Và Giả Vờ

Tóm lại có được một tâm hồn siêu thoát, không bị ràng buộc trong cảnh giới nhị nguyên, có nhận rõ đủ mọi khía cạnh của sự đời muôn mặt, có thấy rõ những cái đáng kinh mà thế nhân quá trọng, nghĩa là có thấy được cả bề trái

của sự đời, mới viết nổi văn u mặc thượng thừa.

1 2 3 4 5 6 7

Cái Cười Của Thánh Nhân	Nguyên Tác: Nguyễn Duy Cần

Không có một ai dám vừa quả quyết lại vừa phủ nhận một điều gì: Nhưng thường thường có biết bao việc mà chính mình cho là phải hôm trước, hôm sau lại phủ nhận nó ngay mà mình không hay không biết. Chân lý nào trên cõi tương đối này cũng chỉ là một thứ chân lý tạm thời và phiến diện mà thôi. Vì vậy bậc trí giả ngày xưa ở Đông phương không bao gời dám quả quyết

một việc gì, họ thường hay dùng đến những danh từ *"dường như"* (nhược) như Lão Tử: "Chánh ngôn *nhược* phản", "đại thành *nhược* khuyết", "đại doanh *nhược* xung", "đại xảo *nhược* chuyết", "đại biện *nhược* nột"...

Văn u mặc, vì vậy, thường có cái giọng giả vờ: Nói một đàng nghĩ một ngả, giả vờ nói thuận là để nói nghịch, nói nghịch là để nói thuận, nói ít để nói nhiều, hoặc nói huyên thuyên để rồi chả nói gì cả. Là vì, như đã nói ở trên đây. Chân lý có hai chiều, gồm cả thị phi lưỡng diện không thể rời nhau.

Nhà văn Okakura Kakuzo, nhận xét về văn u mặc của người xưa bên Đông

phương có viết: *"Ngày xưa bên Đông phương, các bậc thánh hiền không bao giờ trình bày học thuyết của mình bằng sự quả quyết một chiều. Họ nói toàn bằng giọng nghịch thuyết, mâu thuẫn... là vì họ sợ đưa ra những thứ chân lý phiến diện... Họ bắt đầu nói chuyện như người ngu, nhưng rồi họ làm cho người nghe tỉnh ngộ"*

Nhà văn u mặc vẫn thường dùng phép "nhái văn"(parodie), họ giả vời đóng vai đối phương, nói theo giọng đối phương nên lập trường tư tưởng của họ. Về lối bút pháp này, Trang Tử phải kể là tay cự phách.

Nhưng độc đáo nhất là giả vờ cười

mình để khỏi phải làm ngượng kẻ khác. Lão Tử nói:

*"Thượng sĩ văn Đạo, cần nhi hành chi
Trung sĩ văn Đạo, nhược tồn nhược vong
Hạ sĩ văn Đạo, đại tiếu chi. Bất tiếu, bất túc dĩ vi đạo"*

(Bậc cao nghe nói đến Đạo, thì cố gắng làm theo, Bậc trung nghe nói đến Đạo thì thoạt nhớ thoạt quên, hạng thấp nghe nói đến Đạo, thì cười to lên, thì sao đủ gọi là Đạo cả)

"Không cười to lên, sao đủ để gọi đó là Đạo cả!"

U mặc tế nhị làm sao! Cái tiếng

cười to của hạng người hạ sĩ khi nghe nói đến Đạo, đâu có làm cho Đạo nhỏ hơn, mà lại làm cho Đạo càng thêm lớn rộng, càng thêm bất khả tư nghị đối với hạng người đầu óc thiển cận như "ếch ngồi đáy giếng". Tiếng cười to ấy là cái ngu xuẩn của những thứ nhãn quan phiến diện, chỉ thấy có cái lợi àm không thấy cái hại của cái lợi ấy, cũng như chỉ thấy có cái hại mà không thấy cái lợi của cái hại ấy.

Trang Tử ở thiên *Thiên Địa, cũng cười mình* là người mê: *"Ôi! Hạng thật mê suốt đời mà không tỉnh. Hạng thật ngu, suốt đời không khôn... Ba người đang đi, mà có một người mê, thì chỗ mình định nói có thể mong đạt tới*

được, là vì kẻ mê ít mà người tỉnh nhiều. Nếu ba người cùng đi mà có đến hai người mê, thì chỗ mình định nói đến, không thể mong đạt tới được là vì người mê nhiều mà người tỉnh ít. Nay cả thiên hạ đều mê, ta dù muốn chỉ đường cũng không thể nào chỉ được... Biết là sự chẳng được mà vẫn cự gượng làm, đó lại càng mê hơn thiên hạ nữa!"

Văn u mặc chuyên về lối *giả vờ*: Giả vờ khiêm tốn, giả vờ thơ ngây, giả vờ lú lẫn...

Làm như nhớ đầu quên đuôi, sự việc bất nhất, trật tự hỗn loạn... là để tỏ sự phi lý và mâu thuẫn của cuộc đời, đối

với lý trí hẹp hòi thiển cận của con người.

Chân lý thì có tính cách toàn diện, cớ sao vẫn u mặc lại không nhắm vào toàn khối mà cứ nhắm vào một vài khía cạnh đặc biệt nào đó thôi? Là vì nhà văn u mặc Đông phương quan niệm không có gì nhỏ, không có gì lớn: Tuy là một phần tử mà nó vẫn chứa đựng cả toàn thể. Một hột nguyên tử cũng là cả một vũ trụ vô tận vô biên. Họ giả vờ lú lẫn, bỏ sót bỏ quên... là để đừng bỏ sót bỏ quên gì cả. Bởi vậy mới nói: *"Đại thang nhược khuyết"*

Các nghệ sĩ tài hoa bao giờ cũng tin tưởng nơi óc thông minh nhạy cảm của

những người thưởng thức tác phẩm của họ. Sở dĩ ít khi họ chịu nói hết lời là vì họ hiểu rất rõ công dụng của *hư ngôn*, của cái gọi là *"ý tại ngôn ngoại"*. Cái *"hư không"* của văn nghệ giống như các lỗ hổng trên không trung: Nó thu hút mạnh không khí chung quanh: *"Oa tắc doanh"* là thế.

Văn u mặc thường có sự nửa úp nửa mở, giả vờ nói nghịch mà chỉ nói nửa lời thôi, là vì cái gì có vẻ bí mật sẽ có cái sức hấp dẫn lạ lùng. Bí mật mà càng cố giữ kín, là càng kêu gợi óc tò mò. Trong các bài nhạc, thường có những khúc lặng lẽ, những khúc nghe rất nhỏ... là để cho người nghe phải hết sức chú tâm mới nghe rõ được. Bởi vậy sự lặng

thinh rất hùng biện, có khi còn hùng biện hơn hùng biện nữa. Thần thoại Hy Lạp có câu chuyện u mặc sau đây: Midas, vua xứ Phrygie, vì làm phật lòng thần Apollon nên bị vị thần này cho mọc hai cái tai lừa. Ông đã giữ kín việc này, nhưng không sao giữ kín được với tên thợ cạo của ông. Ông bắt tên này phải thề độc với ông là cho tới chết không được tiết lộ việc bí mật này. Sợ mắc lời thề, nhưng không sao giữ mãi sự bí mật ấy nó giằng dập tâm tư anh đến phát đau. Anh bèn nghĩ ra một kế: Đào một lỗ dưới đất, rồi kê miệng thì thầm bí mật: Vua Midas có lỗ tai lừa! Bấy giờ anh thấy lòng mình thơ thới nhẹ nhàng... Nhưng, nơi lỗ sâu mà anh đã cẩn thận lấp đất, lại mọc lên một đám sậy... Mỗi

khi gió hiu hiu thổi, chúng sậy lại thì thầm tâm sự với nhau: Vua Midas có lỗ tai lừa!!!

Quả cái công dụng của Hư Vô đâu phải tầm thường. Thiện dụng hư ngôn, nói lên được cái không nói (ngôn vô ngôn) mới có thể viết được văn u mặc. Điều quan trọng ở văn u mặc, không phải ở những gì nó đã nói lên, mà quan trọng là ở những gì nó đã khiêu gợi được nơi ta Nếu muốn làm văn u mặc hãy lựa chọn những danh từ nào thật hùng biện, còn chưa tìm ra được, tốt hơn không nên viết gì cả. Bởi vậy cái hay của một bài thơ hay, là ở nơi sự khêu gợi của nó: Một bài thơ hay, vì thế, hay hơn cả một pho triết lý trên hằng

vạn lời minh chứng dài dòng và lê thê bất tận.

Viết được lối văn u mặc thường thừa, ít lắm phải có một nhân sinh quan rộng rãi, phải biết thoát lên ăn tự, phải có được một tâm hồn siêu thoát khỏi cảnh giới nhị nguyên để nhìn việc đời một cách bao trùm muôn mặt. Lâm Ngữ Đường quả quyết rất đúng: Trang Châu là người rất xứng đáng làm thủy tổ cho văn học u mặc thượng thừa Trung Hoa. Là vì cái nhìn của Trang là cái nhìn của con chim Bằng trên chín từng mây, nhìn sự vật trên đời chỉ có một màu xanh xanh huyền ảo thôi: Hư hư thật thật. Hay nói một cách khác: Văn của Trang nói nghịch là để nói thuận, nói hư là để nói

thực: Cái giả nằm trong cái chân, cái chân nằm trong cái giả.

Đọc sách Trang Tử, không sao không liên tưởng đến văn chương của phái Thiền, họ vượt lên rất xa văn tự tầm thường mà bách gia chư tử chưa ai sánh kịp.

Để cảnh tỉnh bọn đệ tử bo bo bấu víu vào văn tự, Thích Ca Như Lai đã phải long trọng tuyên bố:

"Ta thuyết pháp trong khoảng bốn mươi chín năm mà chưa từng nói một lời nào! (...) Kìa đệ tử hãy xem theo ngón tay ta mà thấy mặt trăng, nhưng nên nhớ, ngón tay ta không phải là mặt

trăng!"

1 2 3 4 5 6 7

Cái Cười Của Thánh Nhân	Nguyên Tác: Nguyễn Duy Cần

U mặc dịu dàng sâu sắc làm sao!

Tôi chưa từng thấy một bậc vĩ nhân nào trong tư tưởng giới, dù trang nghiêm đạo mạo bậc nào mà chẳng có ít nhiều tinh thần u mặc. Từ Phật, Lão, Khổng, Mạnh... bên phương Đông, đến Socrate, Platon, Héraclite, Pascal... bên phương Tây, không một người nào là không u mặc. Khi vị nồng nhạt nhiều ít là tùy tính khí, tất cả đều vô cùng thanh nhã và

thoát tục. Nhà văn Mallarmé nhận xét rất đúng: "Bất cứ nhà văn hoàn bị nào, rốt cuộc đều trở thành một nhà văn u mặc"

U mặc mà dùng đúng với tinh thần của nó đều có công thay đổi cả một đời tư tưởng sai lầm của chúng ta.

Vậy, tư tưởng cần được cởi mở tự do, triết học cần phải vui tươi và tế nhị, hợp lý và hợp tình, không nên quá thiên về cơ trí. Một thứ triết lý vui vui, tư tưởng tự nhiên và giản dị... là những yếu tố chính của văn học u mặc. Hay nói một cách khác, có vui vẻ, có tự nhiên là vì có u mặc.

Một nhà văn đạo mạo trang nghiêm thường dễ vấp phải sự vụng về và lố bịch, bởi họ đã phải cố gắng rất nhiều để luôn luôn giữ bộ mặc trang nghiêm trong khi đời chung quanh chỉ là một tấn hài kịch không hơn không kém:

Nhộn nhàng trong một lớp tuồng,
Rồi ra ai cũng vô buồng như ai...

Đời không phải chỉ là hài kịch, cũng không phải ròng là bi kịch, mà là một tấn bi hài kịch. Cho nên cố gắng trang nghiêm thành ra trò hề, như Pascal đã nói: *"Kẻ muốn làm thánh, lại làm thú"*. Còn cố gắng, sẽ mất tự nhiên: Nhà văn quá tôn nghiêm đạo mạo giống như một anh nhà giàu mới học làm sang.

Giản dị và tự nhiên, mới thấy tưởng như là tầm thường, kỳ thực đó là biểu thị của sự trưởng thành tư tưởng. Đó là hai đức tính khó đạt nhất trong văn chương nghệ thuật. Nhưng đó là hai yếu tố chính của văn u mặc.

Nhà cách mạng Proudhon, trong ngục thất ở Sainte Pélagie, còn đã phải ca tụng không tiếc lời vai trò của trào lộng châm biếm như sau:

"Ôi! Trào lộng! Mi mới quả thật là Tự do!
Chính mi đã giải thoát ta ra khỏi:

- Lòng tham vọng uy quyền,

- Óc nô lệ đảng phái,

- Óc sùng bái vĩ nhân,

- Thói tôn kính tập quán,
Thái độ kiêu hãnh đồm của bọn người thông thái,

- Những thủ đoạn lừa đảo chính trị,

- Óc cuồng tín của các nhà cách mạng.
"Mi đã khuyên Jésus, khi người sắp trút linh hồn trên cây Thập giá thốt lên lời cầu nguyện cho bọn người hành hạ tàn nhẫn ông: Xin Cha hãy tha tội cho chúng, vì chúng làm mà chẳng hiểu gì cả những việc chúng làm!

Trào lộng dịu dàng làm sao!
Chỉ có mi là trong sạch, trinh khiết, kín đáo mà thôi.
Mi thêm duyên dáng cho cái đẹp,
Mi thêm mùi vị cho tình yêu.
Mi giúp cho lòng nhân nẩy thêm lòng hỉ xả,
Mi làm cho tan đi cái thành kiến giết người.
Mi làm cho hạng người có óc bè phái và cuồng tín hết cuồng!
Và Đạo đức, ôi, lại cũng là mi nữa!"

Jésus đã chết... nhưng đâu phải chết vì sự tàn ác của con người, mà chính vì cái ngu xuẩn của con người: *"Họ làm mà không hiểu rõ việc làm của họ!" Ai trong chúng ta, dù là hạng người đại trí, dám tự hào là người đã*

hiểu rõ lý do những việc mình làm!

U mặc quả có công dụng "phá chấp" đúng như Proudhon đã viết. Nó đã san băng Thị Phi, Vinh Nhục, Đại Tiểu... Cái mà thiên hạ cho là phải, nó chứng minh rằng cái phải ấy chỉ là một cái phải tương đối và phiến diện... Cái mà thiên hạ tôn thờ cho là vinh quang cao cả nhất, nó chứng minh rằng trong cái vinh quang ấy vẫn còn có cái bề trái ẩn khuất rất nhục nhã và đê hèn của nó. Nó có công dụng giải thoát ta ra khỏi lòng tham vọng uy quyền tối thượng, bằng cách khuyên ta *"ngoại kỳ thân nhi thân tồn"*. Trong khi cái thông bệnh của loài người là tưởng rằng đời đục cả, một mình ta trong, đời say cả, một mình ta

tỉnh, thì nó khuyên ta: *"thông minh duệ trí, thủ chi dĩ ngu, dũng lực chấn thế, thủ chỉ dĩ khiếp"* và trong ba cái báu mà người trí nên ấp ủ, nó khuyên ta: *"Bất cảm di thiên hạ tiên"* (không dám đứng trước thiên hạ) để khỏi phải làm nhục lòng người, khỏi phải vô tình vời họa đến cho mình.

Nghịch luận và bất ngờ, đó là hai yếu tố chính của văn u mặc. Nó làm cho con người "hốt nhiên" mà "tỉnh ngộ". Có trí là khó, mà thông minh mới khó hơn. Thông minh cũng còn dễ, thông minh mới khó hơn. Thông minh cũng còn dễ, thông minh mà như ngu mới khó hơn. Văn học u mặc ít thấy nói đến những cái gì vinh quang cao quý, mà chỉ nói đến

những cái thấp hèn thấp nhỏ bé nhất của cuộc đời, và nếu có nói đến những gì cao xa vĩ đại là để nói đến những gì mà tự nó không có gì cao xa vĩ đại cả!

Văn học u mặc cũng hay bàn đến các con người "điên", "say" và "ngu", nhưng đều là những cái "điên", cái "say", cái "ngu" của hạng người đại trí không còn mê chấp trong việc lấy cái tương đối làm tuyệt đối. Về loại văn học u mặc này, Trung Hoa có thể gọi là giàu nhất với những bộ truyện trào phúng cao xa, như Tây Du Ký là một và đọc Lỗ Tấn, quả là một kỳ thú!

Đọc văn u mặc, nhất là u mặc Đông phương của Lão Trang hay Thiền Tông,

ta sẽ thấy câu định nghĩa sau này của phái Thiền thật là sâu sắc: *"Cười là một sự ngạc nhiên đồng tình"*. Phần đông sở dĩ có sự đồng tình là vì có đồng mới có ứng. Cái cười của Thiền, trước tiên là sự ngạc nhiên, vì nó là một nhận xét nghịch lại với lối suy tư và thành kiến lâu nay của mình. Vừa ngạc nhiên, thì lại vừa tỉnh ngộ. Giác ngộ thường được biểu thị bằng một tiếng cười rất đặc biệt: Cái cười của người đắc Đạo vừa phá được cái vô minh của mình.

Đọc một câu văn u mặc, ta có cảm tưởng đầu tiên gặp một đối thủ, một kẻ thù thân yêu bởi họ dám nói nghịch lại với ta. Nhưng rồi người thù ấy biến thành người bạn, người bạn ấy lại trở

thành một người thầy!

Đọc văn u mặc của Thiền sẽ gặp toàn là những nghịch thuyết vô cùng táo bạo. Cho nên mới nói: Thiền mà không có "cười" chưa phải là Thiền.

Các thiền sư thường căn dặn: Mỗi khi một câu hỏi được nêu ra, hãy trả lời nghịch lại hoặc làm thinh... vì chân lý có hai chiều, coi chừng bị kẹt. Nếu ai có hỏi ta về cái Hữu, hãy trả lời bằng cái Vô. Nếu hỏi ta về cái Vô, hãy trả lời bằng cái Hữu... Với phép nói nghịch ngợm ấy, anh sẽ giúp họ hiểu rõ thế nào là Trung đạo. Còn có câu văn u mặc tối thượng thừa nào qua nổi câu này của kinh Kim Cang: *"Cái gọi là Phật pháp,*

tức chẳng phải là Phật pháp, nên gọi là Phật pháp... Phật nói chúng sinh, tức chẳng phải là chúng sinh, cho nên mới gọi là chúng sinh". Không hiểu nổi giọng u mặc này, tụng kinh niệm Phật vô ích.

Bên Nhật có chế ra một món đồ chơi gọi là con lật đật. Con lật đật không có chân, bụng thì tròn mà có đổ chì cho đầu nhẹ đít nặng. Bởi vậy, dù lật ngửa lật nghiêng, nó vẫn ngồi thẳng lên một cách tự nhiên không cần ai giúp cả. Đó là cái tượng của Bồ Đề Đạt Ma. Các thiền sư muốn mách nhỏ với bọn *"đầu to"* (đại trí giả) Âu Mỹ rằng óc thông minh của con người thực sự không phải ở trên đầu, nghĩa là ở trong những

bộ óc thông minh lý trí của con người, và sự gìn giữ lẽ thăng bằng đâu phải chỉ do một đầu óc đầy cơ trí: Trí huệ không liên quan gì đến bộ óc thông thái cả. Đó cũng là muốn nói lên cái chân lý "cao dĩ hạ vi cơ" của Lão Tử. Vật chất là cơ bản của tinh thần, chỉ e kẻ chỉ muốn làm thánh lại biến thành con thú.

Đọc văn u mặc của Thiền chỉ có hai lẽ: Hoặc hiểu, hoặc không hiểu gì cả, chứ không thể bao giờ giải nghĩa được. U mặc mà cố phân tích và giải nghĩa sẽ mất cả ý vị của u mặc. Nhắp một hớp rượu ngon hay uống một ngụm trà. Tàu thượng hạng không thể cắt nghĩa hương vị của nó ra làm sao. Cho nên u mặc mà hay, là ở tại chỗ *"ý tại ngôn ngoại"*.

Đọc văn u mặc mà hiểu thì cười, đó là cái cười giác ngộ. Đọc văn u mặc mà không hiểu cũng cười, đó là cái cười của hạng *"hạ sĩ văn Đạo"!...*

Tóm lại, vai trò u mặc trong văn chương là nhẹ nhàng, nhân hậu, dùng phép nghịch luận để đánh thức con người, chỉ cho họ nhớ rằng sự vật nào cũng có hai mặt và hoạt động hai chiều. Trong cái cười của u mặc bao giờ cũng trang nghiêm, trong cái trang nghiêm, bao giờ cũng có cái ý cười đùa.

1 2 3 4 5 6 7

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Ba

Nước Thu

Nước thu dưng, trăm rạch đổ vào sông to. Lòng sông rộng cho đến đứng bờ nọ ngóng bờ kia không sao phân biệt được bò với ngựa.

Thấy vậy, Hà Bá đắc ý cho cái đẹp trong thiên hạ chưa còn ai hơn mình. Thuận dòng theo hướng Đông đi tới biển Bắc ngoảnh lại hướng Đông, không thấy mé.

Hà Bá mới than với Hải Thần:

"Tục ngữ có câu: Kẻ biết ít cho không ai bằng mình. Lời nói ấy, để nói tôi là phải. Tôi thường nghe chê chỗ thiếu học của Trọng Ni, nghe khinh cái lòng Nghĩa của Bá Di mà tôi không tin. Nay thấy chỗ vô cùng của Ngài, nếu tôi không đến cửa Ngài mà thị giáo, các nhà đại phương ắt sẽ chê cười tôi"

Thần Hắc Hải nói:

"Cùng ếch giếng không thể nói biển đặng: Nó chỉ biết có cái hang nó mà thôi. Cùng côn trùng mùa hạ, không thể nói băng tuyết đặng: Nó chỉ biết có cái mùa của nó mà thôi! Cùng

bọn khúc sĩ không thể nói Đạo đặng họ bị trói buộc trong giáo lý của họ. Nay ông ra khỏi lòng sông, thấy biển cả mà biết xấu hổ. Vậy thì, nói đạo lý với ông được.

Dưới trời, nước không đâu nhiều hơn biển. Đó là nơi muôn sông chảy về, không biết bao giờ thôi, mà không hề đầy, rồi nước biển lại chảy vào các sông không biết bao giờ ngưng mà không hề vơi. Xuân, Thu chẳng biến đổi nó, mà thủy hạn nó cũng chẳng cần biết đến làm gì. Hơn rạch sông không biết lượng số nào mà kể, mà ta chưa từng cậy đó là nhiều, là vì tự sánh với Trời Đất, Âm Dương, thì ta có khác nào một viên đá nhỏ, một gốc cây gầy

trong dãy núi to. Đã rằng là ít, sao thấy mình nhiều? Bốn biển ở trong Trời Đất phải chăng cũng chỉ là những hang nhỏ ở trong đầm lớn hay sao? Trung Quốc nằm trong bốn biển cũng chẳng giống hạt lúa ở trong kho lớn hay sao? Vạn vật, lấy số muôn mà nói, thì người chỉ được một số mà thôi! Lấy chín châu, nơi lúa thóc sinh sản toàn xe thông hành, thì người cũng không qua số một. Vậy, người đối với vạn vật, khác nào một sợi lông trên mình ngựa. Chỗ liên hiệp của Ngũ Đế, chỗ tranh giành của Tam Hoàng, chỗ lo lắng của người nhân, chỗ nhọc nhằn của kẻ sĩ, rốt lại có gì! Bá Di từ ngôi, lấy đó là danh, Trọng Ni nói ra, gọi đó là rộng. Những cái mà họ cho rằng

nhiều đó, thì có khác nào người trước khi thấy biển, cho rằng nước của mình là nhiều vậy"

Hà Bá nói:

"Vậy, tôi cho Trời Đất là cực đại, mảy lông là cực tiểu, được không?"

Thần Bắc Hải nói:

"Không được! Kìa như muôn vật biến hóa không cùng, thời gian đi mãi không dừng, số phận dời đổi không thường, trước sau liên tiếp không thôi. Ấy nên bậc đại trí xét việc xa gần, thấy nhỏ không cho là ít, thấy lớn không cho là nhiều, đó là biết được chỗ biến

vô cùng. Luận qua kim cổ, thì việc đã qua không ưu tư, việc đương thời không bận lòng: Đó là biết được chỗ không dừng của thời giờ. Xét việc lưng vơi, thì được không vui, mất không buồn: Đó là biết được chỗ thông thường của số phận. Thấy đặng như vậy thì sống không mừng, chết không lo: Đó là biết được chỗ trước sau liên tiếp không ngừng vậy. Chỗ biết của người, không bằng chỗ họ không biết. Thuở sinh ra không bằng thuở chưa sinh. Muốn lấy chỗ cực tiểu của mình mà cần hiểu tận chỗ cực đại, là mê loạn, là ngu xuẩn. Như thế, làm sao biết được cái lông đủ để làm mẫu của cái cực tiểu, làm sao biết Trời Đất đủ để làm cái mẫu của cái cực đại?"

Hà Bá hỏi:

"Luận giả trong đời đều nói: Một vật rất tinh, thì vô hình, một vật thật lớn, thì không thể bao gồm được. Có phải thực vậy không?"

Thần Bắc Hải nói:

"Tự nhỏ mà xem lớn, làm sao thấy hết đưỡc! Tự lớn mà nhìn nhỏ, làm sao thấy rõ rệt được! Tinh, là cái nhỏ thật nhỏ, thật lớn là cái lớn rất lớn vậy. Cho nên, phương tiện dùng phải khác nhau. Tinh và thô là để nói về những vật hữu hình: Còn vật vô hình thì con số không phân chia được nữa. Không

thể bao gồm được, là vật vô cùng mà con số không hạn định được. Cái mà còn luận được, nói được, là cái thô của vật. Cái mà ý xét được, là cái tinh của vật. Nhưng còn cái mà lời không thể luận, ý không thể xét, là bởi nó không phải tinh mà cũng không phải thô.

Thế nên, bậc đại nhân hành động không gây hại cho ai mà cũng không ân huệ cho ai. Động không vì lợi, không coi kẻ canh cửa là hèn. Không vì tiền của mà tranh, cũng không lấy sự tự nhượng làm quý. Công việc thì không nhờ vả vào ai, cũng không khinh kẻ tham lam. Hạnh thì khác người thế tục, nhưng chẳng chuộng sự khác lạ,

và làm theo đám đông, không khinh người siểm nịnh. Tước lộc của đời không đủ khuyến, hình phạt không đủ nhục, bởi họ biết phải trái không chỗ phân, lớn nhỏ không chỗ định. Nghe nói rằng: Người có đạo thì lặng lẽ, bậc chi đức thì không mong đặng gì cả, còn người đại nhân thì không có mình: Họ đã hợp tất cả làm một"

Hà Bá lại hỏi:

"Nhờ đâu mà phân biệt được chỗ trong ngoài, chỗ quý tiện, chỗ lớn nhỏ của vật?"

Thần Bắc Hải nói:

"Lấy con mắt Đạo mà xem, thì vật không có quý, tiện. Lấy vật mà xem, thì vật có quý có tiện, vì bởi vật nào cũng tự xem là quý, nên khi sánh lại với vật khác thường cho đó là tiện. Lấy con mắt của thế tục mà xem thì sự phân quý tiện lại không phải ở nơi mình. Lấy con mắt sai biệt mà xem, thì nhân cái lớn của nó mà cho là lớn thì vạn vật không có cái gì là vạn vật không có cái gì là không nhỏ. Biết Trời Đất như hột thóc, biết mảy lông như hòn núi là biết rõ chỗ sai biệt rồi vậy. Lấy theo

chỗ công ích mà xem, nhân cái có của nó mà cho là có thì vạn vật không gì là không có, nhân cái không của nó mà cho là không, thì vạn vật không gì là không. Biết Đông Tây là nghịch nhau mà không có nhau không được, thì là biết phân định sự công dụng rồi, lấy chỗ ưa thích mà xem, nhân cái phải vậy của vật này mà cho nó là phải, thì vạn vật không vật gì là không phải, nhân cái không phải vậy của vậy này mà cho nó là không phải, thì vạn vật không vật nào là không phải... Biết Nghiêu và Kiệt đều tự cho rằng mình là phải mà cho nhau là quấy, đó là rõ được cái cốt của sự ưa thích rồi! Xưa kia Nghiêu Thuấn nhường ngôi nhau mà làm vua, còn Chi và Khoái cũng

nhường nhau mà phải mất. Thang Vũ tranh nhau mà được nước, Bạch công tranh nhau mà phải chết. Do đó mà xem, trong lễ tranh nhượng, trong hành động của Nghiêu Kiệt, quý tiện tùy thời, chưa lấy đâu làm mực thường được. Cái lương lê dùng phá thành, không dùng mà lấp hang được: Khí cụ khác nhau. Kỳ, Ký, Hoa, Lưu một ngày chạy nghìn dặm mà không bắt chuột như mèo: Tài năng khác nhau. Chim cú đêm mắt tỏ đến bắt rận được, mà ban ngày gò núi sờ sờ không thấy: Tính khác nhau. Nên chi, muốn có phải mà không có quấy, muốn có trị mà không có loạn là chưa rõ cái Lý của Trời Đất, cái Tình của Vạn Vật. Ấy là mơ Trời mà không có Đất, mơ Âm mà

không có Dương đó.

Vậy mà cứ bàn mãi mà không thôi, thì rõ nếu không phải là ngu, thì là vu khống vậy! Đế Vương tranh nhượng, hễ sái thời nghịch tục thì gọi là soán, còn nhằm thời thuận tục, thì gọi là nghĩa. Hà Thần này! Hãy lẳng lặng mà xét lại, sẽ thấy rõ đâu là cái gốc của Quý Tiện, của Lớn Nhỏ

Hà Bá hỏi:

"Vậy thì tôi phải làm gì bây giờ, phải đừng làm gì bây giờ? Tôi phải từ, phải thận, phải ưa, phải bỏ cái gì, tôi phải làm sao đây?"

Thần Bắc Hải nói:

"Lấy con mắt Đạo mà xem thì có gì là quý, là tiện, đó chỉ là chuyện phản phúc biến thiên đáp qua đáp đổi lại, đừng bận lòng câu chấp đến. Lấy Đạo Lớn mà xem thì có gì là ít, là nhiều, đó chì là chuyện cho ra lấy vào, cũng đừng phải bận lòng. Cùng với đạo sai biệt, thì nghiêm trị như một quốc quân không tư đức, tự nhiên như tế thần xã mà đừng cầu phúc riêng tư. Lòng mênh mông như cái vô cùng của bốn phương, không phân bờ cõi. Ôm chầm tất cả vạn vật, không thiên về phương nào! Muôn vật đều là nhất tề, cho nên có gì đâu là dài ngắn. Đạo thì không sau, không trước, vật thì có chết có

sống, đừng trông cậy nó ở lúc thành tựu. Một vơi một đầy: Không hình thức nào đứng vững mãi. Không ai thêm được tuổi, không ai chận được thời. Khi tăng khi giảm, khi đầy khi vơi nối tiếp nhau luôn: Có sau ắt có trước. Đó là lấy cái phương của đại nghĩa mà nói, lấy cái lý của vạn vật mà luận. Mạng sống của vạn vật như ngựa chạy mau lẹ: Không có cái động nào mà không có biến, không phút nào mà không dời đổi. Phải làm đi gì? Phải không làm đi gì? Hãy để cho vạn vật tự nhiên mà tự hóa!"

Hà Bá hỏi:

"Sao gọi là Trời? Sao gọi là

Người?"

Thần Bắc Hải nói:

"Ngựa bò bốn cẳng, đó là Trời, ràng đầu ngựa, xỏ mũi bò, đó là Người. Bởi vậy mới nói: Đừng lấy Người giết Trời, đừng lấy nhân tạo mà giết mạng, đừng lấy sự được mất mà chết theo danh. Cẩn thận mà giữ gìn đừng làm mất, đó gọi là "Trở về cái Chân của mình".

Lời bàn:

Đây có thể gọi là một bài văn u mặc tối thượng thừa kiểu mẫu của Trung Hoa trong đó gồm được tất cả

những yếu tố độc đáo của văn u mặc mà có nhiều người cho là "khinh thế ngạo vật". Một lối cười độc đáo mà trang nghiêm, lên án mà không lên án ai cả. Dù là người hùng biện đến đâu cũng không sao dùng sự hùng biện của mình mà tự bào chữa cho nổi.

Hay nhất là Trang đã biết dùng đến những hình ảnh vô cùng khêu gợi để ám chỉ những con người có cái nhìn phiến diện lại tự tôn tự đại với cái hiểu biết vụn vặt chi ly của mình. Vì người đắc Đạo như Hải Thần, còn người có cái nhãn kiến nhị nguyên với lối nhìn phiến diện một chiều một mặt như Hà Thần thật là tuyệt diệu! Những danh từ như "khúc sĩ", "ếch nằm đáy

giếng" lại càng khêu gợi hơn nữa.

Trong một đoạn văn khác, Trang đã lên án bọn "khúc sĩ" này là nguồn gốc của ly loạn. Bàn về cái loạn của thời Chiến quốc, Trang viết: "... Trong thời thiên hạ đại loạn, bậc hiền thánh sống trong bóng tối, không còn gì nhất trí trong đạo đức học thuật nữa. Phần đông sống trong những ý kiến cá nhân, riêng tư độc đoán hết sức rời rạc. Cũng như tai, mắt, mũi, miệng... mỗi cơ năng chỉ nhận thức được trong khu vực hạn chế của quang năng mình thôi, thiếu sự thống nhất nhận thức với nhau. Bách gia chư tử với những kỹ thuật của riêng mỗi nhà cũng thế. Mỗi nhà đều hay đều giỏi trong đường lối chuyên môn của mình,

tất cả tuy đều hữu dụng trong một lúc nào đó thôi, nhưng họ thiếu sự gồm nắm, thiếu luồng mắt thống quan, nên họ chỉ là bọn khúc sĩ mà thôi. Họ là bọn người cắt vụn vũ trụ ra từng khúc, đẽo sự lý của vạn vật ra từng mảnh. Ít kẻ biết nới rộng nhãn quang của mình để nhìn thấy cái đẹp chung hầu xứng với cái chân tướng của Thần mình. Bởi vậy cái đạo (nội thánh ngoại vương) trở nên tối mà không sáng, uất mà không nẩy. Thảy đều làm theo điều mình muốn, lấy mình làm phương thức chung cho tất cả mọi người... Ôi! Đạo thuật đã bị thiên hạ xé nát!"

Đoạn chót, khi Trang giảng về cái đạo hữu vi (nhân vi) và cái đạo vô vi

(thiên vi) bằng một hình ảnh hết sức bất ngờ táo bạo: Ngựa bò bốn cẳng, đó là Trời, ràng đầu ngựa, xỏ mũi bò đó là Người!", không rõ ta có nên cười hay nên khóc? Quả là "đề tiếu giai phi"!

1 2

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Bốn

Mù Rờ Voi

Xưa kia có một ông vua ngồi buồn,

cho bắt tất cả người mù trong thành đem về hợp lại một chỗ.

Vua cho đem ra một con voi, bảo các anh mù rờ vào, và tả lại cho nghe họ đã hình dung con voi ra sao?

Sau khi mọi người đã rờ xong, vua kêu hỏi từng người. Họ thưa:

- Voi giống như cái nồi lớn! (Đó là những người rờ trúng cái đầu)

- Voi giống như cây cột tròn! (Đó là những người rờ trúng cái chân)

- Voi giống cái chổi! (Đó là những người rờ trúng cái đuôi)

...Mỗi người đều tưởng rằng mình đã hình dung rõ con voi với những bộ phận mà họ đã rờ trúng. Rồi thì không một ai chịu nhận của ai cả, đều cho cái thị kiến của mình là đúng. Ban đầu còn cãi nhau, sau chửi nhau om sòm, và rốt cùng xăn tay đánh nhau tơi bời...

Nhà vua thấy vậy ôm bụng cười vang.

Lời bàn:

Quả đây là một bức trang hí họa tài tình, vì nó thu hẹp được một cách đầy đủ cả một tấn bi hài kịch của nhân loại từ xưa đến nay

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Năm

Chim Biển

Xưa, có con chim biển đậu ở ngoài thành nước Lỗ. Lỗ hầu ngự ra nghênh tiếp. Rước về chuốc rượu ở đền Thái miếu. Cho tấu nhạc Cửu thiều cho nó vui. Giết trâu bò mời nó ăn.

Chim ấy ngó dớn dác, bộ sầu bi, không dám ăn, dám uống. Cách ba hôm thì chết.

Đó là dùng cách nuôi người và nuôi chim, chứ không phải dùng cách nuôi chim mà nuôi chim.

Nếu dùng cách nuôi chim mà nuôi chim, thì hãy để nó ở rừng sâu, dạo ngoài gò đất, trôi nổi sông hồ, kiếm ăn lươn cá, đỗ theo hàng liệt, ung dung tự thích...

Cứ theo người nói, là nó không ưa rồi, lựa là còn đem tiếng nhạc mà làm cho nó kinh tâm.

Nếu đem nhạc Hà trì, Cửu thiều mà đánh lên ở Động đình, thì chim nghe phải bay, thú nghe phải chạy, cá nghe

phải lặn. Nhưng người lại kéo nhau đến đó mà nghe. Cá ở dưới nước thì sống, người ở dưới nước thì chết. Đó và đây đã khác nhau, thì sự ưa ghét cũng khác nhau.

Bởi vậy, bậc thánh nhân ngày xưa, không giống nhau về sở năng nên không đồng nhau về sự nghiệp.

Danh cốt nơi thực, nghĩa cốt ở chỗ vừa nhau. Đó gọi là điều lý thông đạt, và nắm giữ được hạnh phúc.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Sáu

Anh Mù Tự Phụ

Có một người kia sinh ra là đã bị mù.

Sống trong một gian phòng, nhưng bởi anh không thấy gì cả, nên anh phủ nhận tất cả những gì người chung quanh quả quyết là có: *"Tôi không tin, vì tôi không thấy"*

Một vị lương y đem lòng thương hại, đi tìm cho ra một thứ linh dược trên Hy Mã Lạp Sơn về trị lành bệnh, anh ta sung sướng tự phụ bảo: Giờ đây tôi thấy được tất cả sự thật chung quanh tôi rồi!

Nhưng, có kẻ bảo với anh ta: Bạn ôi! Bạn chỉ thấy được những vật chung quanh bạn trong căn phòng này thôi: Có là bao. Ngoài kia, người ta còn thấy được mặt trời, mặt trăng cùng các vị tinh tú hằng hà đa số. Còn biết bao vật xấu, đẹp, lộng lẫy màu sắc huy hoàng mà bạn chưa thấy.

Anh chàng không tin. *"Làm gì có được những cái đó! Tôi chưa thấy những cái đó. Cái gì có thể thấy được, tôi đã thấy tất cả rồi"*

Một vị y sĩ khác bèn lên tận núi cao gặp được sơn thần chỉ cho một thứ linh dược khác đem về giúp cho anh ấy.

được cặp mắt sáng hơn và thấy xa hơn những vật chung quanh trong căn phòng của anh.

Bấy giờ, anh ta thấy được mặt trời, mắt trăng, các vì tinh tú trên không trung, mừng quá, và lòng tự phụ tự đắc lại tăng thêm. "Trước đây tôi không tin, nhưng bây giờ tôi thấy, tôi tin. Như thế, giờ đây không còn có gì mà tôi chẳng thấy chẳng biết. Đâu còn ai hơn tôi được nữa!"

Nhưng, lại có một hiền giả có cặp mắt thần, bảo với anh ta: "Cậu ơi! Cậu vừa hết mù, nhưng cậu vẫn chưa biết gì cả. Tại sao quá tự phụ như thế? Cũng như khi cậu ở trong phòng và tầm con

mắt cậu không vượt khỏi bốn bức tường, cậu không tin có vật gì ngoài căn phòng của cậu. Giờ đây, tầm mắt cậu vượt khỏi bốn bức tường, thấy được nhiều vật xa hơn, nhưng với chừng mực của tầm mắt và lỗ tai của cậu, cậu làm gì biết có những vật ngoài ngàn dặm mà tai mắt cậu không làm sao mà nghe thấy được. Cậu có thấy những nguyên nhân nào đã cấu tạo ra cậu khi cậu còn nằm trong bào thai của mẹ cậu chăng? Ngoài cái vũ trụ nhỏ bé mà cậu đang sống đây, còn không biết bao nhiêu vũ trụ khác vô cùng to lớn và nhiều không thể kể như cát ở sông Hằng. Tại sao cậu dám tự phụ bảo rằng: Tôi thấy cả, tôi biết cả? Cậu vẫn còn là một anh mù, cậu vẫn còn là lấy tối làm sáng lấy sáng làm tối".

Lời bàn:

Bài văn u mặc này không biết muốn nhắm ai?

Chừng như câu nói tự tôn tự đại này: "Tôi không tin, bởi tôi thấy" dường như muốn nhắm với những nhà khoa học Tây phương nhất là với những kẻ "học mót" cái học chủ yếu là của Tây phương.

Một nhà khoa học về nguyên tử lực hiện đại đã long trọng tuyên bố: "Chính cái vô hình chỉ huy những cái hữu hình". Thật là một nhát búa trên đầu những nhà khoa học tay con vẫn

còn luôn luôn ngạo nghễ chê những gì họ không thấy được đều là dị đoan mê tín cả. Nhà vật lý học Robert a. Milikan nói về một nhà thiên văn học ngày nay là Sir Jomes Jeans mà ý kiến về những lẽ huyền bí Vũ Trụ thường nghịch hẳn nhau, ông nói: "Có điều mà hai chúng tôi hết sức biết rõ một cách chắc chắn, là về điểm này, chúng tôi không ai biết gì cả".

Sự hiểu biết của con người càng thiển cận bao nhiêu lại càng làm cho con người càng tự đắc bấy nhiêu. Trái lại, sự hiểu biết con người càng rộng rãi bao nhiêu làm cho con người càng khiêm tốn bấy nhiêu, như lời nói này của Socrate: "Điều mà tôi biết rõ nhất, là tôi

không biết gì cả".

Khoa học càng ngày càng tăng tiến, sẽ giúp cho chúng thấy rõ chúng ta cả thảy đều là những anh mù tự phụ này.

Lời khuyên dạy của hiền giả trên đây mới nghe tưởng chừng như lời nói của các nhà đại bác học của khoa nguyên tử học ngày nay rằng vật chất và tinh thần là một.

Ý nghĩa thâm diệu của bài văn này còn đi xa hơn nữa những gì đã bàn ở trên. Nó còn muốn nói đến cái mà nhà Phật gọi là "vạn cảnh giai không". Cái cười của Thánh Nhân quả là rất thâm

trầm!

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Bảy

Mộng Hồ Điệp

Xưa Trang Châu chiêm bao thấy mình là bướm, vui phận làm bướm, tự thấy thích chí, không còn biết là Châu nữa.

Chợt tỉnh giấc, lại thấy mình là Châu.

Không biết Châu chiêm bao là bướm, hay bướm chiêm bao là Châu?

Châu và bướm ắt phải có tính phận khác nhau. Đó gọi là vật hóa.

Lời bàn:

Bàn đến cái Mộng và cái Thực mà đem chuyện chiêm bao hóa bướm, thật là kỳ diệu. Ý nghĩa tuy đa diện, nhưng tựu trung đều quy vào một lẽ là vượt lên vấn đề sinh tử. Sinh đây phải chăng là Tử đó, Tử đó phải chăng là Sinh đây. Vấn đề Hư Thực, Thực Hư quả đã được đặt ra một cáhc hết sức tài tình thi vị Nếu bảo Mộng, thì cảnh nào mà không phải là Mộng, mà bảo là

Thực thì cảnh nào không phải là Thực

Người ta bảo thiên Tề Vật của Trang Châu là thiên tinh thâm kỳ diệu nhất trong Nam Hoa Kinh, nhưng kỳ diệu nhất trong thiên là ở vào đoạn cuối: Trang Châu mộng Hồ Điệp hay Hồ Điệp mộng Trang Châu?

Trong các loài, loài bướm là tượng trưng cho thuyết vạn hóa dễ nhận thấy hơn cả. Đó là cái tài hoa đặc biệt của Trang Châu.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Tám

Ném Đá

Jésus đang giảng đạo giữa đám đông... Bỗng có nhiều nhà trí thức và tu sĩ lôi đến một dâm phụ bắt tại trận. Sau khi ném người đàn bà tội lỗi ấy giữa đám đông, họ nói với Jésus:

- Thưa ông, mụ gian phụ này đã bị bắt quả tang trong khi phạm tội. Theo luật Moise, thì phải bị ném đá. Vậy ông nghĩ thế nào?

Jésus không nói gì cả, lấy ngón tay viết trên cát: Bọn giả dối!

Nhưng bọn ấy cứ chất vấn mãi... Jésus, không thể làm thinh được nữa bèn ngước mặt lên, nói:

- *Trong tất cả mọi người ở đây, ai là người chưa từng làm tội lỗi có quyền ném viên đá đầu tiên!*

Khi nghe lời phán ấy, dân chúng bắt đầu tản lần từng người một. Sau cùng chỉ còn có Jésus và người đàn bà tội lỗi giữa công trường mà thôi.

Jésus bèn hỏi người đàn bà:

- Những kẻ tố cáo đi đâu cả rồi? Không một ai lên án ngươi cả sao?

Người đàn bà thưa:

- Không ạ!

Jésus nói:

- Ta cũng vậy! Thôi về đi.

Lời bàn:

U mặc tế nhị làm sao câu nói bất ngờ của Jésus!

Người ta thường quan niệm rằng người đạo đức là người rất ghét người tội lỗi. Càng ghét tội lỗi bao nhiêu càng tỏ ra mình đạo đức bấy nhiêu. Dân chúng tin rằng Jésus là người đạo

đức rất cao, phen này mụ gái dâm loàn kia phải một phen điêu đứng

Bất ngờ thay, Jésus lại bênh vực dâm phụ bằng cách không lên án, còn trở lại lên án tất cả: Ai chưa từng tội lỗi, được quyền ném viên đá đầu tiên

Trong bài văn không thấy nói ai là người đầu tiên đã bỏ ra đi, nhưng chắc chắn những kẻ đầu tiên đã bỏ ra đi là những cụ già, nhất là những cụ già đầu bạc như thúng bông, thứ đến là những nhà trí thức tài cao học rộng, rồi các vị tu sĩ đạo mạo nghiêm trang mà trước đây đã hằn học lên án tử hình người đàn bà dâm dật này...

Nhưng biết tự xét và dám tự nhận là mình đã từng làm nhiều tội lỗi và có đủ liêm sĩ ra đi không dám gian dối ném viên đá đầu tiên, kể ra cái xã hội mà Jésus cho là giả dối ấy vẫn còn là xã hội hết sức lương thiện rồi! Đáng yêu không biết chừng nào.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Chín

Rửa Tai

Đời thượng cổ có ông Hứa Do là một ẩn sĩ ở trong đầm Thái Trạch.

Vua Nghiêu nghe tiếng là người giỏi, mời ra xin nhường cả thiên hạ. Hứa Do từ chối, lui về ẩn tại núi Trung Nhạc, phía Nam sông Dĩnh Thúy.

Sau, vua Nghiêu lại tìm đến, cố mời Hứa Do làm tổng quản cả chín châu. Hứa Do không muốn nghe chuyện nữa, bỏ ra bờ sông Dĩnh Thúy rửa tai. Ngay lúc bấy giờ *Sào Phủ đang dắt trâu xuống bờ sông gặp Hứa Do đang rửa tai,hỏi:*

- Vì việc gì mà anh phải rửa tai?

- Vua Nghiêu mời ra cầm quyền thiên hạ, ta không muốn bẩn tai ta.

Sào Phủ nghe nói, liền dắt trâu lên quãng sông trên cho trâu uống.

Hứa Do hỏi. Sào Phủ nói:

- Ta sợ trâu ta uống phải nước bẩn của tai anh!

Nhưng rồi lại cười bảo:

- Anh đã làm gì đến đỗi vua Nghiêu biết anh là người hiền trong thiên hạ để đoán anh ra làm vua?

Lời bàn:

Câu chuyện Sào Phủ, Hứa Do quả

là một câu chuyện u mặc thượng thừa của thời xưa

Nhưng u mặc độc đáo không phải là chuyện Hứa Do rửa tai, cũng chưa phải là chuyện Sào Phủ dẫn trâu lên trên dòng sông để tránh cho trâu uống phải nước bẩn danh lợi... mà câu hỏi bất thần của Sào Phủ: "Anh đã làm gì đến đỗi vua Nghiêu biết anh là người hiền trong thiên hạ để đoán anh ra làm vua?"

Trong sạch như Hứa Do, vậy mà trước câu hỏi đột ngột và sâu sắc này của Sào Phủ có lẽ đã phải một phen sửng sốt để mà kiểm thảo cái gọi là hành động "trong sạch"của mình

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Mười

Dùng Chó Bắt Chuột

Tề có người xem tướng chó rất giỏi.

Nhà láng giềng nhờ mua một con chó hay để bắt chuột.

Một năm trời mới mua được, bảo nhà láng giềng:

- Con chó này tốt lắm.

Người láng giềng nuôi con chó ấy mấy năm mà không thấy nó bắt chuột, bèn hỏi anh xem tướng chó. Anh này bảo:

- Con chó này tốt lắm đấy! Nhưng cái chí của nó là bắt hươu nai, cầy, cáo, chứ không muốn bắt chuột. Vậy, phải cùm chân nó lại!

Nhà láng giềng làm y theo lời. Quả về sau, con chó hay bắt chuột.

Lời bàn:

Bài văn này ở xã hội tự do, thì có thể cười được. Ở những xã hội độc tài,

chắc chắn sẽ không thể cười, mà phải khóc to lên... mới được

Là một con chó có tài bắt hươu, nai, cầy, cáo... mà bị "cùm chân" nên cam phận đi làm công việc bắt chuột, quả đáng thương hại lắm rồi! Nhưng, không ai "cùm chân" mình cả, mà lại tự ý "cùm chân", chịu nhận lãnh vai trò bị "cùm chân" để được vinh hoa phú quý, thì thật không biết nên cười hay nên khóc?

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Mười Một

Bị Cọp Rượt

Một người đi đường bị cọp rượt chạy gần trối chết.

Chạy cùng đường, anh ta bèn nhảy đại xuống một cái hố sâu... may sao lại với được một sợi dây leo, và đeo lủng lẳng giữa không trung.

Nhìn lên miệng hố lại thấy một con hổ đói khác đang há miệng chờ mồi. Dòm ở đầu sợi dây: Hai con chuột, một đen một trắng đang gậm mòn đầu dây... Nhìn trước mặt: Một trái dâu rừng chín mọng...

Anh ta bèn một tay nắm sợi dây, một tay vớ hái trái dâu... ăn ngon lành. Dâu

ngọt lịm làm sao!

Lời bàn:

Cái đang tức cười trong chuyện trên đây, là đang bị nguy hiểm bao vây, vậy mà chỉ vì một trái dâu chín mộng làm cho anh chàng quên tất cả mọi khốn khổ bao quanh. Còn có gì ngu bằng!

Nhưng xét kỹ, trước những tai họa đang bao quanh đe dọa mạng sống anh ta nào có tai họa nào do mình tạo ra đâu? Cọp đang đứng mé hố chực vồ, làm sao ngăn chặn được! Hai con chuột một đen, một trắng, tượng trưng cho thời gian âm dương nhật nguyệt gặm lần chuỗi ngày còn sống xót của chúng ta,

cũng không sao ngăn chặn được!

Như vậy chỉ chăm chăm lo nghĩ nơm nớp, sợ sệt... những gì ngoài ý muốn và quyền hạn của ta, thì quả đáng thương hại không biết chừng nào! Sao không thụ hưởng cái phần hạnh phúc nho nhỏ mà cuộc đời đưa đến cho ta, vì chính những cái hạnh phúc nho nhỏ và không đâu ấy giúp ta yêu đời ngay trong nhưng phút tuyệt vọng nhất đời người. Oscar Wilde có viết: "Đời chỉ là một khoảnh khắc đầy gian nguy gồm những phút giây khoái trá" (La vie est tout simplement un mauvais quart d'heure composé d'instants exquys). Có nhà văn khuyên ta: Nếu có cơ hội để cười, thì cười lên, để khỏi phải khóc. Ta cũng có thể nói

như La Rochefoucauld rằng: "Cũng là hạnh phúc, khi ta biết rõ đến mức độ nào ta phải khốn khổ" (C'est une espèce de bonheur, de connaitre jusqu'à quel point on doit être malheureux). Có cái hạnh phúc nào mà không nằm trên đau khổ, hay một viễn tưởng của đau khổ? Chết, đâu có đáng sợ. Sợ chết mới đáng sợ

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Mười Hai

Thổi Sáo

Tuyên Vương nước Tề thích nghe thổi sáo, và lúc nào muốn nghe, bắt ba trăm người cùng thổi một loạt. Trong ba trăm người ấy có Đông Quách tiên sinh không biết thổi, nhưng cũng tạm dự để kiếm cơm.

Đến khi Tuyên Vương mất, Mẫn Vương nối ngôi, cũng thích nghe thổi sáo, nhưng chỉ muốn nghe riêng từng người, Đông Quách thấy thế, tìm đường trốn trước.

Lời bàn:

Thời nào, và ở đâu chẳng có hạng người như tiên sinh Đông Quách nầy. Có điều Đông Quách tiên sinh của

Hàn Phi Tử có ít nhiều liêm sỉ: Biết thân mà chuồn trước. Nhưng đó cũng là nhờ có người như mẫn vương biết nghe nhạc.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Mười Ba

Sướng...

Mùa hè qua tháng bảy, mặt trời đỏ ngang trời. Gió cũng không. Mây cũng không. Sân trước, sân sau, nắng chói như lò lửa. Không một con chim nào dám bay. Mồ hôi ra khắp mình, ngang

dọc thành rãnh nước. Cơm để trước mặt, không sao nuốt được. Gọi chiếu muốn nằm xuống đất trời đã tướt như mỡ. Ruồi xanh lại bu đến, leo lên cổ, đậu lên mũi, đuổi chẳng buồn đi. Đương lúc không biết làm thế nào được, bỗng dưng mây đen kéo kín, tiếng rầm rầm nghe như có trăm vạn trống chiêng... Mái tranh chảy như thác. Mồ hôi trên mình biến mất! Đất ráo như lau... Ruồi bay mất hết. Cơm ăn thấy ngon. Chẳng cũng sướng sao!

...Người bạn xa mười năm, thình lình đến vào chiều hôm. Mở cửa chào xong, chẳng kịp hỏi đi thuyền hay đi bộ, cũng chẳng kịp mời ngồi ghế hay ngồi giường... Hàn huyên qua loa, liền chạy

mau vào nhà trong, sẽ hỏi vợ: "Mình có được như bà vợ Tô Đông Pha, sẵn có rượu để dành không?" Vợ cười, rút cành trâm vàng đưa cho. Tính ra có thể đãi khách được ba ngày... Chẳng cũng sướng sao!

...Ngồi một mình trong căn phòng không, đang nghĩ đêm qua có tiếng chuột nghe bực quá. Không biết nó sồn sột gặm nát cái gì của mình? Trong lòng bồi hồi, chưa nghĩ ra sao...

Bỗng thấy con mèo đẹp, chú mắt, vẫy đuôi, như đã trông thấy vật gì. Nín tiếng, nín hơi, đợi chờ chốc lát, thì thấy nó chồm lên, lẹ như gió... nghe một tiếng "chít". Con vật đó đã chết rồi!

Chẳng cũng sướng sao!

...Đêm Xuân cùng các tay hào uống đã nửa say, thôi đã khó thôi, thêm cũng khó thêm...

Bên cạnh bỗng có một đứa trẻ hiểu ý, đưa vào hơn chục phong pháo. Liền đứng dậy ra ngoài tiệc, lấy lửa đốt chơi! Mùi lưu hoàng xông từ mũi vào tận óc, khắp người khoan khoái.

Chẳng cũng sướng sao!

...Qua phố thấy có hai bác đồ gàn, cãi nhau về một chuyện... Cả hai đều đỏ mặt, tía tai, tưởng chừng không đội trời

chung. Vậy mà còn chắp tay lên, khom lưng xuống, đầy mồm "chi, hồ, giả, dã"!

Câu chuyện còn kéo dài, có thể mấy năm không xong.

Bỗng có tay tráng sĩ vung tay đi lại, ra oai quát to một tiếng. Thế là nín thin thít.

Chẳng cũng sướng sao!

...Ngủ sớm vừa dậy, hình như nghe tiếng người nhà than thở, nói chàng nọ chết đêm qua! Vội xem, té ra một tay khôn vặt nhất trong cả một thành.

Chẳng cũng sướng sao!

...Lâu vẫn muốn đi tu, khốn nỗi không được công khai ăn thịt. Ví cho được làm sư mà vẫn được công khai ăn thịt, thì ngày hè ấy nước nóng, dao bén cạo sạch tóc đầu...

Chẳng cũng sướng sao!

...Đi vắng lâu ngày mới về... Xa trông thấy cửa thành, đàn bà, con trẻ hai bên đường, đều nói tiếng quê nhà...

Chẳng cũng sướng sao!

...Mình không phải là thánh, sao cho khỏi có lỗi.

Đêm qua làm lén một việc. Sớm dậy ái náy trong lòng không yên. Chợt nhớ nhà Phật có phép sám hối: Không hề giấu giếm điều gì cả là "sám hối"

Nhân tự đem lỗi mình mà nói phăng ra cho tất cả khách quen, khách lạ đều biết.

Chẳng cũng sướng sao!

...Xem người viết đại tự...

Chẳng cũng sướng sao!

...Mở cửa song giấy, thả cho con ong ra...

Chẳng cũng sướng sao!

...Món đồ sứ đẹp đã sứt mẻ, chả còn có cách gì hàn gắn... Xem đi xem lại chỉ càng thêm rối ruột.

Chẳng cũng sướng sao!

Nhân giao cho nhà bếp dùng làm đồ đựng vặt, không bao giờ lại qua mắt nữa...

Chẳng cũng sướng sao!

Lời bàn:

Phần đông chúng ta thường quan niệm hạnh phúc là một cái gì khó tìm thấy, khó đạt được và phải mua bằng một giá rất đắt, nhất là phải có nhiều tiền và thế lực. Có kẻ lại cho hạnh phúc không có trên cõi đời nầy

Kim Thánh Thán, trái lại, chứng minh cho ta thấy rằng không cần tìm đâu xa cả, nó quanh quẩn bên ta hằng phút hằng giờ. Có cái sướng nào mà không nằm trên cái khổ. Sướng và khổ không bao giờ rời nhau. Muốn được sướng mà lánh khổ là việc làm vô lý. Vật chất là điều kiện của tinh thần, cho nên có cái

sướng tinh thần nào mà không lệ thuộc vào vật chất? Có đói, ăn mới ngon! Ai mà không biết.

Đọc bài văn trên đây ta tưởng Thánh Thán là người ngông, mà kỳ thực là người khôn, thấy là đùa bỡn tầm thường mà rất nghiêm trang thâm thúy. Thật vậy, từ bấy lâu nay, phải chăng phần đông chúng ta đã vô tình bỏ qua biết bao cơ hội để hưởng hạnh phúc trong không biết bao nhiêu câu chuyện rất tầm thường. Cái gọi là hạnh phúc, vào đâu phải ở những việc to tát vĩ đại, mà chính ở trong những cái sung sướng nho nhỏ không đâu ấy!

Kẻ nào có những thành kiến khinh

thường vật chất, muốn có được hạnh phúc thuần túy tinh thần, khi đọc xong bài văn trên đây ắt không thể không bật cười vì xưa nay đã quá ngây thơ, tưởng tìm hạnh phúc trên tận cung trăng, trong khi nó đang nằm trong lòng bàn tay của mình

1 2
[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Mười Bốn

Suối Trường Sinh

Miya Jima nước Nhật Bản xưa kia

là một hòn đảo nổi tiếng linh thiêng. Dân ở đảo này hầu như không ai có quyền chết.

Đảo này là một trong ba thắng cảnh đẹp nhất xứ Phù Tang. Toàn đảo có một ngôi đền danh tiếng ở ngay trên bờ biển. Cửa chính của đền hướng ra biển. Những lối đi trong đền dựng không biết bao nhiêu những cây đèn bằng đá, liên tiếp từ cửa này đến cửa khác. Nơi đây có những con nai đi lại nhởn nhơ không chút sợ sệt sự qua lại của những người mộ đạo. Không khí rất trong lành, biện một màu xanh biếc. Bên kia eo biển, xa xa hiện lên những dãy núi tim tím, những cánh buồm rơm vuông vắng của những chiếc thuyền đánh cá phản chiếu ánh

sáng mặt trời, trông như những đám lửa nhỏ nổi lên mặt nước.

Trong số dân cư ngụ tại đảo nầy có hai vợ chồng người tiều phu già, hết sức già. Chồng là Yoshida, vợ là Fumi. Họ được cả làng yêu mến vị nể. Ai nấy đều khen sự kiên nhẫn chịu đựng mọi sự mà họ đã trải qua, và ca tụng sự trung thành của hai người đối với nhau trên sáu mươi năm chung sống.

Họ không quen nhau mấy, hồi mà cha mẹ họ quyết định sự hôn nhân. Yoshida chưa bao giờ dám nói chuyện với Fumi, nhưng khi gặp nhau trên bãi biển thì chàng cứ nhìn nàng bằng cặp mắt trìu mến và cứ nhìn theo nàng mãi.

Nàng đi thong thả, hơi cúi về phía trước(đó là lối đi của những thiếu nữ có giáo dục). Những ngày hội, chàng thích tìm nàng trong đám đông để thấy khuôn mặt trái soan của nàng, có cặp má đào đỏ hây, cái áo dài màu ngọc trai xám có thắt ngang một cái thắt lưng lớn, gấu áo viền bằng lụa nâu có thêu những bông cúc trắng.

Fumi cũng không khao khát ngày cưới lắm, vì nàng biết đời nàng đã được định đoạt rồi, và mấy tháng trước ngày cử hành hôn lễ, nàng đội cái mũ "mũ cưới" tượng trưng cho người con gái sắp thành hôn. Bản tính Fumi dịu dàng, mà nàng vẫn sợ trước những sự nghiêm khắc, những sự bất hòa có thể

xảy ra giữa vợ chồng. Nàng nghĩ đến câu phương ngôn: "Lòng người đàn ông dễ thay đổi như trời thu". Nhưng nàng sẽ nhất định giữ được tình yêu của chồng bằng sự kiên nhẫn, dịu dàng và sự âu yếm kín đáo của nàng. Nàng có biết câu phương ngôn: "Nếu người ta ngồi ba năm trên một tản đá đó cũng sẽ nóng..."

Cuộc hôn nhân của Yoshida và Fumi đã được cha mẹ định đoạt đúng luật lệ cổ truyền, nên được vui vẻ và tồn tại giữa hai vợ chồng. Ngay từ buổi đầu, Yoshida yêu Fumi với tất cả mối tình nồng thắm của tuổi trẻ và Fumi đền đáp lại bằng sự yêu kính chồng rất mực.

Họ được hưởng những lúc vui

sướng cũng như những hồi buồn bã. Vui, là họ sinh liên tiếp ba trai. Rất buồn là ba con lúc đã trưởng thành lại bị chết một ngày vì nghề đánh cá. Một hôm ra khơi, biển đã cướp mất cả ba người con. Yoshida và Fumi trong lòng tan nát, cố chịu đựng trước bạn bè, gượng cười ra vẻ thản nhiên. Nhưng khi chỉ có riêng họ, họ khóc sướt mướt. Tay áo họ luôn luôn đẫm lệ đau thương. Họ đặt bài vị ba con trên một cái bàn nhỏ bằng gỗ quý, tại một căn phòng đẹp nhất để ngày đêm tưởng niệm. Mỗi ngày trước bữa ăn, họ đặt thức ăn lên một cái bàn bằng gỗ sơn, đốt hương để khấn các con về thụ hưởng. Những lúc đó họ ngồi hàng giờ để nghĩ tới những người con đã mất.

Bây giờ chỉ còn có hai vợ chồng, họ lấy sự kính yêu nhau làm nguồn an ủi duy nhất. Mỗi người đều muốn làm cho người kia bớt đau khổ, họ tìm đến cách âu yếm lẫn nhau. Dần dần tâm hồn họ bình thản trở lại, và họ trở nên kiên nhẫn. Họ lấy câu tục ngữ sau đây để tự an ủi: "Khi hoa anh đào đã tàn, không phải lấy sự tiếc thương mà làm cho hoa anh đào nở được"

Giờ đây họ đã già lắm, già như những con đồi mồi cổ kính. Yoshida thì nhăn nheo, khô héo, chân tay run rẩy, Fumi thì tóc và lông mày đã rụng nhẵn.

Người ta gặp họ đi chơi với nhau,

bước chân chập chạp, vợ đi sau chồng một chút (vì tập tục như vậy) Thỉnh thoảng đôi cvợ chồng già này đi đến tận ngôi đền nguy nga làm cho hòn đảo nổi tiếng khắùp nước.

Ở nhà, dù Fumi đã nhiều tuổi, vẫn cố gắng giữ gìn nhà cửa được sạch sẽ, xinh xắn. Bà ưa màu trắng của bức tường bằng giấy và ánh sáng của chiếc chiếu mới với một ý nghĩ rất tế nhị hòa hợp tình cảm, bà thường thay đổi sự trang trí tùy theo thời tiết, tùy theo từng mùa hoặc tùy theo màu sắc của từng ngày, tùy theo nỗi buồn trong tâm tưởng khi treo những bức tranh lụa trên tường, một trong cái bình bằng đồng bà cắm ba cành hoa rất khéo léo mỹ thuật.

Đôi khi cạnh lọ hoa, bà đặt hai pho tượng nhỏ, tượng trưng cho hai ông bà già đang quét là thông. Đó là tiêu biểu tình nghĩa vợ chồng những cặp vợ chồng già được ví như hai cây thông đã mật thiếc mọc liền thân với nhau đến nỗi trông như một và cùng già bên nhau.

Cũng có khi Fumi đặt trên bàn một pho tượng sơn, tượng một vị thần mà bà thích nhất, một vị thần rất ngộ nghĩnh, có bộ râu dài, đội một cái mũ kỳ lạ, tay cầm một cái gậy, còn tay kia cầm một quyển kinh, đó là một trong bảy vị linh thần, mà là vị thần tượng trưng cho hạnh phúc của tuổi già.

Yoshida và Fumi kể là đôi vợ chồng già sung sướng, biết gác ra ngoài những nỗi khổ cực của loài người để hưởng sự yên tĩnh và thương yêu lẫn nhau.

Nhưng dù sao họ vẫn có một mối sầu vương vấn. Bây giờ họ đã quá già, lòng luyến tiếc thời trẻ trung xưa kia đã quá xa. Người nào cũng nghĩ rằng: Khi mà một trong hai người chết đi, người còn sống sẽ đau khổ biết chừng nào, cô đơn biết chừng nào! Giá bây giờ họ còn trẻ cả hai, họ sẽ hưởng được một cuộc sống lâu dài bên nhau. Đời sống họ sẽ trở nên thơ mộng biết bao, êm đềm biết bao!...

Một buổi thu, trời trong sqng,

Yoshida như có một cảm hứng huyền bí gì, đi về phía rừng một mình. Nơi đây, trước kia ông đã làm nghề đốn củi rất cần cù, bây giờ trước khi chết muốn nhìn lại cây cối mà ông đã sống gần suốt đời.

Nhưng khi đến nơi, ông không còn nhận ra phong cảnh xa xưa kia nữa. Ngay cửa rừng ông không còn thấy cây Phong to lớn lá đỏ của mùa thu, nổi bật giữa đám lá thông xanh thẫm. Ông không nhận thấy cả cái suối nước trong, trong một cách lạ lùng, màu xanh lơ...

Sau khi đã ngồi, ông thấy khát nước, thấy có một núi trong xanh ngay cạnh lối đi. Với hai lòng bàn tay, ông bốc nước

lên, uống thông thả...

Nào ngờ? Khi nhìn bóng mình trong suối nước, ông thấy thay đổi hết: Tóc đã trở nên đen nhánh, mặt hết nhăn nheo, trong người các bắp thịt có một sức mạnh đang vươn lên. Yoshida đã trẻ lại như người mới hai mươi tuổi, ông đã vô tình được nước suối "trường sinh".

Khỏe mạnh, tươi vui, đầy nhựa sống, ông già Yoshida bây giờ là một

chàng thanh niên trẻ trung yêu đời. Anh ta sung sướng chạy về nhà.

Bà già Fumi trông thấy một thanh niên đẹp trai đi vào nhà. Bà thốt lên một tiếng: "Ồ" rồi từ ngạc nhiên đến sợ hãi, làm bà chết đứng như người mất trí.

Yoshida vội an ủi vợ và giải thích rõ ràng sự may mắn vừa đến với anh.

Bây giờ đến lượt bà lão đáng thương vừa cười vừa khóc vì sung sướng. Sáng mai bà cũng sẽ ra cái "suối tiên" đó. Uống nước rồi, khi về, bà cũng sẽ trẻ lại như một thiếu nữ hai mươi.

Hai vợ chồng sẽ lại sống cuộc đời

tươi đẹp, với bao sự vui thú của tuổi trẻ và sẽ hài lòng khi nghĩ đến những kỷ niệm đã qua.

Sáng hôm sau khi nắng hồng mới hé, sau làn không khí trong trẻo. Fumi vội vàng đi ra cái suối nước trong... Yoshida ở nhà, anh ta đợi, không có gì sốt ruột. Anh biết rằng phải mất độ hai giờ cho một người già để đi đến suối, và lúc về sẽ mau hơn.

Vậy mà đã hơn hai giờ, Fumi vẫn chưa về. Yoshida ngạc nhiên: Từ suối về có bao xa, mà sao lâu đến thế? Rồi những giờ phút trôi qua, sự sốt ruột của anh càng lúc lại càng tăng.

Thời giờ cứ tiếp tục trôi đi một cách tàn nhẫn, chậm chạp. Đã ba giờ qua, bốn giờ qua, năm giờ qua... Sự gì đã xảy ra?

Yoshida không còn kiên nhẫn hơn được nữa, vì sự sợ hãi cứ tăng dần lên. Anh đóng cửa lại rồi chạy ra rừng.

Anh chạy vội đến chỗ "suối tiên". Anh nghe thấy nước chảy hòa lẫn tiếng lá reo trên cành. Chú ý im lặng tìm kiếm một vùng rộng, mà vẫn không thấy vợ đâu, anh bắt đầu thất vọng.

Bỗng một tiếng kêu, một tiếng rên, có lẽ một con vật bị thương... làm cho anh chú y.

Yodhida đã đến gần bờ suối... Khi đến tận bờ, anh đứng lại, ngạc nhiên trông thấy giữa đám cỏ cao, có một bé con... một đứa bé gái độ chừng vài tháng, chưa biết nói, chỉ giơ tay về phía anh với vẻ thất vọng...

Yoshida bế đứa bé lên. Nhìn vào mắt đứa bé, cặp mắt lạ lùng! Cặp mắt đó làm cho anh nghĩ đến những kỷ niệm xa xôi của đời anh. Sao lại có cặp mắt giống hệt cặp mắt vợ anh một cách lạ lùng đến thế? Anh đã nhận được cặp mắt của người vợ anh: Khóc khi anh buồn, cười khi anh vui. Lòng anh xúc cảm mạnh.

Rồi đột nhiên anh hiểu được tất: À,

ra chính đứa bé này là vợ anh, là bà vợ già của anh, là Fumi đáng thương đã trẻ lại. Và đã trẻ quá, vì nó muốn trẻ lại hơn chồng, nên đã uống quá độ, nên đã biến thành một đứa hài nhi...

Yoshida thở dài, bồng đứa nhỏ lên và mang nó sau lưng, như bà mẹ thường địu con... Anh buồn bã trở về, nghĩ rằng, từ đây anh sẽ phải như một người cha săn sóc và nuôi dưỡng dạy bảo đứa bé mà trước đây là vợ mình: Người bạn trung thành của anh trên đường đời.

Lời bàn:

Văn u mặc bao giờ cũng trang nghiêm nhẹ nhàng... tuyệt nhiên không

có giọng hề chọc cười thiên hạ một cách rẻ tiền. Bài văn trên đây là một ví dụ điển hình

Yoshida là một tượng trưng của một hiền giả Đông phương, biết "tri túc, tri chỉ" (biết đủû biết dừng lại), mặc dù cái mộng của con người, ai cũng muốn sống lâu mà không chịu già.

Nàng Fumi là đại diện tâm hồn thiết thực của loài người nói chung, nhất là người đàn bà muôn thuở nói riêng. Có người đàn bà con gái nào mà không sợ cảnh già, mặc dù đã da mồi tóc bạc. Trẻ mãi là cái mộng duy nhất của người đàn bà để được yêu

thương. Sự quá đà của nàng Fumi trong vấn đề "phản lão hoàn đồng" là cái bệnh chung của loài người. Bởi vậy, câu chuyện u mặc trên đây làm cho người ta lỡ cười lỡ khóc

Đáng thương hại là "anh chồng" lại trở thành "ông cha", "chị vợ" lại biến thành "đứa con" để cho người đàn ông đến bao giờ phải đóng vai của một người bảo hộ mà tạo hóa dường như đã an bài? Đây là cái hài kịch của thiên thu: Người chồng nào cũng phải là cha nuôi dưỡng và che chở cho người đàn bà đã trao thân gởi phận cho mình. Và chính thế mà người đàn bà và con gái nào cũng yên chí thiết một "ông" chồng có đủ điều kiện để vừa làm một người

chồng và một người cha với nghĩa thiêng liêng của nó.

1 2

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Mười Lăm

Túy Ngâm Tiên Sinh

Ngâm tiên sinh là người quên cả họ và tên, quan tước, làng mạc, hồ đồ mình không biết là ai nữa. Làm quan ba mươi năm, gần già, lui về ở đất Lạc Hà. Chỗ ở có năm, sáu mẫu ao, vài nghìn cây tre

với vài chục gốc cây cối. Lầu gác sân tường đủ cả mà nhỏ. Tiên sinh an tâm mà ở đấy. Nhà tuy nghèo, không đến nỗi đói rét, tuổi tuy già chưa đến nỗi lẩm cẩm. Tính thích rượu, hay nghe đàn, hay ngâm thơ. Phàm những khách đàn, thơ rượu, chơi bời với nhau rất nhiều. Ngoài sự chơi đó, đem lòng mộ đạo Phật, học thấu các phép tiểu thừa, trung thừa, đại thừa, cùng với nhà sư núi Trung Sơn làm bạn "không môn", với Vi Sở làm bạn sơn thủy, với Lưu Mộng Đắc làm bạn thơ, với Hoàng Phủ Minh làm bạn rượu. Mỗi khi gặp nhau thì vui vẻ mà quên về. Gần Lạc thành trong ngoài sáu bảy mươi dặm, phàm chỗ nào có chùa chiền núi non, khe suối, hoa trúc, chẳng đâu chẳng đến, nhà ai có

rượu ngon, đàn hay, chẳng đâu chẳng qua, ở đâu có sách vở múa hát, chẳng đâu là chẳng xem. Tự khi ở Lạc Xuyên, có người mời đi ăn tiệc đâu, thường thường cũng đi. Mỗi khi mát trời, hoặc lúc có trăng, có tuyết, bạn bè đến chơi, tất cả là bạn hồ rượu, mở tủ sách, thơ rượu thích chí rồi vớ lấy đàn gảy một khúc "thu từ", nếu hứng nữa thì sai trẻ nhà hòa nhạc, cùng tấu một khúc "Nghê thường Võ y", nếu vui nữa thì sai con hát hát vài khúc "Dương Liễu Chi", phóng tình vui vẻ, kỳ đến say khướt mới thôi. Đôi khi thừa hứng đi bộ sang láng giềng, hoặc chống gậy đi trong làng, hoặc cưỡi ngựa chơi chốn đô ấp, hoặc ngồi song loan chơi ngoài đồng nội. Trong song loan để một cái đàn, một cái

gối, vài quyển thơ của ông Đào, ông Tạ, hai bên đầu tay song loan, treo hai hồ rượu, tìm nơi có sông núi, tùy tình dạo xem, ôm đàn dốc bầu, hết vui rồi trở về. Như thế mười năm, trong khoảng đó ngâm thơ ước hơn nghìn bài, ngày nấu rượu ước trăm hộc, mà trước sau hơn mười mấy năm không kể. Vợ con thấy uống nhiều quá thì lo mà ngăn can hai ba lần. Tiên sinh nói: "Phàm tính người ta ít người được trung bình, tất có đam mê về một việc. Ta cũng không giữ được mực trung bình. Nếu chẳng may mà ta hám lợi, làm nên giàu có, của cải chứa nhiều, cửa nhà lộng lẫy, để mua lấy vạ làm hại cho thân mình thì làm thế nào? Nếu chẳng may mà ta hám cờ bạc, trăm nghìn đổ đi một lúc, làm cho phá gia

bại sản để đến nỗi vợ con đói rét thì làm thế nào? Nếu chẳng may mà ta hám sự luyện thuốc, nấu cao luyện đan, để đến nỗi không thành thuật gì, có điều lầm lỡ thì làm thế nào? Nay ta không hám các sự ấy, mà chỉ thích chí ở trong cuộc rượu câu thơ, phóng túng thì phóng túng thực, nhưng có hại gì, chẳng còn hơn ba sự kia ư? Bởi thế Lưu Bá Luân thấy vợ nói mà không nghe, Vương Vô Công chơi ở làng say mà không về vậy".

Nói đoạn, đem vợ con vào buồng nấu rượu, ngồi xổm, ngửng mặt lên hú dài một tiếng rồi than rằng: "Ta sinh ra ở trong trời đất, tài và hạnh kém cổ nhân xa, song giàu hơn Kiềm Lâu, thọ hơn Nhan Uyên, no hơn Bá Di, vui hơn Vịnh

Khải Kỳ, khỏe hơn Vệ Thúc Bảo, may lắm may lắm, ta còn cầu gì nữa. Nếu bỏ cái thích của ta thì còn lấy gì mà vui lúc già!

Bèn ngâm lại một bài thơ "vịnh hoài", ngâm xong tủm tỉm cười, rồi nhắc vò rót rượu, uống vài chén cho say tít cú lỳ. Say rồi lại tỉnh, tỉnh rồi lại ngâm, ngâm rồi lại uống, uống rồi lại say, say với ngâm cứ lần lượt mà theo nhau. Bởi thế mà coi cuộc đời như giấc mộng, coi phú quý như đám mây bay, màn trời chiếu đất, chớp mắt trăm năm, lúc nào cũng li bì mờ mịt, không biết cái già nó đã theo đến, chỗ mà người xưa gọi "hòa với rượu", nên tự đặt hiệu là "Tuý Ngâm tiên sinh". Bấy giờ là năm Khai

thành thứ ba, tiên sinh sáu mươi bảy tuổi, râu đã bạc, đầu hói một nửa, răng khuyết hai chiếc, mà cái vui trong thi tửu vẫn chưa suy. Ngoảnh lại bảo vợ con rằng:

"Mình ta từ nay về trước sướng rồi, còn cái mình ta từ nay về sau chưa biết vui như thế nào nữa!".

Lời bàn:

Trang Tử bàn đến cái đức SAY của người "Say Đạo" đã viết.

Người say rượu té xe, tuy mang tật mà không chết. Gân cốt thì giống với mọi người, mà bị hại thì sao lại khác

với mọi người? Là vì nó giữ toàn được cái thần. Lên xe cũng không biết, té xe cũng không hay! Tử, sinh, kinh, cụ không sao vào được trong lòng. Cho nên dù có chống lại với vật mà không biết sợ. Đó là kẻ đã hòa với rượu mà còn được thế, huống chi là kẻ đã hòa được với thiên nhiên".

Mở đầu, tác giả đã tự giới thiệu một cách trào lộng nhưng sâu sắc vô cùng "Túy Ngâm tiên sinh là người quên cả họ tên quan tước làng mạc... hồ đồ như mình không hiểu mình, là gì nữa". Đó là cái SAY của bậc "chí nhân vô kỷ, thần nhân vô công, thánh nhân vô danh".

Say mà luận việc đời TỈNH hơn người TỈNH. Tiếng cười giòn giã của thánh nhân đã bắt đầu!

"Phàm tính người ta ít được có người "đắc trung", tất có sự ham mê về một việc gì. Ta cũng không giữ được mực "trung". Nếu chẳng may mà ta ham mê lợi lộc, làm giàu chứa của, cửa nhà lộng lẫy để chuốc họa vào thân, thì làm thế nào? Nếu chẳng may mà ta ham mê cờ bạc, trăm nghìn đổ đi một lúc, làm phá gia bại sản để đến nỗi vợ con đói rét, thì làm thế nào? Nếu chẳng may mà ta hám mê ăn mặc, luyện đơn luyễn thuốc để đến nỗi không thành công gì cả lại gây thêm lầm lỗi, thì là thế nào? Nay may mà ta

chẳng ham mê những việc ấy, chỉ thích ở trong việc câu thơ chén rượu, phóng túng thì quả có phóng túng thật, nhưng có hại gì? Chẳng còn hơn ba việc kia sao? Bởi vậy Lưu Linh vợ can mà không nghe, Vương Tích chơi ở làng say mãi không về"

Người ta trên đời, trong cái cõi phù du này, phải có vui thích một cái gì... để mà biết xem nhẹ cuộc đời. Cái "say" của Bạch Lạc Thiên cùng với cái "say" của Đào Tiềm là một, đó là cái say của bậc thánh nhân đắc đạo, cái say "coi đời như giấc mộng, phú quý như phù vân, lấy trời làm màn, lấy đất làm chiếu, xem trăm năm như chớp mắt" tuy thấy là một khoảnh khắc

nhưng mà là một khoảnh khắc của thiên thu.

Có cái tỉnh mà say, nhưng cũng có cái say mà tỉnh. Thế nhân tỉnh mà say, thánh nhân say mà tỉnh. Thế nhân "tỉnh" trong cái "tâm sai biệt" phân biệt chính tà, vinh nhục, thọ yểu, thị phi... trái lại thánh nhân "say" trong cái "tâm vô sai biệt" (tâm hư) trong đó vũ trụ là một xáo trộn cổ kim, kim cổ, dồn làm một khối: "Lúc nào cũng li bì mờ mịt, không biết cái già nó đã theo đến"... Cái say của thánh nhân là cái say của người tỉnh. Cái tỉnh của thế nhân là cái tỉnh của người say (mê muội): Trong cảnh giới nhị nguyên.

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Mười Sáu

Đức Uống Rượu

Có một đại nhân lấy trời đất làm một buổi, lấy muôn năm làm một chốc, lấy mặt trời, mặt trăng làm cửa ra vào, lấy thiên hạ làm sân, làm đường, đi, không thấy vết xe, ở, không có nhà, cửa, trời, tức là màn, đất, tức là chiếu, ý muốn thế nào thì thế. Lúc ở nâng chén cầm bầu, lúc đi thì vác chai, xách mâm, lúc nào cũng chỉ có việc rượu chè, không còn biết đến gì nữa.

Có một vị công tử và một ông quan, sang qua nghe tiếng tiên sinh như thế, bèn đến tận nhà, xăn tay, vén áo, trừng mắt, nghiến răng, kẻ thì giãi bày lễ nghĩa, người thì giảng giải thị phi, ầm ĩ như đàn ong.

Lúc đó tiên sinh ôm vò rượu, ghé vào thùng rượu, tợp cả chén, vểnh râu, ngồi dang hai chân, không nghĩ, không lo, hớn hở, say sưa, thoáng rồi lại tỉnh. Lắng tai, cũng không nghe thấy tiếng sấm sét, nhìn kỹ cũng không trông thấy hình Thái sơn, nóng lạnh đến thấu cả thân, cũng không biết, tiền của dục vọng cảm đến tình, cũng không hay, cúi xuống trông vạn vật rối rít ở trước mắt khác

nào bèo nổi bồng bềnh trên sông Giang, sông Hán.

Hai vị kia đứng bên cạnh, tiên sinh thấy như con tò vò, như con sâu rọm mà thôi.

Lời bàn:

Bài văn này của Lưu Linh "mắng" nặng hạng người thích tách bạch thị phi, thiện ác...

Đối với người đã xem thời gian vô cùng của trời đất như một buổi, muôn năm là một chốc... thì cái bọn người câu chấp hẹp hòi trong những cái gọi là lễ nghĩa thị phi... còn có nghĩa lý

gì...

Cái say của Lưu Linh là cái say Đạo, vượt khỏi nhị nguyên, cho nên tiếng sấm sét không làm kinh động con người, tiên sinh lắng tai cũng không nghe. Hình núi Thái cao to lớn là bao, vậy mà dưới con mắt tiên sinh dù đã hết sức nhìn kỹ cũng không thấy. Tả cái tâm cảm của người đắc Đạo như thế quả là tài tình và hài hước.

Còn gì hài hước nữa bằng cách tả hạng Nho gia hăng hái truyền cái đạo nhị nguyên của họ như một đàn ong vỡ ổ: "Có một vị công tử, và một ông quan sang qua, nghe tiếng tiên sinh như thế, bèn đến tận nhà, xăn tay, vén áo, trừng

mắt, nghiến răng, kẻ thì giãi bày lễ nghĩa, người thì giảng giải thị phi, ầm ĩ như đàn ong". Quả là cái cười tàn nhẫn! Tàn nhẫn mà hài hước đến cực độ là câu chót: Hai vị kia đứng bên cạnh, tiên sinh thấy như con tò vò, như con sâu rọm mà thôi!".

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Mười Bảy

Ngũ Liễu Tiên Sinh

Ông không rõ người ở đâu, tên họ gì, bên nhà có trồng năm cây liễu, nhân đó

mà đặt tên.

Ông nhàn tĩnh, ít nói, không ham danh lợi. Tính ham đọc sách, lại không cần thâm cứu chi tiết, mỗi lần hội ý điều gì thì vui vẻ quên ăn. Tính thích rượu, nhưng nhà nghèo, không có được thường. Người thân cận cố cựu biết vậy, có khi bày rượu mời, ông lại uống hết, đến say mới thôi. Say rồi thì về, không lưu luyến gì cả.

Tường vách tiêu điều, không đủ che mưa nắng, bận áo vải thô vá, bầu giỏ thường trống không mà vẫn vui.

Ông thường làm ăn để tiêu khiển và tỏ chí mình. Đắc thất không màng, cứ

vậy trọn đời.

Khen rằng: "Kiềm Lâu nói: Không đau đáu lo cảnh nghèo hèn, không vội vàng mưu cảnh giàu sang".

Lời nói ấy trỏ vào hạng người như này chăng?

Lời bàn

Lối văn u mặc của Đào Tiềm nhẹ nhàng hơn của Lưu Linh, nhưng đều cùng một mùi vị hư vô siêu thoát

Bài văn của Đào Tiềm có nhiều đoạn rất hay... "Ông, không rõ là người ở đâu, tên họ gì..." Những ai đã hiểu

Thiền, đọc lên sẽ thấy thú vị vô cùng. Trong khi thiên hạ đua nhau tìm cách "lưu danh hậu thế" đánh trống thổi kèn để cho khắp thiên hạ được biết đến cái tên nhỏ bé của mình thì Đào Tiềm cũng như Bạch Cư Di khởi đầu nói đến một thứ con người "vô danh": Túy Ngâm tiên sinh và Ngũ Liễu tiên sinh

Đào Tiềm hiểu rất rõ những tâm sự của những con người háo danh trục lợi, họ nói rất hăng, họ nói rất nhiều... nếu không phải vì háo danh thì chắc chắn không còn cái gì thúc đẩy con người ham nói cả. Cho nên Ngũ Liễu tiên sinh là người "ít nói", và dĩ nhiên bởi ông là người "không ham danh lợi". Chỉ có một câu mà nói lên được tất cả nhân quả của

cái trò hề bản gã (comédie du moi)

Lối đọc sách của Ngũ Liễu tiên sinh cũng khác đời. Người đời đọc sách thì đi moi móc từng chữ một, chết trong văn từ chi tiết, lặn hụp trong hình thức, chi ly phân tích. Ngũ Liễu tiên sinh đọc sách "không cần thâm cứu chi tiết, mỗi khi hội ý điều gì thì vui vẻ quên ăn". Đọc sách mà được như thế là nhập thầnÔng

Giàu nghèo bất kể, đắc thất không màng. Ngụ Liễu tiên sinh quả là người cách xa thiên hạ: Một con người Tự Do

Nếu trong hàng đệ tử Khổng Tử

hỏi Ngài về cái con người quái dị này là hạng người thế nào, chắc chắn Khổng Tử sẽ bảo: "Người mà làm gì hiểu nổi. Hỏi Hồi, may ra nó mới có thể nói cho mà nghe!

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Mười Tám

Đánh Cá Với Như Lai

Ca vừa đến Linh Tiêu, bỗng nghe tiếng khí giới chạm nhau chan chát vang lên! Thích Ca liền bảo Lôi Công bãi chiến, và kêu Tề Thiên hỏi. Tề Thiên

nghe kêu hiện nguyên hình bước tới hét lớn:

- Nhà ngươi ở xứ nào, dám tới đây khuyên giải?

Thích Ca cười nói:

- Ta ở Cực Lạc, hiệu Thích Ca Như Lai, nghe tin ngươi ngang dọc náo loạn Thiên Cung, nên đến đây khuyên ngăn! Chẳng hay ngươi sinh ở đâu, thành đạo từ năm nào, vì sao lại phản Trời như vậy?

Tề Thiên nói:

- Trời đất khiến đá nứt sinh ta, lâu

nay ở non tiên Hoa Quả, động Thủy Liêm. Từ thuở nhỏ theo thầy Tây Thổ, luyện phép trường sinh bất tử. Nay thấy trung giới thâm u, muốn ngự chương tòa, thay vì Thượng đế. Bởi Thiên tướng cản ngăn, nên ta loạn đả Thiên cung, quyết buộc Ngọc Hoàng nhượng chức.

Thích Ca cười nói:

- Chẳng qua ngươi cũng là một con khỉ thành tinh, sao dám lớn mộng cướp ngôi Trời? Vả, Thượng đế tu đến một ngàn năm trăm năm chục kiếp, mỗi khiếp có nhiều năm. Còn ngươi tu luyện bao nhiêu mà dám lên ngôi báu! Sao ngươi không biết lẽ phải, lo phần tu niệm, còn quen thói dọc ngang, gặp đạo

cao e cho uổng khiếp!

Tề Thiên vẫn hiên ngang nói:

- Đi tu nhiều, để rồi làm vua cho được lâu sao? Hễ thiên địa tuần hoàn thì ngôi báu cũng phải thay đổi. Ngươi mau bảo Thượng đế nhường ngôi, bằng không ta phá nát Thiên cung.

Thích Ca trầm tĩnh nói:

- Trừ phép trường sinh và biến hóa của ngươi ra, ngươi còn phép gì cao siêu hơn nữa, mà dám giành ngôi Thượng đế?

Tề Thiên nói:

- Ta có bảy mươi hai phép huyền công, luyện đặng trường sinh bất lão, và cân đẩu vân không ai sánh kịp, nhảy hơn mười ngàn tám trăm dặm, tài phép như vậy ta thay ngôi Trời chẳng xứng sao?

Thích Ca bảo:

- Vậy người cùng ta đánh cuộc coi tài phép bậc nào?

Rồi Thích Ca giơ bàn tay ra nói tiếp:

- Nếu ngươi nhảy khỏi bàn tay hữu này, ta sẽ bảo Thượng đế nhường ngôi cho ngươi, để khỏi tốn công chiến đấu,

bằng ngươi nhảy không đặng, phải sớm trở về trung giới tu thêm ít kiếp, mới đủ sức đoạt ngôi Trời!

1 2

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyên Tác: Nguyễn Duy Cần

Tôn Hành Giả nghe nói cười thầm: "Ta nghe tiếng Thích Ca từ lâu, sao còn quê mùa đến thế! Lão Tôn nhảy một cái có tới mười ngàn tám trăm dặm, sá chi bàn tay là bao lớn, mà bày chuyện đánh cuộc!"

Qua ý nghĩ ấy, Tề Thiên vụt hỏi:

- Ngươi hứa như vậy, có chắc không?

Thích Ca đáp:

- Chẳng lẽ ta dối ngươi sao?

Dứt lời Thích Ca xòe bàn tay hữu ra, bằng lá sen.

Tôn Hành Giả cất thiết bảng, co chân nhảy vọt qua và la lớn:

- Ta qua khỏi Thích Ca thấy rõ chăng?

Bỗng Tề Thiên đưa mắt nhìn quanh, thấy có năm cây cột màu đỏ như thịt,

trên đầu có mây xanh bèn nghĩ thầm: "Ta nhảy xa quá! Dường như đã cùng đường rồi! Có lo chi Thích Ca không bảo Thượng Đế nhường ngôi! Nhưng ta phải làm dấu, đề phòng khi đối nại với Thích Ca". Liền nhổ lông hóa ra viết mực, đề lên cột tám chữ: "Tề Thiên Đại Thánh đáo thử nhất dụ". Viết xong đái vào cột thứ nhất rồi mới dùng phép cân đẩu vân trở lại, kêu Thích Ca nói:

- Lão Tôn đã nhảy qua khỏi tay, ngươi mau bảo Ngọc Hoàng nhượng chức.

Thích Ca nổi giận mắng:

- Con khỉ đái vất, chưa ra khỏi tay

ta sao đòi nhượng chức?

Tề Thiên hiu hiu tự đắc đáp:

- *Lão Tôn nhảy khỏi tay qua đến chân trời, thấy có năm cây cột, với vừng mây xanh. Ta đã làm dấu ngươi rồi, ngươi không tin thì đến đó xem.*

Thích Ca nói:

- *Ta không cần đến làm gì, ngươi hãy cúi đầu xuống coi nhà ngươi đã nhảy đến đâu.*

Tề Thiên nhìn xuống, thấy ngón tay giữa của Thích Ca có đề tám chữ: *"Tề Thiên Đại Thánh đáo thử nhất dụ"* và

nơi dưới ngón tay cái còn hinh hỉnh hơi bọt của nước đái khỉ!

Lời bàn:

Tây Du Ký là một pho tiểu thuyết hoạt kê tài tình nhất của Trung Hoa trong đó xen lẫn một cách hồn nhiên những gì sâu sắc nhất mà cũng tầm thường nhất, cao siêu nhất mà cũng ngu ngốc nhất. Bởi vậy nó đã thỏa mãn được mọi từng lớp con người trong xã hội, từ bậc đại trí đến những bậc bình dân: Già trẻ, bé lớn, đàn ông, đàn bà, con trai, con gái không ai đọc đến mà không cười...

Tôn Ngộ Không là một con khỉ đá

(thạch hầu) tượng trưng bộ óc thông minh, tài năng quán thế và đầy ngạo nghễ của lý trí, với tham vọng chinh phục tất cả ngoại vật không bao giờ biết dừng (ngày nay gọi là khoa học vạn năng chinh phục cả không gian và thời gian). Tam Tạng, tượng trưng tâm đạo, chất phác thật thà (đạo học). Cả hai đại diện cho Trí (Ngộ Không) và Tâm (Tam Tạng). Bát Giới, tượng trưng thị dục vô bờ bến của thú tính nơi con người. Sa Tăng thật thà chất phác hơn, là sức chịu đựng nhẫn nại của phần thể xác. Cả bốn thầy trò là bốn yếu tố chính trong con người: Bốn người ký thực là một. Thiếu một, tập đoàn này không sao đi đến Tây Phương cực lạc... Pascal ví người ta

có hai phần: Một ông thánh và một con thú. Phần Thánh là Tam Tạng và Ngộ Không (Tâm và Trí). Thị dục là phần con thú trong người đó là Bát Giới. Cho nên, dù là bậc thánh như Tam Tạng thường cũng hay nghe lời thị dục hơn là lý trí. Tam Tạng thường hay thiên vị Bát Giới hơn Ngộ Không. Bản tính loài người là vậy.

Bài văn trên đây miêu tả một cách hết sức khôi hài và có duyên cái tính tự cao tự đại của con người sống bằng Trí và cái tinh thần u mặc tế nhị của Phật Tổ Như Lai

Nhà Phật chuyên về huyền tướng: Cân đẩu vân của Tề Thiên với một cái

nhảy đến mười ngàn tám trăm dặm, vậy mà cũng không thoát khỏi bàn tay của Như Lai. Không còn gì khôi hài bằng

Ai kia bên trời Tây đã tự hào chủ trương "thủy tổ loài người là khỉ", nhưng lại bị người đạo đức hương nguyện trách cứ vì đã đánh mất nguồn gốc thiêng liêng của loài người, nghĩ thật oan uổng và hài hước! Phải nói, họ đã bắt chước người Đông phương mà không dè!

Người Đông phương sở dĩ có chỗ khác biệt với người Tây phương thì hài hước mà Tây phương thì trang nghiêm. Bởi vậy người Tây phương đọc Tây Du Ký thì cười mà đọc

Darwin thì giận: Tổ tiên loài người lẽ nào là con thú? Nếu nói như Đông phương, con người là cả bốn thầy trò Tam Tạng, Ngộ Không, Sa Tăng và Bát Giới, hoặc nói như Pascal: "Con người không phải là một vị thánh, cũng không phải là một con thú, mà là cả hai"

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Mười Chín

Cầu Nước Trường Sinh

Đêm ấy, bốn thầy trò Tam Tạng đang yên giấc thì bỗng vào khoảng canh hai, có tiếng chiêng mõ vọng lại inh ỏi.

Tôn Hành Giả lén ngồi dậy, mặc áo, nhảy lên mây trông xuống, thấy bên mé Nam đèn đuốc sáng lòa, có một đạo sĩ đang đứng lễ bái trên điện Tam Thanh.

Ba vị tiên ông đang mặc áo bát quái đứng độc thần chú. Hai bên bảy tám tên đồ đệ đánh trống và dâng hương.

Tôn Hành Giả tức cười muốn hiện xuống tìm cách phá chơi cho bõ ghét. Nhưng một mình e làm không nên việc, liền vội trở về rủ Bát Giới, Sa Tăng.

Tôn Hành Giả lén vỗ Sa Tăng dậy nói nhỏ:

- Ngộ Tịnh! Mau thức dậy, ta có chuyện này hay lắm!

- Sư huynh không ngủ sao!

Tôn Hành Giả nói:

- Mau ngồi dậy lén cùng ta đi dự tiệc.

Sa Tăng hỏi:

- Tiệc gì lúc canh ba này?

Tôn Hành Giả nói:

- Tại miếu Tam Thanh, đạo sĩ đang lập đàn làm chay cúng tế. Trên bàn thờ có hơn bảy chục cân bánh in, còn bánh bao thì nhiều lắm. Đó là chưa kể đến các thứ trái cây bày la liệt! Sư đệ hãy cùng ta đến đó hưởng cho mau, kẻo chúng cúng xong, dọn hết.

Bát Giới nghe bàn, vụt ngồi dậy nói:

- Sao không kêu tôi đi với?

Tôn Hành Giả nói nhỏ:

- Đừng có om sòm mà thầy thức dậy. Muốn ăn thì lén đi theo ta.

Ba người bò ra khỏi phương trượng, đằng vân đến miếu Tam Thanh.

1 2 3 4 5 6

Bát Giới thấy bánh trái để trên bàn cúng nhiều quá muốn xáp vào làm hỗn. Tôn Hành Giả nắm lại, bảo rằng:

- Đừng có ham ăn làm liều hỏng cuộc! Cứ để cho nó tan lễ rồi sẽ tính.

Dứt lời bắt ấn, niệm chú, hớp một hơi gió bên hướng Tốn thổi ngay vào.

Tức thì gió ầm ầm nổi lên làm tắt đèn, bay tượng hết.

Các đạo sĩ thất kinh hồn vía. Hổ Lực đại tiên nói:

- Trận cuồng phong to quá, làm đổ cả cỗ bàn. Thôi chúng ta đi nghỉ, ngày mai sẽ tụng kinh bổ khuyết.

Các để tử tuân lệnh, để cả đồ đạc y nguyên kéo nhau đi ngủ.

Tôn Hành Giả cười khúc khích, nắm tay Sa Tăng và Bát Giới kéo lại nói nhỏ:

- Bây giờ thì cứ tha hồ mà xơi!

Ba người nhảy phóc lên bàn, mò trúng món gì thỉnh món ấy.

Bát Giới lăng xăng chạy bên này, nhảy bên kia, Tôn Hành Giả nói:

- Đừng có bốc hốt như con nít, hãy ngồi ăn cho tề chỉnh.

Bát Giới nói:

- Đã ra thân ăn vụng mà còn nói gì đến lễ nghi. Ăn ngốn ngấu cho xong, chúng nó hay được, mất ăn cả lũ.

Tôn Hành Giả hỏi:

- Ba cái cốt Tam Thanh ở đâu?

Bát Giới đưa tay đỡ mấy pho tượng lên, nhìn mặt, rồi nói:

- Đây là cốt ông Nguyên Thủy, chúng ta đặt ngồi giữa, đây là cốt ông Thái Thượng Lão Quân chúng ta đặt ngồi bên hữu, còn đây là cốt ông Linh Bửu Thiên Tôn, chúng ta đặt ngồi bên tả.

Tôn Hành Giả nói:

- Chúng ta phải giấu ba cốt tượng này, rồi hiện hình ba vị Tam Thanh thì ngồi ăn mới yên ổn.

Bát Giới nghe nói đắc ý nhảy lên lấy mỏ ủi ngã cốt ông Thái Thượng xuống và mỉa mai nói:

- Thôi! Ông ngồi đã mãn tiệc rồi, xin tránh chỗ cho tôi làm ba miếng.

Sa Tăng cũng bắt chước Bát Giới xô ngã tượng Linh Bửu, rồi hiện hình ngồi trên đài.

Tôn Hành Giả nói:

- Không xong! Đừng làm biếng. Hãy giấu mấy cốt tượng kia đã, kẻo chúng thấy thì bể chuyện.

Bát Giới nói:

- Ba cái cốt to thế kia biết chỗ nào mà giấu?

Tôn Hành Giả nói:

- Ta thấy mạn bên trái gần đây có cái ao, đưa cả xuống tiện lắm.

Bát Giới nhảy xuống, hai tay rinh ba cốt tượng đem thả ùm xuống ao, rồi bôn ba trở về ngồi vào chỗ mình.

Tôn Hành Giả chỉ ăn toàn trái cây. Sa Tăng, Bát Giới thì món nào cũng hảo cả. Ba người làm một hơi, cỗ bàn sạch bách.

Giữa lúc đó, bất ngờ có tên tiểu đạo sĩ, vì bỏ quên cái đẩu trên bàn nên ra đó mà kiếm.

Vừa bước lên đàn, chợt nghe có hơi thở như hơi người và có tiếng chép miệng, tên tiểu kinh hoàng quay lưng lại, thì vừa giậm phải vỏ chuối trợt té chổng giò.

Bát Giới không nhịn được cười, phá lên cười ha hả.

Tên tiểu đạo sĩ hoảng vía, vừa chạy vừa la.

Ba vị đạo sĩ còn thức, nghe la, bước ra hỏi:

- Việc gì thế?

1 2 3 4 5 6

Tiểu đạo sĩ thưa:

- Thầy ôi! Không xong. Đệ tử bỏ quên cái đẩu trên đàn nên ra kiếm, nghe có tiếng người thở và tiếng cười sằng

sặc ở trên bàn.

Ba đạo sĩ nổi giận, hét:

- Hãy thắp đèn lên, tà ma ở đâu dám lộng hành như vậy!

Trông thấy ánh đèn lấp loáng, Tôn Hành Giả đưa tay nắm lấy Sa Tăng, Bát Giới giữ lại.

Hai người hiểu ý, ngồi im không dám hành động.

Các đạo sĩ gọi đèn khắp nơi, tìm không thấy gì cả. Lộc Lực Đại Tiên nói:

- Không thấy người nào đến đây, cớ

sao cỗ bàn đều mất hết.

Hổ Lực Đại Tiên tức giận, rọi đèn khắp nơi, thấy vỏ trái cây lột bỏ ê hề, còn bánh bao chỉ còn mấy cái, lẩm bẩm:

- Lạ lắm! Ít ra thì cũng có kẻ nào lẻn vào đây ăn mới có dấu vết này chứ!

Dương Lực Đại Tiên nói:

- Sư huynh đừng nghi ngại. Có lẽ vì chúng ta lòng thành nên Tam Thanh tổ sư gián hạ nhậm lễ, sẵn dịp ngài còn đây, chúng ta lạy xin tiên đơn dâng cho trào đình, kẻo lâu nay ao ước.

Hổ Lực Đại Tiên khen phải, liền

khiến các đệ tử gióng trống lên để cầu đảo.

Hổ Lực Đại Tiên quỳ trước bàn thờ van vái:

- Vua Xa Trì lâu nay ao ước được kim đơn, xin tổ sư ban ơn huệ.

Bát Giới bấm tay Tôn Hành Giả nói nhỏ:

- Biết như vầy lúc nãy đừng ăn ráng, cứ ra về cho sớm có hơn không. Ăn thêm một chút ít không thắm vào đâu mà mang họa!

Tôn Hành Giả bấm tay Bát Giới bảo

im lặng, rồi lên giọng:

- Các tiểu tiên đừng lạy nữa. Chúng tôi vừa dự yến ở nơi bàn đào về đây không có đem theo linh đơn được. Dịp khác sẽ cho.

Các đạo sĩ nghe tượng Tam Thanh trỗi giọng sợ run lập cập. Nhưng khi nghe hết câu, mừng rỡ quỳ lại và nói:

- Thiên Tôn ít khi giáng lâm khó có dịp đệ tử được hầu, xin Thiên Tôn

thương tình đệ tử.

Hổ Lực Đại Tiên quỳ lại, nói tiếp:

- Đệ tử hằng mong ước được vài giọt nước kim đơn uống để cho sống lâu, Thiên Tôn đã giáng lâm, lẽ nào không thương tưởng!

Sa Tăng bấm Tôn Hành Giả nói nhỏ:

- Bọn này có lẽ thích nước tiên đơn lắm, nên cầu xin mãi. Chúng ta tiếc gì mà không cho.

Tôn Hành Giả hiểu ý, cất giọng nói:

- Chư đệ tử đã thành tâm, lập đài

cầu nguyện. Thôi ta cũng vui lòng để lại đây một ít cho chư đệ tử dùng.

Các đạo sĩ đồng quỳ lạy tạ ơn, và nói:

- Thiên Tôn rủ lòng thương như vậy, từ nay triều đình tất trọng đạo ta!

Tôn Hành Giả nói:

- Các ngươi hãy đem đồ đựng lạy đây!

Ba vị Tiên ông liền đứng dậy khiêng một cái ché lớn để trước bàn tượng, còn bọn đệ tử đứa thì bưng chậu, đứa thì rút bông lấy chân lạc bình để phụ vào.

Tôn Hành Giả nói:

- Các ngươi di tản hết, để ta dùng phép trao nước linh đơn. Nếu kẻ nào rình xem sẽ bị đui mắt.

Các đạo sĩ vâng lời lánh mặt nơi khác.

Tôn Hành Giả đứng dậy, với lấy chân lạc bình vén quần đái vào đấy đầy nhóc.

Bát Giới nói:

- Tôi cũng thốn bụng, cho tôi đái với, được chăng?

Tôn Hành Giả chỉ cái ché cho Bát Giới. Bát Giới xổ một hơi hơn nữa ché. Sa Tăng cũng phụ vào.

Xong, Tôn Hành Giả gọi các đạo sĩ đến lãnh "nước linh đơn".

Các đạo sĩ lật đật chạy đến cuối đầu lạy tạ, rồi bưng chậu, ché, và chân lục bình xuống dưới đàn.

Hổ Lực bảo đệ tử đem chén chung

lại, rót uống một hớp.

Vừa nuốt khỏi cổ, Hổ Lực vừa chùi miệng và nhăn mặt.

Lộc Lực lấy làm lạ, hỏi:

- Kim đơn là thuốc tiên, uống ngon lắm, cớ sao lại cau mày?

Hổ Lực đáp:

- Không ngon! Hơi khai!

Lộc Lực không tin, lấy chén múc vào chậu uống một hớp, rồi cũng nhăn mặt, nói:

- Có hơi nước đái heo!

Tôn Hành Giả nghe nói biết đã bại lộ, liền hiện nguyên hình, nạt lớn rằng:

- Chúng bây là những đứa ngu muội. Đó là nước đái của ta, đâu phải kim đơn mà uống?

Ba vị tiên ông thất kinh, hét:

- Mày là ai lại đến đây vô lễ đến thế?

Tôn Hành Giả cười ha hả, nói:

- Ta là Tề Thiên, theo thầy ta đến Tây Phương thỉnh kinh, nhân qua đây

thấy các ngươi thết tiệc, ghé vào ăn uống cho vui. Bởi vì các người khẩn khoản cầu xin kim đơn, nên ta mới cho một ít nước tiểu làm kỷ niệm.

Các đạo sĩ nổi giận, kẻ xách chổi đập, người vác gạch ngói liệng. Ba anh em Tôn Hành Giả vội vã đằng vân bay về.

Lời bàn:

Câu chuyện "Cầu thuốc trường" trên đây trong Tây Du Ký quả là một câu chuyện có tính cách u mặc thượng thừa có công dụng lập tức.

Tây Du Ký "cười" tất cả, không đề

cao bất cứ thứ gì, Phật tổ cũng không tha, Đạo gia cũng bất kể. Trong nền văn học u mặc của Trung Hoa, riêng tôi cho nó là một kỳ quan hiếm có. Phải tinh thông Tam Giáo, uyên bác Tam Huyền mới có thể hiểu được những nghĩa sâu kín chứa đựng trong bộ truyện phi thường này.

Nhiều nhà phê bình của ta luận về tác phẩm này đã nhìn bằng cặp mắt thật thà của các nhà luân lý, như chê rằng Phật tổ mà còn nói láo v.v... họ làm gì hiểu nổi phần u mặc thượng thừa của Tây Du Ký. Thật đáng tiếc.

Phần Hai Mươi

Mã Tuấn

Tuấn, tên chữ là Long Môi, con một người lái buôn, phong thư đẹp đẽ, tính tình phóng khoáng, thích múa hát, thường theo bọn làm trò, lấy khăn buộc lên đầu, đẹp như con gái, nên lại có thêm tên hiệu là Tuấn Nhân.

Năm mười bốn tuổi được vào trường quận, nổi tiếng học giỏi. Cha già yếu, nên nghỉ buôn, một hôm gọi sinh đến bảo:

- Mấy quyển sách này, đói không thể thổi cơm mà ăn, rét không thể may áo mà bận, sao bằng học buôn bán, nối lấy nghề cha còn hơn!

Thế là Mã tập nghề buôn, theo người ta ra biển đi buôn. Một hôm thuyền bị gió bão cuốn đi suốt mấy ngày đêm đến một nơi đô thị, người xứ này xấu như ma lem. Nhưng khi thấy Mã, họ lại cho là yêu quái, kêu rầm lên, kéo nhau bỏ chạy tán loạn.

Thoạt đầu trông thấy hình dạng của họ, Mã sợ lắm. Nhưng sau mới biết là họ sợ mình, bèn làm cứng, bắt nạt lại. Gặp họ đang ăn uống, liền sấn đến, họ sợ chạy trốn, thì ngồi vào ăn nốt những

thức ăn còn lại.

Lần đầu tiến sâu vào mấy làng trong chân núi. Ở đây có một số người mặt mũi cũng hơi giống người thường nhưng quần áo rách rưới như ăn mày. Mã ngồi nghĩ dưới gốc cây, người làng không ai dám đi qua, chỉ đứng đàng xa mà ngó. Lâu lâu, biết Mã không phải giống ăn thịt người, mới mon men lại gần. Mã lân la hỏi chuyện, tiếng họ nói tuy khó nghe, nhưng cũng lõm bõm hiểu được một nữa.

Mã liền nói cho họ biết mình từ đâu tới, mấy người kia mừng, phô khắp với mọi người trong thôn rằng: "Khách không phải định đến đây cắn xé ai

đâu!". Ấy vậy mà có một người xấu xí nhất vẫn đứng xa xa, rồi lập tức trốn mất, không dám tiến lên.

Bọn người dám đến gần Mã là những người mồm, miệng, tai mắt mọc đúng chỗ của nó, trông cũng hơi giống với người Trung Quốc. Họ bày rượu thịt ra mời Mã ăn. Mã hỏi:

- Tại sao họ sợ tôi như vậy?

Bọn ấy trả lời:

- Trước thường nghe ông cha kể lại, cách phía Tây hai vạn ngàn dặm có nước Trung Quốc dân ở đó hình dạng kỳ quái. Nhưng chỉ nghe thế thôi. Bây giờ

mới tin thật.

Mã hỏi:

- Sao các ông nghèo thế?

Đáp:

- Nước chúng tôi không trọng văn chương mà chỉ trọng dung mạo: Ai đẹp nhất thì làm thượng khanh, ai đẹp vừa thì làm quan cai trị các dân xã, hạng kém nữa cũng được ngồi trên yêu chuộng nên mới có lương bổng để nuôi vợ con. Còn bọn chúng tôi khi mới sinh ra, cha mẹ đều cho là xấu xa, phần nhiều đem vứt ra đường, trừ nhà nào hiếm hoi, không có con nối dõi, mới phải bất

đắc dĩ mà nuôi vậy?

Hỏi:

- Nước này gọi là nước gì?

- Đại La Sát. Kinh thành ở phía Bắc, cách đây ba mươi dặm.

1 2 3

Mã nhờ dẫn đi xem cho biết. Hôm sau gà gáy đã trở dậy cùng đi, sáng ngày mới đến đô thành. Tường thành xây bằng một thứ đá đen như mực,

lầu các cao gần trăm thước, nhưng ít có nhà lợp ngói, chỉ lấy đá đổ úp lên nóc, nhặt một mảnh đá vỡ, lấy móng tay cạo ra, thì không khác gì son tàu.

Lúc ăn, nhằm buổi tan chầu, có một vị quan lớn che lọng từ trong triều đi ra. Người làng trỏ bảo:

- Kia là quan Tướng Quốc.

Mã ngẩng lên trông, thấy hai tai quan Tướng Quốc đều mọc ngược trở lại, mũi ngài có ba lỗ, rèm mi rủ xuống che kín cả mặt như bức mành mành.

Kế đến mấy người cưỡi ngựa nối gót theo sau. Người làng lại nói:

- Đấy là các quan đại phu.

Rồi lần lượt chỉ khắp các mặt quan giới thiệu cho Mã coi: Ông nào ông nấy râu tóc lởm chởm, hình dạng quái dị. Kỳ nhất là hễ quan chức càng nhỏ thì mặt mũi càng đỡ xấu.

Một lúc Mã ra về, người đi đường trông thấy đổ xô mà chạy, ngã dúi vào nhau, như gặp quái vật. Người làng cố giải thích cho họ nghe, họ mới dám đứng lại, nhưng cũng chỉ đứng xa xa.

Từ bấy giờ, trong nước, từ lớn chí bé, ai cũng biết sơn thôn hiện có người quái ở. Thế là các quan khanh, quan đại

phu muốn xem cho rộng tầm con mắt, tranh nhau sai người trong thôn mời Mã đến. Nhưng mỗi khi đến nhà nào, người canh cổng liền đóng ngay cổng lại, đàn ông đàn bà nấp trong cửa nhìn ra, thì thào bàn tán, đi suốt ngày không ai dám mời vào nhà. Người làng nói rằng:

- Ở đây có quan chấp kích đã được tiên vương sai sứ đi ngoại quốc, trông thấy người lạ cũng nhiều, hoặc giả ông ấy không sợ chăng?

Bèn cùng đến nhà chấp kích, quả thiên ông ta vui mừng, vái chào đón và tôn làm thượng khách. Mã ngắm nghía vị lão quan thấy tuổi trạc tám chín mươi, mắt lồi hẳn ra ngoài, râu ria tua tủa như

lông nhím nói rằng:

- Kẻ hèn này lúc trẻ phụng mệnh vua đi sứ rất nhiều nước, duy có nước Trung Hoa là chưa đến bao giờ. Năm nay đã một trăm hai mươi tuổi, ai ngờ lại còn được trông thấy nhân vật thượng quốc thực là may mắn! Việc thế nào cũng phải tâu lên thiên tử mới được. Nhưng lão phu ẩn cư sơn dã, đã lâu không bước tới sân rồng, sáng mai xin vì ông đi một chuyến.

Liền sai mở tiệc, phân ngôi chủ khách mời ngồi, rượu được vài tuần, lão quan truyền đòi bọn nữ nhạc ra, tất cả tới hơn mười cô, thay đổi nhau múa hát, trông cô nào cũng xấu như quỷ dạ xoa,

đầu bịt gấm trắng áo đỏ dài quét đất, giọng hát líu lường, không rõ ra câu gì, nhịp điệu thực là kỳ dị.

Chủ nhân ra vẻ vui thích lắm, hỏi rằng:

- Bên Trung Quốc các ông có đàn ca thế này không?

Thưa rằng: "Có!"

Lão quan xin Mã hát thử cho nghe, Mã bèn gõ vào bàn mà hát một bài, chủ nhân mừng, nói rằng:

- Lạ quá! Tiếng nghe như phượng hót rồng ngâm, lão phu quả thực chưa

từng được nghe bao giờ.

1 2 3

Hôm sau lão quan vào triều tiến Mã lên quốc vương. Vương vui vẻ hạ chiếu vời. Có hai ba vị đại thần can rằng: Mã hình dạng quái dị e đức vua trông thấy sợ quá mà chết khiếp đi, có hại đến long thể chăng? Vua bèn thôi.

Lão quan về nói với Mã, có ý tiếc rẻ hộ chàng.

Ở nhà chấp kích được ít lâu, một

hôm uống rượu say với chủ nhân, say, bèn rút kiếm đứng lên múa, lại lấy than bôi vào mặt, giả làm Trương Phi. Chủ nhân cho là đẹp, nói rằng:

- Xin khách cứ để nguyên bộ mặt Trương Phi như thế, ngày mai vào chào tể tướng, tất thế nào tể tướng cũng vui lòng dùng ngay, bổng lộc không lo gì thiếu.

Mã nói:

- Trời đất! Chỉ làm trò chơi chốc lát thì còn khả dĩ, chớ ai lại nhờ vào bộ mặt để cầu công danh bổng hậu bao giờ!

Chủ nhân nài mãi, Mã phải bằng

lòng vậy. Rồi bèn truyền mở tiệc mời các quan đến uống rượu, dặn Mã vẽ mặt để ngồi chờ đợi. Một chốc khách đến gọi Mã ra chào. Khách kinh ngạc nói:

- Ô hay! Quái lạ thực! Sao ngày trước xấu xí thế, mà bây giờ lại đẹp đẽ thế này?

Bèn kéo cùng ngồi uống rượu rất vui. Mã đứng lên uốn éo hát một bài theo điệu thợ cấy, cử tọa không ai là không mê thích. Hôm sau tranh nhau dâng sớ tiến cử Mã lên Hoàng đế, vua mừng lắm, sai mang cờ tiết ra triệu Mã vào triều bái yết, vua phán hỏi đạo trị an ở Trung Quốc thế nào, Mã trình bày cặn kẽ, được vua khen lắm, truyền bày

yến tiệc ở Ly Cung, ban thưởng cho. Rượu đã say, vua phán hỏi:

- Nghe đồn khanh múa hát giỏi lắm, có thể cho quả nhân nghe một bài được không?

Mã lập tức đứng lên múa, cũng bắt trước lấy gấm trắng bịt đầu, hát theo điệu cò lả. Vua bằng lòng lắm, ngay ngày hôm ấy xuống chiếu phong cho làm Hạ đại phu, luôn luôn cho ngồi hầu yến, ân sủng đặc biệt.

Lâu dần các quan trong triều đều biết là Mã khoác bộ mặt giả, đi đến đâu cũng thấy người ta thì thầm bàn tán, không vồn vã thân mật như trước, Mã tự

thấy mình cô lập, trong bụng áy náy không yên bèn dâng sớ xin về hưu, vua không nghe. Lại xin nghỉ dưỡng sức ít lâu, vua bằng lòng cho nghỉ ba tháng.

Mã liền lấy ngựa chở vàng về sơn thôn. Người trong thôn quỳ xuống mà đón. Mã lấy vàng lụa phân phát cho mấy người quen thân từ trước, tiếng reo mừng vang lên như sấm.

Lời bàn:

Bài văn này, đọc kỹ mới thấy rõ phần u mặc độc đáo của nó

Trang Tử nói: "Có người bệnh hủi kia nửa đêm sinh đặng đứa con. Bèn

lật đật kiếm cho đặng lửa để xem, chỉ nơm nớp lo sợ nó không giống mình."

Ông lại bảo: "Đồng với ta, cho ta là phải, không đồng với ta, cho ta là quấy". Ôi, lẽ Thị Phi của con người ta chỉ có thế mà thôi ư!

"Họ Tử xa có con lợn nái sắc đen huyền, đẻ một lứa ba con, hai con đen huyền, một con loang lổ. Lợn nái nuôi hai con lợn con giống mình rất chăm chỉ cẩn thận, hơi một tí cũng lo sợ. Còn con lợn loang lổ khác mình, thì ghét bỏ, sau cắn chết, xé cả gan ruột nát nhừ mới thôi". Tình sử Trung Hoa cũng có câu chuyện u mắc như sau: Có một chàng si tình, yêu một ý trung

nhân một mắt. Ra đường anh ta nhìn đàn bà chung quanh, hết sức bất mãn tại sao họ lại có dư một con mắt!

Có thể nói, nếu muốn tóm tắt ý nghĩa sâu xa của bài văn nầy, ta có thể mượn lời của Maurice Maeterlinck mà rằng: "Trong nhà thương điên, dưới con mắt của các người điên, kẻ điên nhất phải chăng là ông giám đốc bệnh viện"

Phan Sào Nam bàn về quẻ Bác có viết rất đúng: Quẻ Bác là quẻ âm cực trưởng, dương cực tiêu. Âm là tiểu nhân, dương là quân tử. Ở thời buổi này, tiểu nhân đắc chí hoành hành, người quân tử không còn chỗ nào mà

hành động được nữa, chỉ nên ẩn dật mà chờ thời, may ra mới khỏi bị bọn tiểu nhân hãm hại".

Đúng là tâm sự của những bậc "ẩn quân tử" thời Xuân Thu Chiến Quốc. Sở cuồng Tiếp Dư khuyên ngăn Khổng Tử: "Phụng ơi! Phụng ơi! Lúc đời vô đạo, sao không ở ẩn? Đức sao mà suy thế! Từ nay trở về trước thì không sao can được! Nhưng mà từ đây về sau, còn có thể tự hối lại được! Nên thôi đi! Nên thôi đi! Ngày nay mà đi làm chính trị, nguy lắm thay!"

Lão đánh cá quả có lý khi khuyên Khuất Nguyên: "Thánh nhân tùy thời mà không câu nệ việc gì. Có phải đời

đục cả, sao ông không khuấy thêm bùn, vỗ thêm sóng cho đục thêm một thể? Loài người say cả sao. Ông không biết ăn cả men húp cả bã cho say theo một thể? Việc gì mà phải phòng xa nghĩ sâu đến nỗi phải bị phóng khí?" Chính là chỗ mà Trang Tử đã nói: "Ôi! Hạng thật mê, suốt đời không tỉnh. Hạng thật ngu, suốt đời không khôn. Ba người cùng đi mà có một người mê, thì chỗ mình định nói còn có thể mong đạt tới được, là vì kẻ mê ít, mà người tỉnh nhiều. Nếu ba người cùng đi mà có tới hai người mê, thì chỗ mình định nói đến không thể mong đạt tới được là vì người mê nhiều mà người tỉnh ít. Nay cả thiên hạ đều mê, ta dù có muốn chỉ đường cũng không thể được. Chẳng

cũng xót xa lắm sao!... Biết là sự không thể được mà vẫn cứ gượng làm (tri kỳ bất khả nhi vi chi) đó lại còn mê hơn thiên hạ nữa!"

Câu chuyện Mã Tuấn trên đây của Bồ Tùng Linh quả là một thứ trào lộng u mặc thượng thừa... Hay nhất là đoạn chót: "Mã Tuấn làm trò, bôi mặt giả làm Trương Phi... Bấy giờ lại được người nước La Sát quý mến và yêu cầu giữ luôn bộ mặt giả ấy. Nhờ vậy mà Mã được giàu sang vinh hiển. Nhưng sau dần, người ta biết rõ là Mã mang bộ mặt giả nên không còn thích nữa, cũng chẳng ai ưa gì những con người giả dối ấy". Mã Tuấn quả là người sáng suốt nên đã biết lo xa mà xin về

hưu trước.

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Hai Mươi Mốt

Coi Bói

Nguyên bị đuổi, ba năm không được gặp vua, tận trí tận trung mà lại bị gièm pha che lấp. Lòng buồn ý loạn, không biết phải đi con đường nào, mới đến quan thái bốc trịnh Thiềm Doãn:

- Tôi có điều nghi, xin tiên sinh quyết hộ cho.

Thiềm Doãn sửa ngay lại cỏ thi, phủi bụi mu rùa, hỏi:

- Ông muốn dạy tôi việc chi?

Khuất Nguyên đáp,

- Tôi có nên khẩn khẩn khoản khoản gìn giữ mãi một lòng trung, hay nên đưa đón theo đời để khỏi khốn cùng?

Có nên bừa cày hết sức làm ruộng mà nuôi thân hay nên giao du với người vinh hiển để cầu danh?

Có nên nói thẳng, không gì nể đến thân ngay, hay nên nói theo thói tục, cầu sang giàu để sống bê tha?

Có nên siêu nhiên xuất thế để giữ gìn thiên chân, hay nên nịnh nót khúm núm, xum xoe cười gượng để thời đàn bà?

Có nên liêm khiết, chính trực để được sạch trong hay trơn tru tròn trĩnh, như mỡ như da, để được như cây cột tròn?

Có nên ngang tàn như con ngựa thiên lý, hay nên lênh đênh như con vịt nước, cùng nhấp nhô với sóng mà toàn được tấm thân?

Có nên chạy đua với loài Kỳ, Ký, hay noi theo cái vết của loài ngựa hèn?

Có nên sánh vai với loài hàng hộc, hay nên tranh ăn với đám vịt gà?

Đường nào kiết? Đường nào hung?

Bỏ đường nào? Theo đường nào?

Đời hỗn trọc mà không thạnh thì cái ve là nặng mà nghìn cân là khinh, cái chuông vàng thì bỏ nát cái nồi đất thì kêu vang, kẻ gièm pha thì tên tuổi cao trương mà người hiền sĩ thì không tên tuổi.

Than ôi: Biết nói gì đây? Ai biết ta là trong sạch?

Thiềm Doãn đặt cỏ thi xuống, tạ rằng:

- Thước có khi lại ngắn, mà tấc có khi lại dài, vật có chỗ không đủ, mà trí có chỗ không sáng. Số có chỗ đoán không tới, mà thần có chỗ cũng không thông. Ông cứ theo lòng mà làm cho đúng ý ông. Cỏ thi và mu rùa, quả không thể biết được việc ấy!

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Hai Mươi Hai

Đông Lăng

Khuất Lăng bị phế, đến Tư Mã Quý Chủ coi bói.

Quý Chủ hỏi: "Quân hầu bói việc gì?"

Đông Lăng nói: Nằm lâu muốn dậy, bị giam lâu thì muôn thong thả, buồn bực lâu rồi thì muôn ngáp hơi... Tôi nghe rằng: Sự chứa đựng lâu rồi thì phải tiết ra, sự bế tắc đến cùng cực rồi thì phải được thông đạt, sự nóng đến cùng cực rồi thì nổi gió, bị ứ đọng đến cùng cực rồi thì lại thông đông qua xuân đến,

không gì co rồi mà không duỗi ra rồi thì trở lại, một đi, một về. Tôi còn có đều nghi, xin tiên sinh chỉ bảo.

Quý Chủ đáp: "Nếu vậy thì quân hầu đã biết cả rồi, vậy còn coi bói làm gì".

Đông Lăng nói: "Tôi chưa biết rõ lẽ ảo điệu ấy, xin tiên sinh dạy lại cho".

Quý hủ đáp: "Ôi! Đạo Trời thân với gì? Chỉ thân với Đức mà thôi. Quỷ thần linh nhờ đâu? Nhờ người mà linh. Cỏ thi là thứ cỏ khô, mai, mai rùa là thứ xương khô đều là vật vô tri. Quân sao không nghĩ đến ngày trước? Có ngày trước tất phải có ngày nay. Cho nên đây, bây giờ là tường xiêu gạch nát, thì biết

đâu ngày trước đây là cao lâu tửu quán, bây giờ đây là bụi hoang cành gãy, thì ngáy trước biết đâu là hoa quỳnh cây ngọc, bây giờ đây là tầm giải dưới sương, ve kêu trong gió, thì ngày trước biết đâu đây là những khúc Phượng sênh Long dịch, bây giờ đây là ma trơi, đom đóm, thì ngày trước biết đâu đây là đèn vàng nến bạc, bây giờ đây là rau đắng rau má mùa xuân thì ngày trước, biết đâu đây là cao lương mỹ vị, bây giờ đây là lá phong hồng bông địch trắng, thì ngày trước biết đâu đây chẳng là gấm xứ Thục, lụa xứ Tề. Trước kia không có mà nay có, đâu phải dư, trước kia có mà nay không, đâu phải thiếu. Vậy nên, hết ngày tới đêm, hoa nở lại tàn, xuân qua thu đến, vật cũ rồi mới,

dưới dòng nước chảy mạnh tất có vực sâu, dưới chân núi cao tất có hang thẳm. Quân hầu đã biết rõ lẽ ấy rồi, còn coi bói làm gì!"

Lời bàn:

Bài văn của Khuất Nguyên, nhiều người khen là thứ u mặc sâu sắc.

Lối u mặc của Khuất Nguyên là lối u mặc phần thể tách bạch thị phi, thua xa lối u mặc của Lưu Bá Ôn. Văn của họ Lưu phản phất có mùi vị siêu thoát của Hư Vô, rõ là giọng nói nhẹ nhàng thản nhiên của Dịch đạo. Đó là kẻ đã biết rõ là cùng thông, còn đi coi bói làm gì nữa!

Than ôi! Biết nói gì đây? Ai biết ta là trong sạch?", Khuất Nguyên đi coi bói là phải. Lời của Thiềm Doãn rất đúng: "Thần, có chỗ cũng không thông!". Cái thần minh của Khuất Nguyên bị tấm màng vô minh của nhị nguyên che lấp, quả không làm gì thông nổi. Thần thánh cũng không thông.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Hai Mươi Ba

Người Đánh Xe Lừa

Người đánh xe lừa, rất bực mình giống lừa cứng cổ. Giống này, hễ làm biếng không đi, thì đứng lỳ một chỗ, càng bị đánh càng lùi thêm... Anh ta bèn nghĩ ra một kế: Đem bó lúa tươi thơm ngát treo trước đầu lừa.

Lừa thấy lúa thơm, bước tới ăn. Nhưng, bước tới thì bước, mà bó lúa vẫn không bao giờ ăn được. Nhờ vậy mà nó cứ bước mãi... Người đánh xe không cần thúc giục, mà xe cứ lăn tới đều đều... theo ý muốn.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Hai Mươi Bốn

A Lưu

Lưu là tên tiểu đồng ông Chu Nguyên Tố. Nó thực là ngây ngô, không được việc gì cả. Vậy mà Chu Nguyên Tố nuôi nó suốt đời.

Lúc ông bảo nó quét nhà, nó cầm chổi quanh quẩn suốt buổi mà không sạch được cái buồng con. Ông giận mắng, thì nó quăng chổi, lẩm bẩm: "Ông quét giỏi thì phiền đến tôi làm gì!"

Khi ông đi vắng, sai nó chực ngoài cửa, dù khách quen đến, nó cũng không

nhớ được tên ai. Có hỏi, thì nó nói: "Người ấy lùn mà béo. Người ấy gầy và lắm râu. Người ấy xinh đẹp. Người ấy tuổi cao và chống gậy". Đến lúc đó nó liệu chừng không nhớ xuể, nó đóng cửa lại, không cho ai vào nữa.

Trong nhà có chứa một ít đồà cổ như chén, lọ, đỉnh, đôn. Khách đến chơi, nó bày ra cho xem.

Lúc khách về, nó lẻn đến gõ các thứ ấy mà nói: "Những thứ này có khi bằng đồng, mà sao nó đen sì như thế?" Rồi nó chạy đi lấy cát, lấy đá, lấy nước để đánh.

Nhà có cái ghế gãy chân, ông sai nó

đi chặt cây có chạc, để chữa lại. Nó cầm búa, cưa, đi khắp vườn. Hết ngày, về, nó chìa hai ngón tay làm hiệu mà nói: "Cành cây có chạc đều chĩa lên cả, không có cành nào chúc xuống đất". Cả nhà đều cười.

Trước sân có vài cây liễu mới trồng. Ông sợ trẻ láng giềng đến nghịch hỏng, sai nó trông nom giùm. Đến lúc nó vào ăn cơm, nó nhổ cả cây lên và cất đi một chỗ.

Công việc nó làm, nhiều chuyện đáng cười như thế cả.

Ông Chu Nguyên Tố là người viết chữ chân tốt, mà vẽ lại giỏi lắm. Một

hôm, ông hòa phấn với mực để vẽ. Thấy A Lưu, hỏi đùa: "Mầy vẽ được không?". A Lưu đáp: "Khó gì mà không được!" Ông bảo vẻ, A Lưu vẽ nét đậm, nét nhạt, nét xa, nét gần như người xưa nay vốn đã biết vẽ. Ông thử luôn mấy lần, lần nào A Lưu vẽ cũng được như ý cả. Từ bấy giờ, ông dùng đến A Lưu luôn, không lúc nào rời.

Sau A Lưu nổi tiếng là một nhà danh họa.

Lời bàn:

Câu chuyện dường như cố ý nêu lên những cái ngây ngô đờ đẫn... để rồi đưa ra một nhận xét bất ngờ của

Hàn Tín dụng quân: "Dụng nhân như dụng mộc". Trong trời đất, không vật nào là vật bỏ, chỉ vì ta không biết dùng do thành kiến mà phí uổng không biết bao nhiêu là nhân tài của đất nước

Nhưng có A Lưu, cũng phải có Chu Nguyên Tố, có Hàn Tín phải có Trương Lương

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Hai Mươi Lăm

Cầu Cho Bạo Chúa Sống Lâu.

Có một lão bà ở Syracuse. Lúc bấy giờ vua Dennys trị dân tàn bạo một cách không thể nói.

Thiên hạ đều cầu khẩn cho vua chóng chết.

Thế mà lão bà sáng nào cũng vào giáo đường cầu nguyện cho bạo chúa sống lâu. Hơn nữa lại còn vái lạy thần linh, nếu có làm chết xin làm chết mình thay cho hôn quân.

Vua biết tin lấy làm lạ lùng quá, bèn vời lão vào hỏi cho rõ lý do. Lão bà nói:

- Tôi nay không có xuân xanh nữa!

Trước đây, khi tôi còn trẻ, nước tôi đã phải gặp hôn quân vô đạo, thật là khổ sở vô cùng. Tôi cầu nguyện cho nước thoát khỏi hôn quân. Sau đó kẻ hành thích vua khác lên kế nghiệp. Ngờ đâu lại tàn bạo hơn vua trước. Tôi lại nghĩ, giả sử vua này chết đi, thì có lẽ nhân dân thoát khỏi lầm than. Hay đâu vua ấy qua đời, thì đến bệ hạ lên ngôi, thiên hạ lại lầm than nhiều hơn các đời vua trước nữa. Lấy đó mà suy, thì đời sau chắc hẳn vua lại còn tàn ác hơn đời này. Sở dĩ tôi cầu nguyện đem thân này thế cho nhà vua được trường thọ là để trì hoãn được cuộc thay đổi ấy ngày nào hay ngày đó!

Lời bàn:

Câu chuyện bắt đầu là đã có sự bất ngờ. Và từ bất ngờ này đến bất ngờ khác, ta đi đến một bất ngờ vô cùng hài hước này: Trong khi ai ai cũng đều cầu mong cho bạo chúa chết đi, lại có một bà lão vái van cho bạo chúa sống lâu, và nếu cần, chết thế cho bạo chúa

Nhất là câu giải thích cuối cùng của lão bà, thì quả là điều mà không ai tưởng tượng. Phải chăng đó là lời nói của một tâm hồn tuyệt vọng hay một tiếng cười nghịch ngợm chua chát, vô cùng can đảm, để mà đùa cợt với cuốc đời?

Sau hồi ngạc nhiên và thỏa mãn

với câu "chửi" táo bạo vào mặt hôn quân, ta cảm thấy có một ý vị sâu sắc trong lời nói đầy kinh nghiệm và "khôn ngoan" của lão bà. Lúc bà còn trẻ tuổi, bà cũng tin rằng hễ giết được bạo chúa thì thay đổi được cuộc diện xã hội tức khắc. Nhưng, qua bao nhiêu lần thay đổi, bà lại thấy xã hội này càng điêu linh thống khổ hơn. Nay bà đã già rồi, với bao kinh nghiệm đã trải qua, bà không còn ảo vọng nữa

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Hai Mươi Sáu

Quên Thầy

Ngày kia, có một người đi tìm thầy học đạo.

Gặp một người hướng dẫn, ông này căn dặn:

- Hãy kiên tâm ngồi tịnh nơi đây. Đúng năm nữa sẽ gặp mặt Thầy.

Năm sau, ông ấy đến hỏi:

- Đã gặp Thầy chưa?

- Thưa, đã gặp.

- Vậy, cứ tịnh thêm năm nữa, sẽ nghe thầy dạy đạo cho.

Năm sau, ông ấy đến hỏi:

- Đã nghe Thầy truyền đạo chưa?

- Thưa đã được Thầy truyền rồi.

- Vậy bây giờ hạy tịnh thêm năm nữa, đến khi nào không còn nghe Thầy nói nữa, bấy giờ anh mới chứng được đạo.

Lời bàn:

Lời nói cuối cùng của người hướng dẫn quả rất bất ngờ đối với phần đông những kẻ xưa nay đi tìm Đạo vẫn có thành kiến "Không thầy đố mầy làm

nên"

Thầy, dưới hình thức một người đã đắc Đạo, những sách vở kinh truyện, những giáo điều tôn giáo, luân lý... Trong con đường tìm Đạo tuy cần, nhưng chỉ cần lúc ban đầu mà thôi. "Có" Thầy, nhưng rồi phải "quên" Thầy và sau cùng "mất". Thầy thì mới chứng được Đạo. Aurobindo Ghose có nói "thầy là một cần thiết", Thầy cũng là một trở ngại". Ông thầy giỏi là người không có đệ tử, tức là người đã giúp cho đệ tử mình không cần dùng đến mình nữa. Ở Thiên Đức Sung Phù sách Trang Tử có viết: "Khổng Tử dường như chưa phải là bậc chí nhân! Ông ta làm gì mà đông đệ tử thế? Vậy

chứ ông không biết rằng đối với bậc chí nhân, có nhiều đệ tử là tự tạo cho mình có nhiều gông cùm xiềng xích sao? Người đệ tử phải thoát khỏi ông Thầy, mà ông Thầy cũng phải thoát khỏi đệ tử của mình mới là người đắc Đạo"

Ngày kia Phật chỉ trăng nói với đệ tử: "Kìa là mặt trăng, nhìn theo ngón tay ta mà thấy. Nhưng đừng quên: Ngón tay ta không phải là mặt trăng". Có thấy ngón tay, có nhìn theo ngón tay, và có quên ngón tay... thì mới thấy trăng

Mỗi người của chúng ta giống một cái chuông, mà ông Thầy của chúng ta cũng là một cái chuông. Nhờ hiện

tượng cộng hưởng mà tiếng chuông của ta nổi lên cùng tiếng chuông của ông Thầy, nhưng tiếng chuông của ta không phải là tiếng chuông của Thầy. Cho nên ta mới nói "đồng thinh tương ứng". Cũng như mắt trời gọi ánh sáng giúp cho trăm hoa đua nở, nhưng cây nào trổ hoa nấy

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Hai Mươi Bảy

Thịt Cừu Non

Một con cừu non, ngày kia, đến bên

vòng tay Thượng Đế, nũng nịu:

- Thưa Ngài, tại sao tất cả loại thú ăn thịt đều chọn con làm món ăn thích nhất của chúng?

Thượng đế cười bảo:

- Biết sao bây giờ, con! Chính Ta đây, nhìn thấy con, Ta cũng sinh dạ muốn ăn con thay!

Lời bàn:

Câu chuyện u mặc trên đây của Ấn Độ Giáo muốn nói lên một thực tại siêu hình của Tạo Hóa.

Người ta thường cho rằng tạo hóa hiếu sinh, nhưng người ta cũng đã quên tạo hóa cũng hiếu sát

Cái cười của thượng đế đây làm cho chúng tôi liên tưởng đến cái cười của Án Tử: Cảnh Công nước Tề đi chơi núi Ngưu, trèo lên mặt thành, ngắm trông rồi tràn nước mắt vừa khóc vừa nói:

- *Đẹp quá! Thật là thịnh vượng! Thế mà nỡ nào một tuổi một già, bỏ nước này mà chết đi. Giả sử xưa nay, người ta cứ sống mãi, quả nhân quyết không nỡ bỏ nước Tề*

Lũ Sử Không, Lương Khưu Cứ thấy

vua khóc, cũng khóc theo

Một mình Án Tử đứng bên cạnh cười.

Cảnh Công hỏi:

- *Quả nhân hôm nay đi chơi thấy cảnh mà buồn. Không và Cứ đều theo quả nhân mà khóc, một mình nhà ngươi cười là nghĩa làm sao?*

Án Tử thưa:

- *Nếu người giỏi mà giữ mãi được nước thì Thái Công, Hoài Công đã giữ mãi. Nếu người mạnh mà giữ được nước này, thì Linh Công, Trang Công*

đã giữ mãi. Mấy ông vua ấy mà giữ mãi, thì vua nay chắc đang mặc áo tơi đầu đội nón lá, đứng giữa đồng mà lo việc ruộng nương, có được đâu chỗ này mà lo đến cái chết. Chỉ vì hết đời này đến đời kia, thay đổi mãi đến lượt nhà vua, mà nhà vua lại than khóc thật là kỳ lạ quá! Nay tôi thấy vua bất thức, bầy tôi lại siểm nịnh hùa theo, cho nên tôi cười

Cảnh Công nghe nói lấy làm thẹn, rót chén rượu tự phạt, rồi phạt Không, Cứ, mỗi người một chén

Nếu Tạo hóa chỉ hiểu sinh mà không hiểu sát, thì sông biển chỗ đâu mà cho loài thủy tộc sống, mặt đất này

còn chỗ đâu cho người vật ở...? Cái luật sinh nằm trong cái luật sát. Chính ngay trong cái Chết mới thấy nháng lên một cái Sống vô tận của Đất Trời

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Hai Mươi Tám

Đôi Dép Da

Ngày xưa, bên Ấn Độ, có một nhà vua cảm thấy đau thương cho dân trong nước bị trầy chân hay đứt chân vì gai góc đá sỏi gồ ghề của mặt đất bèn cho vời quần thần đến ra lệnh:

- Trẫm không thể chịu nổi khi thấy con dân trong nước bị đá sỏi gai góc làm thương tổn đôi chân mềm mại. Vậy, hãy cố gắng cho lót bằng da thú tất cả mặt đất trong nước cho ta.

Một hiền giả cao niên trong nước khuyên vua:

- Theo ngu ý, thì tại sao bệ hạ không cho thi hành một cách giản dị và dễ thức hiện hơn, là truyền cho nhân dân mỗi người hãy cắt hai miếng da vừa với đôi chân. Như thế, kết quả cũng như nhau: Không ai bị đá sỏi gai góc làm tổn thương đôi bàn chân của mình nữa cả.

Vua nghe nói phải. Và nhờ đó mới có bày ra đôi dép da.

Lời bàn:

Giọng u mặc trong bài văn trên thật là một thứ u mặc thượng thừa, vì nó đã đặt ra một vấn đề vô cùng quan trọng của nhân sinh: Sự đối xử của con người với sự vật bên ngoài. Hay nói một cách rõ ràng hơn, nó đưa ra cho chúng ta hai phương pháp thức trị nội của Đông phương Đạo học và phương thức trị ngoại của Tây phương Khoa học

Cả hai phương thức, tuy khác nhau về phương tiện, nhưng mục tiêu đều

phục vụ con người với một lòng thương yêu chân thành

Theo Đông phương Đạo học, bắt con người thích ứng với thiên nhiên dễ hơn và giản tiện hơn là bắt thiên nhiên chiều theo con người. Nói một cách khác: Mùa đông mắc áo lạnh dễ hơn là bắt đừng có một mùa đông

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Hai Mươi Chín

Hũ Vàng

Một người kia có mua của một người láng giềng một miếng đất.

Bữa đó nhằm phải ngày chót của *"thời hoàng kim"*, và đến sáng hôm sau, sẽ chuyển qua *"thời hắc ám"*

Mua miếng đất xong anh bèn đào đất ngay để dựng cột nhà, thì lại đào trúng một hũ vàng. Anh bèn lật đật qua nhà người láng giềng, chủ cũ miếng đất cho hay: "Tôi vừa đào miếng đất mà tôi vừa mua của anh, tôi gặp một hũ vàng. Tôi mua đất chứ không mua vàng, vậy xin trả lại cho anh!"

Người kia nói:

- Tôi mừng giùm anh đó. Khi tôi bán cho anh miếng đất là tôi đã định bán tất cả, có đâu chừa món nào trong đó. Vậy, nó là của anh, tôi không có quyền nhận nó.

Hai bên cứ nhường nhau mãi đến khi trời sắp tối mà chẳng ai chịu nhận hũ vàng. Hai bên đều nghĩ rằng cũng nên để qua ngày sau cho đôi bên suy nghĩ lại chín chắn rồi sẽ hay.

Đêm đó, đâu dè lại lúc chuyển sang *"thời hắc ám"*: Ngọn gió vật chất và tư lợi thổi tràn khắp mặt đất, tâm hồn đạo đức của hai bên đều bị ảnh hưởng hắc ám mà không hay.

Sáng đến, hai người lại gặp nhau như lời hẹn hôm qua.

Người mua đất liền nói:

- Tôi đã suy xét kỹ lại, thì quả lời nói của anh ngày hôm qua rất xác đáng. Tôi đã mua đất anh thì tất nhiên trong đó đều là của tôi.

Người láng giềng nói:

- Không phải vậy. Hôm qua tôi đã xét kỹ lại, thì lời nói của anh hôm qua là đúng. Anh không thể nào mua một món đồ mà chính anh không cố ý mua. Anh chỉ mua đất, chứ không phải mua hũ vàng. Anh trả lại cho rồi, rất đúng.

Hai người cãi nhau, không ai chịu nhường cho ai hũ vàng cả.

Họ trở thành thù địch, lôi nhau ra tòa, dùng đủ biện pháp và thủ tục để thắng bên kia cho kỳ được, bên nào cũng chắc chắn là mình phần phải, và đều vì công lý mà tranh đấu.

Lời bàn:

"Thời hoàng kim" giống như cảnh ban ngày, tức là thời dương khí thịnh, vạn vật được bao trùm trong bầu không khí trong sáng. Người ta, một phần khá lớn, chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh: Dương khí thịnh nên lòng

người cũng dễ có những tư tưởng hành động quang minh. Trái lại, trong "thời hắc ám" giống như cảnh ban đêm: Vạn vật bị chìm đắm trong bầu không khí tối tăm của âm thịnh nên lòng người cũng dễ biến thành mờ ám. Có thể nói như kinh Dịch, đây là thiên hạ đang ở thời kỳ quẻ Bác.

Điều nên để ý là khi lòng người bị thị dục và tham vọng chi phối, hành động bao giờ cũng được lý trí hợp lý hóa cả.

Nghe lý luận của hai người này lúc mà tâm hồn chưa bị thị dục điều khiển, còn giữ được trong sáng, thì những lý luận họ đã viện ra để từ khước việc

làm chủ hũ vàng thật là chí lý chí tình. Nhưng rồi, đến khi lòng dục nổi lên, thì họ cũng vẫn có đủ những lý lẽ viện ra để chiếm đoạt hủ vàng. Dùng lý trí để chứng minh thị dục ai cũng có lý cả

Có thể nói: Đây là một bài văn u mặc khó kiếm trong những bài văn tối thượng thừa xưa nay của Đông Phương

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Ba Mươi

Cưới Vợ

Nước Sở có một người có hai vợ. Cả hai cùng đẹp cùng xinh.

Anh láng giềng ghẹo người vợ lớn. Vợ lớn giận mắng nhiếc thậm tệ.

Anh láng giềng lại ghẹo người vợ nhỏ. Vợ nhỏ bằng lòng và đi lại với nhau.

Không bao lâu người có hai vợ chết.

Anh láng giềng muốn tính việc vuông tròn, lại đi hỏi người vợ lớn.

Thiên hạ lấy làm lạ. Có người hỏi:

- Người vợ lớn trước kia đã mắng

chửi anh, người vợ nhỏ thì có tình với anh. Sao bây giờ anh định cưới người vợ lớn.

Anh ta đáp:

Lúc người ta còn là vợ người, thì thích kẻ tư tình với mình, lúc người ta là vợ mình, thì thích kẻ không tư tình với ai cả. Kẻ trước đã tư tình với tôi, thì rồi, ai nó cũng tư tình được cả. Cho nên bây giờ, tôi không lấy nó.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Ba Mươi Mốt

Ham Sống

Một vì vua xứ Syrie nhận thấy ở trận tiền có một người lính rất can đảm, lúc nào cũng sung vào những chỗ muôn ngàn nguy hiểm.

Nhà vua bèn gọi tên lính đó ban khen và ngạc nhiên thấy y gầy yếu xanh xao lắm. Người lính thú thật rằng y có một bệnh nan y, nên không được khỏe mạnh.

Nhà vua bèn ra lệnh cho các viên thầy thuốc chăm nom, chữa chạy cho người lính và truyền phải tìm mọi cách để cứu sống một chiến sĩ can đảm phi thường. Các viên thầy thuốc tuân theo và trị lành được bệnh cho người lính.

Nhưng, khỏe rồi, người lính lại mất hết nhuệ khí, và từ đó, y không còn can đảm tả xông hữu đột ở chốn chiến trường như trước nữa.

Nhà vua gọi y đến, và lần này thì quở trách y đã bội bạc với công ơn của cấp trên, không ăn ở xứng đáng lòng tốt của bao nhiêu người đối với y. Người lính cứ thành thật mà tâu lên:

- Muôn tâu Bệ hạ, là chính lòng tốt của Bệ hạ đã làm cho hạ thần mất nhuệ khí.

- Sao lại thế được?

- Chính vì Bệ hạ sai trị cho hạ thần

khỏi bệnh thành ra hạ thần ham sống.

Lời bàn:

Ham sống, sợ chết là cái bản năng tự vệ của con người. Nhưng nếu có kẻ không ham sống, không sợ chết, kẻ ấy phải là người trên loài người, đáng cho người thán phục.

Tuy nhiên, cũng có những trường hợp đặc biệt mà người ta được xưng tụng lá anh hùng, chỉ vì chán đời không thiết sống nữa, như trường hợp anh lính chiến trên đây. Việc này đã xảy ra hằng ngày, không lấy gì làm lạ cả

Phần u mặc của câu chuyện trên đây

là cái việc anh ta từ một kẻ "anh hùng" lại biến thành nhát nhúa. Thì té ra vì anh ta được chữa bệnh nan y mà đâm ra thèm sống. Có thèm sống mới sinh ra hèn nhát: "Bởi Bệ hạ sai trị cho hạ thần khỏi bệnh nên hạ thần ham sống".

Thảo nào từ xưa đến nay phần đông những kẻ giàu sang khó thành những bậc "anh hùng"! Và cũng đừng dồn người dân đến bước đường cùng đến họ không còn sợ chết nữa. Họ mà trở thành những "đấng anh hùng bất đắc dĩ" thì nguy cho xã hội. Lão Tử bảo: "Dân chi úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi: (Dân không sợ chết, làm sao lấy cái chết mà dọa họ)

Trong những chế độ hà khắc bạo

ngược hay dùng đến cực hình, dân chúng thường ngày sống trong cảnh không có ngày mai. Thét rồi! Họ không còn sợ chết nữa. Dân mà không còn sợ chết nữa, thì dùng cái chết mà dọa, có ích gì? Các nhà xã hội ngày nay cũng chứng nhận rằng: Cực hình càng tăng, số tội ác càng thêm! Nhà lập pháp và hành chánh cần xét lại vấn này.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Ba Mươi Hai

Suối Hoa Đào

Vào khoảng chiều Thái Nguyên đời Tấn, có một người ở Vũ Lăng làm nghề đánh cá, theo dòng khe mà đi, quên mất đường xa gần. Bỗng gặp một rừng hoa đào mọc sát bờ mấy trăm thước, không xen loại cây nào khác. Cỏ thơm tươi đẹp, hoa rụng rực rỡ.

Người đánh cá lấy làm lạ, tiến thêm vào trong, muốn đến cuối khu rừng. Rừng hết thì suối hiện và thấy một ngọn núi. Núi có hang nhỏ, mờ mờ như có ánh sáng. Bèn rời thuyền, theo cửa hang mà vô.

Mới đầu hang rất đẹp, chỉ vừa lọt một người thôi. Vô vài chục bước, hang

mở rộng ra, sáng sủa. Đất bằng phẳng trống trải, nhà cửa tề chỉnh, có ruộng tốt, ao đẹp, có loại dâu, loại cúc. Những đường bờ ruộng dọc ngang thông nhau, tiếng gà tiếng chó tiếp nhau. Trong đó những người đi lại làm lụng.

Đàn ông đàn bà ăn mặc đều giống người bên ngoài, từ những người già tóc bạc đến những đứa trẻ con để trái đào, đều hân hoan tự thích.

Họ thấy người đánh cá hết sức ngạc nhiên, hỏi đâu mới đến. Người đánh cá kể lễ đầu đuôi. Họ bèn mời về nhà, bày rượu, mổ gà thết đãi. Người trong xóm nghe tin, đều lại thăm hỏi. Họ bảo tổ tiên trốn loạn đời Tần, dắt vợ con và

người trong ấp lại chỗ hiểm trở xa xôi này, rồi không trở ra nữa. Từ đó tách biệt hẳn với ngừơi ngoài. Họ lại hỏi, bây giờ là đời nào, vì họ không biết có đời Hán nữa, nói chi đến đời Ngụy, đời Tần.

Người đánh cá nhất thiết kể lại sự tình. Họ nghe rồi, đau xót, than thở. Những người đứng bên đều mời về nhà mình chơi. Ở lại chơi vài ngày, rồi từ biệt ra về. Trong bọn có người dặn: "Đừng kể lại cho người ngoài hay biết làm gì cả!".

Ông Lưu tử Kỳ là một bậc cao sĩ nước Nam Dương, nghe kể chuyện, hân hoan tự đi tìm nơi đó. Nhưng chưa tìm

ra, thì mắc bệnh mà chết. Từ đó, không còn ai hỏi thăm đường đến đó nữa.

Lời bàn:

Toàn bài, ngọn bút tả cảnh của họ Đào chập chờn hư hư thực thực, hết sức nhẹ nhàng.

Một bình giả luận về bài văn trên đây có viết: "Có lẽ tác giả chán đời, tưởng tượng một xứ cực lạc theo kiểu Lão Tử..." Rõ là mồm mép của một hạng nhà nho lỗi thời... Nói thế là chưa hiểu gì về Lão Tử!

Đây là u mặc dựng lên một cách thi vị để đùa cợt cái xã hội giả tạo,

náo loạn nơi ngàn xưa. Lấy cái thị kiến nhị nguyên thì làm gì hiểu nổi huyền nghĩ tế nhị của bài văn này...

Hay nhất là đoạn chót. Khi người đánh định từ biệt ra về, có người rỉ tai căn dặn: "Đừng kể lại cho người ngoài hay biết gì cả!"

U mặc tế nhị làm sao! Họ đã lo xa, nhưng cũng không khỏi có người cho họ là bọn "chán đời"... May nhất là khi có bậc cao sĩ họ Lưu vì "đồng khí tương cầu" hân hoan đi tìm, nhưng lại mắc bệnh mà chết". Và "từ đó, không còn một ai hỏi thăm đường đến đó nữa"!

Câu văn tuy đã chấm dứt, mà dư âm vẫn còn phản phất như khói như mây: Đó là điểm chấm hư vô tuyệt kỷ của văn u mắc thượng thừa...

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Ba Mươi Ba

Tiền Xích Bích

Ngày rằm tháng bảy mùa thu năm Nhâm Tuất, Tô Tử cùng với khách bơi thuyền chơi ở dưới núi Xích Bích.

Hây hây gió mát, sóng lặng như tờ,

cầm chén rượu lên mờ khách, đọc bài thơ Minh Nguyệt và hát một chương Yểu Điệu. Một lát, mặt trăng mọc lên trên núi Đông Sơn, đi lững thững trong khoảng hai sao ngưu đẩu. Khi đó sương tỏa trên mặt sông, vẻ nước trong tiếp đến chân trời. Tha hồ cho một chiếc thuyền nhỏ đi đâu thì đi, vượt qua trên mặt nước mênh mông muôn khoảnh. Nhẹ nhàng như cỡi gió đi trên không mà không biết là đi đâu, hớn hở sung sướng như người quên đời đứng một mình, mọc cánh mà bay lên tiên. Vì thế uống rượu vui lắm, rồi gõ vào mạn thuyền mà hát. Hát rằng:

"Thung thăng thuyền quế chèo lan,
Theo vừng trăng tỏ vượt làn nước trong.

Nhớ ai canh cánh bên lòng
Nhớ người quân tử ngóng trông bên trời"

Trong bọn khách có một người thổi ông sáo, bèn theo bài ca của ta mà họa lại. Tiếng sáo não nùng rên rỉ như sầu như thảm, như khóc như than. Tiếng dư âm vẫn còn lanh lảnh, nhỏ tít như sợi tơ chưa đứt. Làm cho con giao long ở dưới hang tối cũng phải múa mênh, người đàn bà thủ tiết ở một chiếc thuyền khác cũng phải sụt sùi.

Tô Tử buồn rầu sắc mặt, thu vạt áo, ngồi ngay ngắn mà hỏi khách rằng:

- Làm sao lại có tiếng não nùng như vậy?

Khách đáp rằng:

- Câu "Minh nguyệt tinh hi, ô thước nam phi" chẳng phải là câu thơ của Tào Mạnh Đức đó ru? Đương khi Tào Mạnh Đức phá đất Kim Châu, xuống thành Giang Lăng, thuận dòng mà sang mặt đông, tàu bè muôn dặm, cờ tán rợp trời, rót chén rượu đứng trên mặt sông, cầm ngang ngọn giáo ngâm câu thơ đó thực là anh hùng một đời mà nay thì ở đâu? Huống chi tôi với bác đánh cá, kiếm củi ở trên bến sông này, kết bạn cùng tôm cá, chơi bờ với hươu nai, bơi một chiếc thuyền nho nhỏ, nhắc chén rượu để mời nhau, gởi thân phù du ở trong trời đất xem ta nhỏ nhặt như một hạt thóc ở trong

bể xanh, thương cho sự sống của ta không bao lâu mà khen cho con sông này dài vô tận. Vậy mà muốn được dắt tiên bay để chơi cho sung sướng, ôm lấy vần trăng tỏ mà sống mãi ở đời. Tôi không biết làm sao được như vậy cho nên nảy ra tiếng rầu rĩ ở trong cơn gió thoảng!

Tô Tử nói:

- Vậy thế bác có biết nước và mặt trăng không? Nước chảy thế kia mà chưa từng đi bao giờ, mặt trăng khi tròn khi khuyết như vậy mà chưa từng thêm bớt bao giờ. Bởi vì ta tự ở nơi "biến" mà xem nên thấy cuộc trời đất chỉ ở trong một cái chớp mắt mà thôi, nhưng nếu tự ở nơi " bất biến" mà xem, thi

muôn vật cùng với ta đều không bao giờ cùng tận cả, cần gì phải khen lẽ vô cùng của Trời Đất!

Vả lại, ở trong Trời Đất, vật nào có chủ nấy, nếu không phải là ta thì của dẫu một ly ta cũng không thể lấy. Chỉ có ngọn gió mát trên sông cùng vừng trăng sáng trên núi, tai ta nghe nên tiếng, mắt ta trông nên vẻ, lấy không ai cấm, mà dùng thì không bao giờ cùng tận! Đó là kho tận của tạo hóa mà là cái vui chung của bác với tôi.

Khách nghe vậy, mừng cả cười, rửa chén lại, rót rượu uống lần nữa. Khi đồ nhắm hoa quả đã khan, mâm bát đổ ngổn ngang, cùng nhau gối đầu ngủ ở trong

thuyền, không biết vừng đông đã sáng bạch từ lúc nào.

Lời bàn:

Đây là một bài văn đầy hương vị của Hư vô. Câu nào cũng tuyệt diệu. Nhất là những câu... "Nhẹ nhàng như cưỡi gió đi trên không mà không biết đi đâu"... "Tha hồ cho một chiếc thuyền nhỏ, đi đâu thì đi..." đã nói lên được phần nào cái mà Trang Châu gọi là "Vô hà hữu chi hương" Phật gọi là "ưng vô sở trụ". Đời người phải chăng chỉ là một cuộc du hành vô tận (éternel voyage) trong cõi đời vô trụ, vô tướng... vì hết sức vô thường?

Trước cảnh đẹp của một đêm trăng trên sông Xích Bích lòng khách sinh quyến luyến mà đâm ra sợ cảnh vô thường... "Thương cho sự sống ta chẳng được bao lâu mà khen cho con sông này dài vô tận...". Không khí bỗng như nghẹt thở, khiến cho ai ai trên thuyền, khi nghe tiếng sáo của khách mà rơi lụy.

Nhưng, khi nghe Tô Tử nói: "Tự ở nơi cảnh "biến" mà xem thì cuộc trời đất cũng chỉ ở trong một cái chớp mắt, nhưng nếu tự đứng nơi "bất biến" mà xemm thì muôn vật cùng ta đến không bao giờ tuyệt cả... "Khách bèn tỉnh ngộ mừng rỡ, cười lên... cùng nau ăn uống no say, rồi "cùng nhau gối đầu

ngủ ở trong thuyền, không biết vừng đông đãõ sáng bạch từ lúc nào!"

Quả có đúng lời nói này của người xưa: Chết đâu cho đáng sợ. Sợ chết mới đáng sợ. Bởi "sợ" mà khách buồn, bởi không còn "sợ" nữa mà lòng khách lâng lâng... cho nên u mặc hay nhất trong bài văn là câu cuối cùng: "Cùng nhau gối đầu ngủ trong thuyền, không biết vừng đông đã sáng từ lúc nào"

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân	Nguyễn Duy Cần

Phần Ba Mươi Bốn

Dương Xuân Bạch Tuyết

Vương nước Sở hỏi Tống Ngọc:

- Tiên sinh dường như có chỗ thiếu xót trong phẩm hạnh chăng mà kẻ sĩ và thường dân trong nước không thấy có mấy ai khen ngợi?

Tống Ngọc thưa:

- Dạ, quả có như thế. Xin Đại Vương tha tội, hãy dung cho tâu lại một lời. Khách có vẻ ca hát nơi kinh đô, thoạt đầu hát khúc *Hạ Lý Ba Nhân*, trong nước khen hay và họa kể lại mấy ngàn người. Rồi hát bản *Dương A Dạ Lo*ä, người khen và họa, rút xuống còn có vài trăm. Đến bài *Dương Xuân Bạch*

Tuyết, khen và họa, còn lại chỉ có vài mươi người... Là vì khúc hát ý càng cao, thì người họa lại càng ít.

Loài chim có Phụng, loài cá có Côn. Chim Phụng giương cánh bay lên chín tầng mây, dọc ngang trong khoảng mênh mông vô tận, chim sâu đậu ở rào giậu kia, há có thể cùng với Phụng biết Trời Đất là rộng đến đâu?

Cá Côn sớm dậy ở Côn Lôn, trưa nằm ở sườn non Kiệt Thạch tối bơi về đầm Mạnh Trư, thứ cá nghê ở trong cái vũng, làm sao có thể cùng với nó lượng biết được sông bể lớn đến bậc nào!

Chẳng riêng gì loài chim có Phụng,

loài cá có Côn, hạng sĩ cũng có Phụng, có Côn. Bậc thánh nhân hành vi trác việt, siêu nhiên và xử sự theo mình, người trong thế tục hiểu sao được hành vi của thần!

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Ba Mươi Lăm

Mê Vàng

kia có một người nước Tề thích vàng. Sáng sớm, thay xiêm y, đi ra chợ, đến hàng người đổi tiền, chộp một khối

vàng, rồi đi.

Người ta bắt anh, hỏi: "Tại sao giữa đám đông người, anh dám đoạt vàng của người như thế?"

Đáp: "Lúc tôi thấy vàng, đâu còn thấy có thiên hạ chung quanh nữa, tôi chỉ thấy vàng thôi".

Lời bàn:

Đây chính là tâm trạng của những kẻ ham mê tiền bạc. Trong đầu óc tâm tư chỉ thấy có vàng...

Anh chàng nước Tề này thật là chí ngu, nhưng lời nói của anh thật là chí

thành. Con người mà mục đích của đời mình là tiền bạc, thì còn nói đến nhân phẩm gì với họ được nữa. Tất cả đều là phương tiện, và phương tiện nào cũng hay cả, miễn họ đạt được mục đích cuối cùng của họ thôi.

Đã có phương tiện, thì có phương tiện nào là cao, phương tiện nào là thấp, phương tiện nào là quân tử, phương tiện nào là tiểu nhân đối với họ. Sách Trang Tử cũng có câu chuyện ngộ nghĩnh sau đây: "Nước Tống có Tào Thương, được vua sai đi sứ nước Tần. Khi ra đi, số xe vừa đủ đi. Đi sứ nước Tần, đẹp lòng vua Tần, được ban thêm trăm cỗ xe"

Khi về Tần, gặp Trang Tử, nói: "Phàm sống trong cùng lư ngõ hẹp, áo giày xốc xếch, thiếu hụt, khốn đốn cùng khổ như ông. Làm cho bậc chủ môn xe vừa ý, để hậu thưởng trăm xe, đó là chỗ sở trường của Thương này vậy"

Trang Tử nói:

- *Tôi nghe nói Tần Vương có bệnh, triệu thầy thuốc vào chữa. Nếu mổ được mụt ung của ông ta, thì thưởng được một xe. Cách trị càng hạ tiện bao nhiêu, thì số xe ban thưởng một xe, còn ai liếm được mụt ung, thì được hưởng năm càng được tăng thêm bấy nhiêu. Ông đã trị bệnh Tần Vương bằng cách nào mà được nhiều xe đến*

thế?

\- *Đáng thương thay cho những kẻ "mê Đạo " như "mê vàng" trên đây!*

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Ba Mươi Sáu

Sửa Giày

Trịnh có người định đi sửa giày, đo chân làm no, rồi để cái no bên chỗ ngồi.

Lúc ra chợ, quên không cầm no theo. Đến hàng giày, sực nhớ rằng quên cầm

no. Khi trở lại, thì chợ đã tan nên không sửa giày được.

Có người thấy thế, bảo:

- Sao không đưa chân ra cho người ta đo có được không?

Anh ta đáp:

- Tôi chỉ tin cái no mà thôi, chứ không tin chân tôi!

Ôi! Chữa giày cốt chỉ đi vừa chân là được, vậy mà không tin chân, chỉ tin ở cái no đo chân, chẳng là câu nệ quá lắm ư! Ở đời, những kẻ hành động mà bo bo giữ theo lề lối cũ, không biết hợp thời

thích nghi, thì có khác gì người đi sửa giày chỉ tin nơi cái no đo chân mình mà không tin chính cái chân của mình!

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Ba Mươi Bảy

Đưa Nhau Ra Tòa

Một phú thương kia đi ngang qua làng nọ, thấy một đứa bé gái ngộ nghĩnh rất vừa lòng, bèn đem tiền bạc lại đóng cho cha mẹ em bé ấy để xin cưới khi em lên mười lăm tuổi. Rồi anh ta ra đi.

Cô bé đến tuổi. Có người con trai trong làng vừa ý, đem tiền đến xin cưới.

Sau ngày cưới, anh phú thương lại trở về, đòi cưới cô gái. Anh hỏi chàng trai:

- Tại sao anh cướp vợ tôi?

Chàng trai bảo:

- Ai cướp vợ ông? Lúc trước, khi ông cưới xin, cô ấy chỉ là một đứa bé lên năm. Vợ tôi bây giờ là một cô gái mười lăm. Đâu phải là cô bé năm tuổi khi xưa của ông!

Bèn đưa nhau ra tòa.

Một người kia đến một trại bán sữa tươi, mua một lon sữa.

Mắc việc phải sang làng bên cạnh, anh gửi lon sữa cho người chủ trại, hẹn khi trở về sẽ lấy:

Vài hôm sau, trở lại thì sữa đã đông đặc và phai màu. Anh ta không chịu lấy:

- Đâu phải thứ sữa mà tôi đã mua hôm trước!

Người chủ trại bảo:

- Thì chính lon sữa của anh, tôi có thay đổi gì đâu!

Hai bên không ai chịu thua ai, cùng đem nhau ra quan phân xử.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Ba Mươi Tám

Lồng Đèn Tắt

Ngày xưa, bên Nhật, người ta dùng lồng đèn bằng tre hay bằng giấy trong đó để một ngọn đèn.

Có một người mù, một đêm đến thăm người bạn, được bạn tặng một cái

lồng đèn để cầm đi lúc trở về nhà.

Người mù nói:

- *Tôi đâu có cần dùng đèn. Với tôi, ngày như đêm. Sáng như tối chả có gì phân biệt*

Người bạn trả lời:

- *Đúng! Nhưng nếu anh không xách lồng đèn, kẻ khác có thể đụng vào anh. Hãy cầm nó mà đi đường*

Anh mù bằng lòng. Nhưng đi không được bao xa đã bị người đi đường đụng phải. Anh mù la lên:

- *Không thấy cái đèn của tôi cầm trong tay đây sao?*

Người đi đường mỉm cười nói:

- *Nó đã tắt hồi đời nào rồi! Anh không hay sao? Tội chưa!*

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Ba Mươi Chín

Lệ Cơ

Lệ Cơ, Con của một vị phong nhân xứ Ngại, gả cho vua nước Tấn

Khi về nhà chồng, lụy ướt dầm bâu. Kịp khi đến hoàng cung, cùng vua đồng sang, nếm mùi sô hoạn, rồi lại hối hận giọt lệ ngày xưa. Ta biết đâu kẻ chết lại không hối hận vì mình đã mong được sống thêm?

Có kẻ chiêm bao buồn khóc, khi tỉnh giấc như vui săn. Lúc chiêm bao không biết chiêm bao, khi tỉnh giấc mới hay là mộng mị.

Chỉ có bậc đại giác mới biết cuộc đại mộng đó. Nhưng kẻ ngu lại tự cho là họ tỉnh, rồi họ cũng tin thật rằng họ thật là bậc vua chúa, hay họ là kẻ chăn ngựa.

Gần thay, ông Khưu cùng các anh,

đều chiêm bao cả!

Nhưng mà, gọi các anh chiêm bao, thì ta lại cũng chiêm bao luôn nữa rồi còn gì?

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Bốn Mươi

Cây Trân Núi

Trang Tử đi núi, thấy một cây lớn, cành lá rậm rà. Người thợ đốn cây, đứng một bên mà không đốn. Hỏi duyên cớ, thì thưa rằng:

- *Không dùng đặng chỗ nào hết.*

Trang Tử nói:

- *Cây nầy vì bất tài mà hưởng tận tuổi trời!*

Ra khỏi núi. Trang Tử ghé nghỉ ngơi nhà người quen. Người quen mừng rỡ, hối trẻ giết nhạn để đãi khách.

Trẻ thưa:

- *Một con biết gáy, một con không biết gáy. Giết con nào?*

Chủ nhân nói:

- *Giết con không biết gáy!*

Bữa sau đệ tử hỏi Trang Tử:

- *Hôm qua, cái cây trong núi nhờ bất tài mà sống tận được tuổi trời. Nay con nhạn của chủ nhân, thì vì bất tài mà chết. Như thế, ở địa vị của tiên sinh phải sử như thế nào?*

Trang Tử cười bảo:

- *Châu này thì xử vào khoảng giữa của tài và bất tài. Tài và bất tài như nhau, đều không phải cả, sao khỏi phải lụy thân. Nếu lại biết cỡi trên Đạo Đức mà ngao du thì đâu còn phải*

lụy như thế: Không màng khen, không sợ chê, khi cần phải lên thì bay như Rồng, khi cần phải bò, thì bò như rắn. Cùng hóa với chữa "thời" mà không chịu khư khư theo một thái độ nào nhất định. Khi lên cao, khi xuống thấp, lấy chữ hòa làm cân lượng, ngao du nơi tổ của vạn vật, xem vật là vật, mà không để cho Vật xem mình là vật, thì sao có thể bị lụy? Đó là phép tắc của Thần Nông Hoàng Đế. Đến như lấy cái tình của vạn vật mà truyền dạy về nhân luân, thì không thể, hễ có hợp là có tan, hễ có thành, phải có hủy. Hễ ngay thẳng thì bị chống đối, được tôn quý thì bị chê bai. Có làm thì có sót: Giỏi thì bị mưu tật, mà dở thì bị khinh khi, có thể nào quyết hẳn được bên

nào?

Thương thay! Các đệ tử hãy ghi lấy: Chỉ có Đạo và Đức là nền tảng vững vàng để theo đó mà hành động thôi!

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Bốn Mươi Mốt

Khinh Trọng

Hàn Ngụy cùng nhau tranh lấn đất. Tử Hoa Tử đến yết kiến vua Chiêu Hy, nước Hàn. Thấy vua Chiêu Hy có sắc lo, Tử Hoa Tử nói:

- *Nếu nay bảo thiên hạ viết ra, trước mặt lời viết, nói như vầy: Ai mó tay trái vào đó thì mất tay phải, ai mó tay phải vào đó thì mất tay trái, nhúng tay vào đó thì ắt có thiên hạ. Vua chịu mó tay vào đó không?*

Vua Chiêu Hy nói:

- Quả nhân không chịu.

Tử Hoa Tử nói:

- *Hay lắm, rõ là vua tự thấy hai tay trọng hơn thiên hạ, thân này trọng hơn hai tay. Nước Hàn khinh hơn thiên hạ nhiều. Nay cuộc tranh giành lại khinh*

hơn nước Hàn nhiều nữa, mà sao vua còn cố sầu thân thương sinh, lo sợ không lấn đặng nước?

Vua Chiếu Hy nói:

- *Hay lắm! Đã nhiều người dạy quả nhân, mà quả nhân chưa từng nghe được lời này à.*

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Bốn Mươi Hai

Đi Sứ

Nước Tống, có Tào Thương, được vua sai đi sứ nước Tần. Khi ra đi, số xe vừa đủ đi. Đi sứ nước Tần, đẹp lòng vua Tần, được ban thêm trăm cỗ xe.

Khi về Tống, gặp Trang Tử nói: *"Phàm sống trong chốn cùng lư, ngõ hẹp, áo giày xốc xếch, thiếu hụt, khốn đốn cùng khổ như ông. Thương này không thể chịu được. Làm sao cho bậc chủ muôn xe vừa ý, để hậu thưởng trăm xe, đó là chỗ sở trường của Thương này vậy"*

Trang Tử nói: *"Tôi nghe Tần Vương có bệnh, triệu thầy thuốc vào chữa. Nếu mổ được mụt ung của ông ta, thì thưởng được một xe. Còn ai*

liếm mụt ung, thì được thưởng năm xe. Cách trị càng hạ tiện bao nhiêu, thì số xe ban thưởng càng được tăng thêm bấy nhiêu. Ông đã trị bệnh Tần Vương cách nào mà được nhiều xe đến thế?"

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Bốn Mươi Ba

Heo Tê

Một vị quan lãnh việc tế tự, nói với heo:

- *Sao bây ghét chết? Ta nuôi bây*

trọn ba tháng. Vì bây mà ta giữ ba ngày chay, mười ngày giới. Lúc tế, ta để bây trên chiếu trắng, trên mâm chạm. Bây còn phàn nàn nỗi gì nữa chứ?

Ôi! Nếu vị quan ấy, thật tình nuôi heo, vì nó mà nuôi, sao không để nó tự do ăn tấm cám, sao cũng được. Vị quan ấy thích sống theo áo mão, chết có quan khách, và cho vậy là vinh, rồi lại tưởng cho heo cũng như mình!

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Bốn Mươi Bốn

Không Chết Vì Kẻ Không Biết Mình

Liệt Tử nghèo khó, có khi đói khát nữa.

Có người nói với vua Tử Dương nước Trịnh:

- Liệt Tử là bậc cao sĩ, nay ở nước nhà vua mà phải bần cùng, chẳng hóa nhà vua không biết quý trọng người giỏi ư?

Tử Dương nghe nói sai sứ giả đưa cho Liệt Tử vài mươi xe thóc.

Liệt Tử ra tiếp sứ giả, vái hai vái xin từ.

Sứ giả về, Liệt Tử vào trong, vợ ngóng trông, bực tức, tự đập vào ngực mà rằng:

- Thiếp nghe vợ con những bậc đạo cao thượng đều được an nhàn vui vẻ, nay vợ con tiên sinh túng đói, vua đưa cho tiên sinh thóc gạo, tiên sinh lại từ. Là số mạng ư?

Liệt Tử cười, bảo:

- *Vua mà biết ta, không phải là tự chính vua biết ta, tại nghe có người nói mới biết ta. Vua nghe người nói*

mà biết ta mà cho ta thóc, thì lúc bắt tội ta, tất vua cũng nghe lời người nói mà thôi. Vì thế ta không nhận thóc. Vả chăng, chịu bổng lộc của người, hoặc khi người mắc hạn, không liều chết giúp người là vô nghĩa. Mà nếu liều chết giúp kẻ vô đạo thì lại còn nghĩa lý gì nữa.

Tử Dương sau quả bị nạn mà chết.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Bốn Mươi Lăm

Cười Người Khóc

Cảnh Công nước Tề đi chơi núi Ngưu, trèo lên mặt thành, đứng ngắm trông rồi tràn trề nước mắt:

- *Đẹp quá chừng, nước ta thật là sầm uất, thịnh vượng! Thế mà nỡ nào một tuổi, một già, bỏ nước này mà chết đi. Giả sử xưa nay người ta cứ sống mãi, ta quyết không bỏ nước Tề mà đi nơi khác*

Lũ Sử Không, Lương Khưu Cứ thấy vua khóc, cũng khóc theo:

- *Chúng tôi đội cơm vua có cơm rau mà ăn, có ngựa hèn, xe xấu mà cưỡi, cũng còn chẳng muốn chết, huống chi nhà vua*

Một mình Án Tử đứng cạnh, cười!

Cảnh Công gạt nước mắt, hỏi:

- *Quả nhân hôm nay đi chơi thấy cảnh mà buồn. Không và Cứ đều theo quả nhân mà khóc, một mình nhà ngươi cười, là cớ làm sao?*

Án Tử thưa:

- *Nếu người giỏi mà giữ được mãi nước này thì Thái Công, Hoàn Công đã giữ mãi. Nếu người mạnh mà giữ mãi được nước này, thì Trang Công, Linh Công đã giữ mãi. Mấy vua ấy mà giữ mãi, thì ngày nay chắc vua đang*

mặc áo tơ, đội nón lá, đứng ở giữa cánh đồng, lo việc ruộng nương, có đâu được chỗ này mà đứng, có còn rỗi đâu mà lo đến cái chết. Chỉ vì hết đời này đến đời kia, thay đổi mãi mới đến lượt nhà vua, mà nhà vua lại than khóc thì quả là lạ thật! Bởi thấy bầy tôi siểm nịnh, cho nên tôi cười.

Cảnh Công nghe nói, rót chén rượu tự phạt, rồi tự phạt luôn Không và Cứ mỗi người một chén.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Bốn Mươi Sáu

Cướp Đất

Có một vị thần tiên rất nhiều phép mầu. Một người kia gặp được, yêu cầu được giàu có hơn thiên hạ. Vị thần tiên bằng lòng, bèn phán rằng:

- Ta cho ngươi được quyền làm chủ tất cả những khoảnh đất nào mà nhà ngươi bước qua, kể từ giờ này đến lúc sập mặt trời.

Được lời, anh ta sung sướng quá. Liền phóng mình chạy bay như tên bắn. Anh chạy rút một hơi, không dám ngó lại... Anh ta chạy mãi bất kể chông gai...

mồ hôi đầm mình cũng không kịp lau, sợ mất ngày giờ... Giờ phút không còn phải là bạc, mà hơn vàng nữa. Khát cũng không chịu dừng để uống. Đói, cũng không chịu nghỉ để ăn. Thời gian có hạn... sập mặt trời là hết rồi! Ôi! Quả đất lại mênh mông! Còn lòng tham thì không đáy!

Muốn tranh thủ với thời gian và không gian, anh chạy mãi không kịp thở.

Mặt trời đã gần lặn...

Anh ta càng phóng mình chạy nhanh hơn nữa. Hơi thở đã mòn lần, nhưng anh vẫn cứ gầm đầu chạy riết.

Mắt trời đã vàng rực ở chân trời... Anh chỉ còn là một bộ máy đau thương, đang ôm ấp một hy vọng tràn trề: Làm chủ nhân ông một vùng đất vô cùng rộng lớn.

Dưới chân máu chảy dầm dề... Hơi thở cấp bách như muôn vàn mũi nhọn đâm thủng lòng ngực của anh. Trong mạch máu như có nghìn mua cây kim châm chích... Quả tim cơ hồ tan vỡ... Không khí cơ hồ không đủ cho anh thở nữa.

Còn năm phút nữa...

Còn năm phút nữa...

Còn một ly nữa... là mặt trời sụp dưới chân trời!

Gắng gượng thêm lên anh chuyển cả thần lực gần tàn để tranh thủ từng tấc đất với bóng quan âm... Mau lên... Mau hơn nữa!Anh chỉ còn là một bộ xương thịt, chao động dưới bóng mặt trời, một bụm mồ hôi, một nhúm hơi thở phì phò... Anh chỉ còn là hiện thân của đau khổ đang vất vơ giữa khoảng mênh mông của Trời Đất mà thôi.

Thôi rồi! Mặt trời đã vừa khuất dạng... Thì anh cũng vừa ngã lăn bất tỉnh, và trút hơi thở cuối cùng!

Nói cho đúng, anh cũng chỉ tranh

được ba thước đất để chôn thi hài anh mà thôi...

Than ôi! Cái mộng chiếm đoạt vũ trụ của con người, chung quy thì cũng được có bấy nhiêu, không hơn gì người nầy.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Bốn Mươi Bảy

Xin Bãi Nại

Có người thợ làm việc trên một tầng lầu cao. Rủi trật chân, té xuống đường. Trong khi té, lại rớt nhằm đầu một

người đi qua đường. Người ấy chết, mà anh thợ thì sống.

Con trai người chết thưa lên quan, "mạng thường mạng". Luật hiện hành trong xứ ấy, hễ gây thiệt mạng cho ai, phải đền bằng tội chết.

Biết rõ người thợ không phải cố sát, nhưng trước luật pháp hiện hành, không còn cách nào khác để cứu người vô tội, quan tòa bèn tuyên án:

- Hễ "sát nhân giả tử", luật pháp là như thế không ai có thể gỡ được. Tên thợ này làm chết người, phải thường mạng. Nhưng muốn thực hiện công lý ấy, thì nó đã giết người bằng cách nào,

bây giờ người ta phải giết nó bằng cách ấy. Nay ta phán rằng: Đứa con khổ chủ phải lên trên lầu cao ngay chỗ tên thợ trước đây đã đứng, đợi khi tên thợ ấy bước ngang, thì gieo mình ngay trên đầu nó, để giết nó!

Đứa con nạn nhân lật đật đến tòa xin bãi nại.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Bốn Mươi Tám

Nghèo Khổ

Nghèo Tử bận áo vải mà vá, giày cột bằng dây gai... Gặp Ngụy Vương. Ngụy Vương nói:

- *Tiên sinh khổ não thế ư?*

Trang Tử nói:

- Nghèo, chứ không khổ. Kẻ sĩ có Đạo Đức, không bao giờ khổ. Áo rách, giày hư là nghèo, không phải khổ. Đó là chẳng qua vì không gặp thời mà thôi. Phàm con khỉ con vượn nhảy nhót được thong thả là nhờ gặp được rừng cây to cành dài, trơn tru dai dẻo. Dù cho bậc thiên hạ như Phùng Mông cũng không sao hạ nó được. Nếu nó rủi gặp phải cành cây khô, gai góc, thì sự hoạt động

ắt khó khăn chậm chạp. Cũng thời một con thú, mà sự cử động dễ khó khác nhau, chẳng qua vì gặp phải hoàn cảnh không thuận làm cho nó không tự do dùng tận sở năng của nó. Nay, sinh không nhằm thời, trên thì hôn ám, dưới thì loạn tặc lại muốn không cực nhọc vất vả, có được không?

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Bốn Mươi Chín

Cá Vui

Trang Tử cùng Huệ Tử đứng chơi

trên cầu hào thành. Trang Tử nói: *Cá xanh bơi lội thung dung. Cá vui đó.*

Huệ Tử nói:

- *Ông không phải cá, sao biết cá vui?*

Trang Tử nói:

- Ông không phải tôi, sao biết tôi không biết!

Huệ Tử nói:

- Tôi không phải ông, nên không thể biết được ông, còn ông không phải cá, ông cũng không sao biết được cái vui

của cá.

Trang Tử nói:

- Xin xét lại câu đầu. Ông hỏi tôi làm sao biết được cá vui? Đã biết là tôi biết, ông mới có hỏi "làm sao mà biết"... Thì đây, làm thế này: Tôi đứng trên hào thành mà biết được.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Năm Mươi

Làm Giàu

Đời nhà Châu có người họ Doãn, chỉ

chăm làm giàu. Tôi tớ trong nhà vất vả, thức khuya, dậy sớm, khó nhọc vô cùng.

Có một tên đầy tớ già, sức yếu, nhưng lại phải làm nhiều, ban ngày làm không kịp thở, ban đêm mệt đừ người, ngủ say không biết đầu đuôi. Nhưng đêm nào cũng nằm mộng thấy mình được làm vua một nước, đứng đầu cả muôn dân, ở lầu son gác tía ăn toàn của ngon vật lạ, muốn gì được nấy, sung sướng không ai bằng! Sáng bừng mắt thì vẫn hoàn là tên tớ già, làm không kịp thở... Có người thấy lão vất vả quá, tỏ lời an ủi. Lão nói:

- *Đời người trăm năm có ngày có đêm. Ta ban ngày, chỉ là một tên tớ*

già, kể ra cũng khổ thực! Nhưng ban đêm lại làm vua một nước, vui sướng không ai bằng! Vậy thì còn ân hận gì nữa?

Họ Doãn trái lại ban ngày quả là tay nhà giàu, nhưng lại lo lắng ruột tan, gan nát, mệt cả tâm thần, đến đêm mệt ngủ, thì lại nằm mộng thấy mình đi làm tôi tớ người ta, việc gì cũng phải làm, lại còn gặp chủ cay nghiệt, hành hạ đủ điều. Thức dậy, lòng thổn thức, bèn đem chuyện kể với bạn.

Bạn bảo:

- *Được cái địa vị như anh, giàu có hơn người, ban ngày sung sướng vẻ*

vang biết bao, đêm đến là nằm mơ đi làm đầy tớ người ta. Như vậy thì sướng khổ đắp đổi nhau. Nếu lúc thức, lúc ngủ đều muốn được sướng cả, thì thế nào được!

Họ Doãn nghe bạn nói tỉnh ngộ. Từ hôm đó không còn hà khắc tôi tớ trong nhà nữa. Và nhờ vậy mà bớt lo, bớt nghĩ, lòng thấy nhẹ nhàng. Và bệnh mỗi ngày một bớt lần.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Năm Mươi Mốt

Lê Đuôi Trong Bùn

Trang Tử câu trên sông Bộc. Sở Vương sai hai quan đại phu đem lễ vật mời ông ra làm quan. Trang Tử cầm cần câu không nhúc nhích cũng không thèm nhìn lại, nói:

- Tôi nghe vua Sở có con thần quy, chết đã nghìn năm. Vua Sở quý nó và cất trên miếu đường. Con quy đó, chịu chết để lưu lại cái xương của mình cho người sau quý trọng hay lại chịu thà sống mà kéo lê cái đuôi của mình trong bùn?

Hai vị đại phu nói:

- *Thà sống mà kéo lê cái đuôi*

trong bùn còn hơn!

Trang Tử nói:

- *Thôi, về đi. Ta đây cũng chịu kéo lê cái đuôi của mình trong bùn...*

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân Nguyễn Duy Cần

Phần Năm Mươi Hai

Người Bán Thịt Dê

Vua Chiêu Vương nước Sở mất nước phải bỏ chạy. Có người hàng thịt dê tên Duyệt, cũng chạy theo vua.

Sau Chiêu Vương lại trở về, lấy lại nước, bèn ban thưởng những người chạy theo khi trước, có cả anh hàng thịt dê nữa.

Ai ai cũng nhận thưởng. Chỉ có một mình anh hàng thịt dê chối từ, thưa:

- *Trước nhà vua mất nước, tôi mất nghề bán thịt dê. Nay nhà vua còn nước, tôi còn nghề bán thịt dê. Thế là tôi được giữ y nghiệp cũ, đủ ăn rồi, còn dám mong thưởng gì nữa!*

Vua cố ép, người hàng thịt dê, thưa:

- *Nhà vua mất nước không phải tội*

tôi, nên không dám liều chết. Nhà vua lấy lại được nước không phải công tôi nên tôi không dám lãnh thưởng.

Vua bảo:

- *Để rồi ta đến nhà ngươi chơi.*

Người hàng thịt dê nói:

- Theo phép nước Sở, phàm kẻ có công to, được trọng thưởng, thì vua mới đến nhà. Nay tôi xét mình tôi, trí mưu không đủ giữ được nước, dũng cảm không đủ giết được giặc. Quân giặc vào trong, tôi lánh nạn, phải chạy theo vua, chứ đâu phải cốt ý theo nhà vua! Nay nhà vua muốn bỏ phép nước mà đến

chơi nhà, tôi e thiên hạ nghe thấy mà chê cười chăng?

Chiêu Vương nghe nói ngoảnh lại bảo Tư Mã Tử Kỳ rằng:

- *Người hàng thịt dê này tuy làm nghề hèn hạ, mà giãy bày nghĩa lý rất cao xa. Nhà ngươi làm thế nào mời người ấy ra nhậm chức Tam Công cho ta.*

Người hàng thịt dê nói:

- *Tôi biết chức Tam Công là quý hơn cửa hàng thịt dê. Nhưng tôi đâu dám ham tước lộc mà để nhà vua mang tiếng gia ân không phải nghĩa. Tôi*

thực không dám nhận, xin cho về giữ lấy nghề bán thịt dê!

Nói đoạn lùi ra ngay.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Năm Mươi Ba

Nhân Trung Dài

Một hôm, Vũ Đế nhà Hán nói với các quan:

- Ta xem trong sách tướng có câu: "Người ta nhân trung dài một tấc thì

sống lâu một trăm tuổi"

Đông Phương Sóc đứng bên phì cười.

Các quan bắt tội vô phép.

Đông Phương Sóc cất mũ, tạ tội:

- Muôn tâu Bệ hạ, kẻ hạ thần đâu dám cười Bệ hạ, mà cười cái ông Bành Tổ mặt dài mà thôi!

Vua hỏi:

- Sao lại cười ông Bành Tổ.

Đông Phương Sóc thưa:

- Tục truyền ông Bành Tổ sống tám trăm năm. Nếu quả thật câu trong sách tướng mà Bệ hạ vừa nói là đúng, thì nhân trung ông ấy phải dài đến tám tấc, mà nhân trung dài tám tấc, thì mặt ông dễ thường phải cao đến một trượng.

Vũ Đế nghe nói, bậc cười, tha tội cho ông.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Năm Mươi Bốn

Chí Nhân

Thái Tể Đăng, hỏi Trang Tử về chữ "Nhân"

Trang Tử nói:

- *Hùm sói, là nhân đấy!*

Hỏi:

- *Sao gọi thế?*

Đáp:

- *Cha con nó thân nhau, sao gọi là bất nhân?*

- *Xin hỏi: Còn bậc chí nhân?*

Trang Tử nói:

- *Bậc chí nhân không thân với ai cả!*

Thái Tể hỏi:

- *Đãng tôi nghe rằng: Không thân thì không thương, không thương thì không thảo. Gọi người chí nhân không thảo được chăng?*

Trang Tử nói:

- *Không phải vậy. Chí nhân cao*

lắm! Cho nên hiếu thảo đâu có đủ để mà nói đến họ. Đâu phải có chuyện thái quá của hiếu, mà chuyện bất cập của hiếu. Kìa như có kẻ sang Nam, đến ấp Dĩnh, ngó qua hướng Bắc không thấy núi Minh San. Là tại sao? Tại xa quá! Bởi vậy mới nói rằng hiếu mà kính, dễ, hiếu mà thương, khó. Hiếu mà thương cũng còn dễ, hiếu mà quên kẻ thân của mình đi mới khó. Quên kẻ thân của mình đi còn dễ, khiến kẻ thân của mình quên mình đi mới khó. Khiến kẻ thân của mình quên mình đi còn dễ, quên luôn cả thiên hạ mới khó. Quên luôn cả thiên hạ cũng còn dễ, khiến cho cả thiên hạ đều quên mình đi mới còn khó hơn nữa.

Kìa như đức của họ xa hơn Nghiêu Thuấn cả trăm ngàn lần, vậy mà họ chưa từng có làm cho ai thấy, ân huệ của họ thuần thấm khắp mọi người đến muôn đời mà thiên hạ chẳng một ai hay biết. Há còn đem chữ Nhân, chữ Hiếu thường kia để nói với họ được sao! (...) Bởi vậy, mới nói rằng: Tước của cả một nước có đủ gì đâu để thêm giá cho người chí quý! Tài sản của một nước có đủ gì đâu để thêm giá cho người chí phú...

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Năm Mươi Lăm

Chiếc Bè

Có người kia đi đến một vùng nước rộng, thấy mé mình đứng rất nguy hiểm và ghê sợ, còn mé bên kia thì yên ổn hiền lành. Muốn sang qua đò, thì lại không cầu. Anh bèn nghĩ: "Ta hãy bẻ cây làm tạm một chiếc bè để đưa ta qua sông". Sau khi đến mé bên kia rồi, anh ta bèn nghĩ: "Nhờ chiếc bè này mà ta qua được bên này, như vậy, ta phải nhớ ân nó mà đội nó lên đầu hay vác nó trên vai luôn luôn bất cứ đi đâu ở đâu". Các anh nghĩ thế nào về các việc làm của người này? Làm như thế, người ấy có cư sử đúng lẽ với chiếc bè của anh ta không?

Các đệ tử thưa:

- Thưa Thế Tôn, không ạ!

- Vậy thì, người ấy phải đối xử bằng cách nào đối với chiếc bè ấy mới phải lẽ? Đối với nó, đừng lưu luyếùn gì nữa. Nó chỉ là phương tiện. Hãy để chiếc bè ấy tha hồ theo dòng nước mà trôi đi, hoặc giữ lại bến ấy cho ai khác, muốn dùng qua sông thì dùng!

Ớ các tì kheo! Giáo lý của ta chẳng khác nào chiếc bè trên đây nó dùng để chở qua sông, chứ đâu phải đội lên đầu, hay vác trên vai khi đã sang được qua sông!

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Năm Mươi Sáu

Kiêu Căng Là Gì?

Một vị tể tướng đời Đường rất giỏi về chính trị, lại cũng là một vị tướng lừng danh. Người đương thời xem ông là một vị anh hùng dân tộc. Nhưng bao nhiêu danh vọng ấy không ngăn cản ông say mê đạo Phật một cách rất cung cúc.

Thầy của ông là một vị đạo cao tăng phái Thiền, thầy trò tâm đắc lắm, không

phân biệt tước quyền.

Ngày kia, ông hỏi sư phụ:

- *Thưa thầy, xin thầy cắt nghĩa cho đệ tử biết "ngã mạn" là gì?*

Mặt của sư phụ đổi sắc, trợn mắt, hỏi với một giọng khinh mạn:

- *Mi hỏi ta gì đó, đồ ngu!*

Cử chỉ và lời nói bất ngờ ấy làm cho gương mắt tể tướng đỏ lên.

Bấy giờ nhà sư mỉm cười, bảo nhẹ:

- Thưa, đó là"ngã mạn" ạ!

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Năm Mươi Bảy

U Tịnh Đại Sư

Vị tăng kia, không hiểu gì về Phật pháp cả, nhưng muốn đánh lừa tín đồ, tự xưng là "U Tịnh đại sư". Để dễ gạt người chung quanh, ông ta có mướn hai tổ sư có tài ngôn ngữ để trả lời hộ ông ta, phần ông ta thì cứ im lặng mãi cho đúng với danh xưng.

Ngày kia, hai tên sư bè lũ của ông đi

vắng, có một tăng lữ phương xa đến viếng. Tăng lữ hỏi:

- Thưa đại sư, thế nào là Phật?

Không biết trả lời ra sao, ông ta hoảng hốt, *nhìn dáo dác bốn bên* để tìm hai tên đồng lõa, nhưng không thấy.

Tăng lữ hỏi tiếp:

- Thưa đại sư, thế nào là Pháp?

Ông ta bèn ngước mặt *nhìn trời* rồi lại cúi *nhìn đất*, van vái trời đất gỡ nạn cho ông ta.

Tăng lữ hỏi nữa:

- Thế nào là Tăng?

Bấy giờ ông ta bí quá, liền nhắm nghiền đôi mắt lại.

Tăng lữ hỏi:

- Thế nào là Hỉ Xả?

Tuyệt vọng, ông ta bèn mở rộng hai cánh tay, ra dấu đầu hàng.

Tăng lữ sung sướng, ra về.

Dọc đường lại gặp hai tên sư đồng lõa của ông bịp nọ, Tăng lữ không ngớt ca ngợi vị "U Tịnh đại sư":

- Tôi đã hỏi Ngài: "Phật là gì?" thì Ngài nhìn bốn phương tám hướng để nói cho tôi biết rằng Phật ở khắp nơi, không nơi nào mà không có Phật. Tôi hỏi: "Pháp là gì?", thì Ngài nhìn trên cao dưới thấp, là ý Ngài muốn bảo với tôi rằng chân lý của Phật Pháp là tất cả không phân biệt cao thấp, thanh trọc. Để trả lời câu hỏi "Tăng là gì?", thì Ngài chỉ nhắm mắt lại, để nói cho tôi biết rằng kẻ nào nhắm mắt và ngủ một giấc say trong những chỗ thâm sơn cùng cốc là một bậc đại sư tăng. Rốt cùng, để trả lời câu chót của tôi "Thế nào là Hỉ Xả" thì Ngài mở rộng cánh tay để chỉ cho tôi biết đó là một ân huệ ban bố cho khắp cả mọi người biết tìm con đường sống...

Thật là một bậc đại sư sáng suốt và lời giáo huấn của Ngài thật là vô cùng sâu thẳm!

Khi hai anh sư nọ về đến nhà, ông "U Tịnh đại sư" rầy to:

- Các anh đi đâu? Hồi nãy có một tăng lữ phương xa đến cật vấn ta về Phật pháp, anh ấy hỏi dồn ta bí lối, suýt ta đã mất cả uy danh rồi còn gì!

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Năm Mươi Tám

Giác Và Mộng

Một người nước Trịnh kiếm củi ngoài đồng, thấy con hươu lạc, đón đánh chết được ngay. Anh ta sợ người ngoài đồng trông thấy, vội vàng giấu xác hươu vào trong hào cạn, lấy lá chuối phủ lên, trong bụng mừng rỡ không biết thế nào mà kể.

Chợt một cái, anh ta quên chỗ giấu hươu bèn cho ngay là chuyện chiêm bao. Lúc gánh củi về, anh ta đi đường, thờ thẩn thở than và cứ một mình lẩm bẩm kể câu chuyện ấy.

Có một người đi cạnh nghe thấy, cứ theo lời kể mà tìm được hươu, đưa về bảo vợ rằng:

- Lúc nãy anh kiếm củi mộng kiếm được hươu mà không biết ở chỗ nào, bây giờ ta tìm được, thế thì hắn là kẻ mộng thật.

Vợ nói:

- *Hay là chính anh mộng thấy người kiếm củi bắt được hươu. Chớ làm gì có người kiếm củi thật, thế là mộng anh thật chăng?*

Chồng bảo:

- *Đây ta cứ biết được hươu là hươu cần gì phải biết rằng ta mộng hay hắn mộng nữa.*

Anh kiếm củi về nhà, trong bụng tấm tức băn khoăn về việc mất hươu. Đêm hôm ấy nằm mộng thấy chỗ mình giấu hươu. Đến sáng cứ theo mộng, rồi tìm ra được, mới đem lại quan sĩ sư kiện để đòi lại hươu.

Quan xử rằng:

- *Trước anh thật là đã bắt được hươu, lại hoảng lên cho là mộng, sau này mộng tìm thấy hươu lại hoảng lên cho là thực. Còn anh kia, thật là lấy hươu mà tranh nhau với anh thì vợ nó lại tưởng là mộng được hươu của người ta chớ không bắt được hươu thật. Bây giờ rõ ràng có hươu đây,*

thời chia đôi mỗi bên bên một nữa.

Cái án ấy sau lên vua nước Trịnh.

Vua nói rằng:

- *Hừ! Quan án cũng lấy mộng mà xử cái kiện con hươu ư!*

Rồi cho đòi tể tướng đến hỏi. Tể tướng tâu rằng:

- *Mộng cũng chẳng mộng tôi không thể phân biệt được. Muốn phân biệt mộng hay giác thì chỉ có ông Hoàng Đề, ông Khổng Châu mà thôi. Bây giờ không có hai người ấy, thì ai phân biệt ra được.*

Thôi xin cứ y như lời xử đoán của quan sĩ sư là xong!

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Năm Mươi Chín

Ngôi Tướng Quốc

Huệ Tử làm quan nước Lương. Trang Tử tính qua nước Lương thăm. Nhưng có kẻ nói với Huệ Tử:

- Trang Tử mà qua đây, là để cùng

ông tranh ngôi tướng quốc.

Huệ Tử lo sợ, cho kẻ canh chừng suốt ba ngày ba đêm, đợi Trang Tử đến thì bắt.

Trang Tử hay chuyện, không đi.

Sau rồi lại đến. Gặp Huệ Tử, Trang Tử bảo:

- *Phương Nam có con chim tên là Uyên Sồ. Ông có biết không? Uyên Sồ từ biển Nam bay qua biển Bắc, nếu không gặp cây ngô đồng thì không chịu đậu: Nếu không gặp hột luyện thì không ăn nếu không gặp nước suối thì không uống. Có con chim ụt đang rỉa*

xác chuột chết giữa cánh đồng thấy Uyên Sồ bay ngang, sợ nó giành miếng ăn nên kêu to lên để dọa Uyên Sồ đừng đáp xuống. Nay, vì sợ mất ngôi tướng quốc của ông ở nước Lương nên ông kêu to lên dọa tôi sao?

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Sáu Mươi

Lẽ Sống Chết

Mạnh Tôn Dương hỏi Dương Chu:

- *Có kẻ mến đời, yên thân, cầu cho*

không chết, có nên không?

Dương Tử nói:

- *Có sống thì phải chết, lẽ nào mà không chết được.*

- *Thế thì cầu sống có nên không?*

- *Lẽ nào sống lâu mãi được, yên thân mà thân còn mãi được. Vả chăng, sống lâu để làm gì? Thế tình hay dở, xưa cũng như nay. Việc đời sướng khổ xưa cũng như nay. Biến đổi trị loạn, xưa cũng như nay. Cái gì cũng đã nghe thấy, cũng đã trông thấy, đã từng trải cả rồi, thì sống trong khoảng trăm năm cũng là dư chán rồi, huống chi lại*

còn cầu sống lâu để cho khổ lụy làm gì.

Mạnh Tôn Dương nói:

- *Nếu thế, thì chóng chết có hơn là sống lâu chăng? Ta nên xông vào gươm giáo, nhảy vào nước lửa để chết ngay đi có phải thỏa không?*

Dương Tử nói:

- *Không phải thế. Đã sinh ra đời, thì lúc sống cứ thản nhiên sống, mặc cho việc gì muốn đến cứ đến. Lúc sắp chết cũng mặc, để cho nó tự nhiên đến: Có muốn hóa ra thì hóa... cho đến lúc cùng. Lúc sống, lúc chết, lúc nào*

cũng tự nhiên như không có gì cả, hà tất phải cầu sống lâu hay chóng chết mà làm gì!

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Sáu Mươi Hai

Nuôi Gà Đá

Vua Tuyên Vương sai Kỷ Sảnh nuôi gà đá.

Được mười hôm, Vua hỏi. Kỷ Sảnh thưa:

- *Chưa được. Gà hăng lắm! Chưa thấy gà khác đã muốn đá rồi!*

Cách mười hôm nữa, vua lại hỏi. Kỷ Sảnh thưa:

- *Chưa được. Gà còn hơi hăng. Trông thấy gà khác đã muốn đá rồi!*

Cách mười hôm nữa, vua lại hỏi. Kỷ Sảnh thưa:

- *Được rồi! Gà bây giờ, cho nghe thấy tiếng gà khác, cũng không cho vào đâu. Trông như gà gỗ, mà thực, có đủ các ngón tay. Gà khác trông thấy nó cũng đủ sợ, phải lùi chạy ngay!*

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Sáu Mươi Hai

Lẽ Tất Nhiên Phải Vậy

Trang Tân bảo Sở Tương Vương:

- Nhà vua (ngồi xe) bên tả có Châu Hầu, bên hữu có Hạ Hầu sau xe có Yên Lăng Quân và Thọ Lăng Quân. Bốn người đó chuyên dâm loạn, xa xỉ, không lo việc nước, Dĩnh đô tất nguy mất.

Tương Vương bảo:

- Tiên sinh già rồi lẫn chăng? Hay là muốn rủa nước Sở đấy?

Trang Tân đáp:

- Tôi thực tâm thấy tất nhiên phải như vậy, không dám rủa nước Sở. Nếu nhà vua cứ sủng ái bốn người đó mãi như vậy, thì nước Sở tất mất! Tôi xin được lánh qua Triệu, ở đó một thời gian để quan sát những biến cố của nước Sở.

Trang Tân qua Triệu ở năm tháng. Quả nhiên Tần chiếm những đất Yên, Dĩnh, Du, Thượng Thái, Trần của nước Sở, Tương Vương phải chạy tróc tới thành Dương, sai người kỵ mã dẫn đường qua Triệu đón Trang Tân, Trang

Tân bằng lòng đi.

Trang Tân tới, Tương Vương bảo:

- Quả nhân không biết dùng lời khuyên của tiên sinh, nay sự thế đã như vậy, làm sao bây giờ?

Trang Tân đáp:

- Tôi nghe tục ngữ có câu: "Thấy thỏ rồi mới nghĩ tới chó săn, cũng không phải là muộn, mất bò rồi mới lo rào chuồng cũng chưa phải là trễ". Tôi nghe nói xưa kia vua Thang và vua Vũ chỉ có trăm dặm đất mà hưng thịnh lên được, vua Kiệt, vua Trụ có cả thiên hạ mà bị nguy vong. Hiện nay nước Sở tuy nhỏ,

cắt chỗ dài bù vào chỗ ngắn thì cũng còn được vài ngàn dặm, chứ nào phải trăm dặm mà thôi.

Nhà vua không thấy con chuồn chuồn kia ư? Nó có sáu chân bốn cánh, bay lượn giữa khoảng trời đất, cúi mổ con muỗi, con ruồi để ăn, ngửa hứng nước sương ngọt ngào để uống, tự cho rằng chẳng lo lắng gì cả, vì không cạnh tranh gì với ai, có ngờ đâu một đứa nhỏ cao năm thước lấy mật làm keo bôi vào tơ, cột cỡ đầu cái gậy dài bốn nhẫn mà bắt được con chuồn chuồn, chuồn chuồn rớt xuống đất, bị kiến ăn thịt. Con chuồn chuồn còn là vật nhỏ.

Đến như con chim sẻ vàng kia, cúi

thì mổ những hạt gạo trắng, ngửa thì đậu ở trên cây rậm rạp, hăng hái vỗ cánh, tự cho là chẳng lo lắng gì cả vì không cạnh tranh với ai, có ngờ đâu rằng có công tử vương tôn nọ, tay trái giương ná tay phải cầm đạn, bắn nó ở chỗ cao mười nhẫn, đem về làm chim mồi bắt chim sẽ khác, ban sáng nó còn bay nhảy trên cây rậm mà tối lại bị xào nấu với muối giấm, chỉ trong khoảnh khắc đã rớt vào tay cậu công tử nọ. Con sẻ còn là vật nhỏ.

Đến như con hộc vàng kia bay lượn trên sông biển, đậu ở cái đầm lớn, cúi thì mổ con lươn con cá chép, ngửa thì ăn của nấu, cây hoành, hăng hái vỗ cánh mà lướt luồng gió mát, bay lượn trên

cao, tự cho rằng chẳng lo lắng gì cả vì không cạnh tranh với ai. Có ngờ đâu người thợ săn sửa soạn mũi tên và cây cung màu đen buộc sợi dây tơ vào cây tên bắn nó ở chỗ cao trăm nhẫn, nó bị trúng mũi tên nhọn, bị sợi dây tơ kéo về (phía người thợ săn) và rớt xuống đất trong buồng gió mát: Ban sáng nó còn bay lượn trên sông biển mà buổi tối đã bị nấu nướng trong cái đỉnh cái vạc rồi. Con hộc vàng còn nhỏ.

Đến như việc Thái Linh Hầu cũng vậy. Phía Nam, ông ta đi chơi miền Cao Pha, phía Bắc ông ta leo núi Vu Sơn, uống nước suối Như Khê, ăn cá sông Tương, tay trái ôm hầu non, tay phải đỡ ái thiếp, cùng với họ rong ruổi ở trong

miền Cao Thái mà không lo gì việc nước cả. Có ngờ đâu Tử Phát được lệnh của Sở Tuyên Vương bắt trói ông ta bằng sợi dây tơ đỏ, đem về cho Tuyên Vương.

Việc của Thái Linh Hầu còn là việc nhỏ. Đến việc của nhà vua, ngồi xe, bên trái có Châu Hầu, bên phải có Hạ Hầu, sau xe có Yên Lăng Quân và Thọ Lăng Quân, ăn lúa gạo của đất được phong, chở vàng trong kho do bốn phương tiến cống, cùng với bọn đó rong ruổi ở miền Vân Mộng, mà không lo gì việc quốc gia thiên hạ cả. Có ngờ đâu rằng Nhương Hầu phụng mệnh vua Tần, đem binh lại đóng đầy thành Mãnh Tái mà nhà vua phải trốn ra khỏi thành đó.

Tương Vương nghe xong, mặt tái mét, toàn thân run rẩy, rồi cầm viên ngọc khuê trao cho Trang Tân, phong cho Trang Tân làm Dương Lăng Quân, và cho hưởng đất Hoài Bắc.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Sáu Mươi Ba

Nhất Thống Sơn Hà

Mùa hạ, tháng năm sau khi đã diệt dược Sở Bá Vương, Hán Bái Công cho đặt tiệc rượu ở cung nam thành Lạc

Dương thiết đãi quần thần.

Rượu uống được vài tuần, Bái Công nói:

- Ớ liệt hầu và các tướng, Trẫm hỏi câu này, ai nấy đều nên nói cho thực, không giấu giếm: Trẫm dở dĩ được thiên hạ là vì sao? Hạ Hạng sỡ dĩ mất thiên hạ là vì sao?

Cao Khởi, Vương Lăng thưa:

- Hạng Võ sỗ sàng và khinh người, Bệ hạ nhân hậu và yêu người. Bệ hạ sai người đánh thành cướp đất, hễ ai lấy được đâu thì ban cho đấy, đó là cách cùng thiên hạ cùng lợi chung. Hạng Võ

ghét kẻ tài, ganh người hay, kẻ có công thì hại, người hiền thì ngờ vực, được trận không cho ai công, được đất không cho ai lợi. Sở dĩ mất thiên hạ là vì thế.

Bái Công mỉm cười bảo:

- Các ông chỉ biết một mà chưa biết hai. Nay như vận ở chốn trung quân, quyết thắng ra ngoài nghìn dặm, ta đâu bằng Tử Phòng, trấn thủ quốc gia, vỗ về trăm họ... ta đâu bằng Tiêu Hà. Cầm quân trăm vạn, đánh đâu thắng đấy, phá đâu lấy đấy, ta đâu bằng Hàn Tín. Ba người ấy đều là bậc hào kiệt trên đời, ta đều biết dùng cả ba, cho nên ta lấy được thiên hạ, Hạng Võ chỉ có một mình Phạm Tăng mà không biết dùng, cho nên

chết về tay ta.

Vậy ta phạt các khanh một người một chung rượu.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Sáu Mươi Bốn

Vay Lúa

Trang Tử nghèo túng... sang Giám Hà Hầu vay lúa. Giám Hà Hầu nói:

- *Tôi có cái ấp sắp nộp tiền lúa. Tôi sẽ giúp ông trăm lượng. Có được*

không?

Trang Tử giận:

- *Hôm qua, khi Châu đến đây, giữa đường nghe có tiếng kêu, ngoảnh lại trông, thì thấy một con cá đang vùng vẫy trong cái vết bánh xe.* Châu tôi hỏi:

- *Cá đến đây làm gì?*

Cá nói:

- *Tôi là thủy thần ở bể Đông, ông có thể giúp tôi một chén nước mà cứu tôi không?*

Châu tôi nói:

- *Để tôi qua chơi bên phía Nam nước Ngô nước Việt, rồi khi về, tôi sẽ lấy nước Tây Giang về đón người. Có được không?*

Cá giận nói:

- Tôi đang cần nước, ông chỉ cho tôi một ít là đủ sống. Nay nói như ông, đợi đến lúc ông về thì đến hàng cá khô, sẽ thấy tôi nơi đấy!.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Phần Sáu Mươi Lăm

Học Bắn Cung

Kỷ Xương vào hầu Phi Vệ, xin học phép bắn cung.

Phi Vệ bảo:

- Anh phải học không được chớp mắt trước, rồi sau mới học bắn được.

Kỷ Xương vâng lời trở về, ngày ngày nằm dưới cái khung cửi của vợ, giữa chỗ gọng máy đưa lên xuống. Hai năm sau, thành quen mắt, cho dù cho cái đầu dùi đâm vào, cũng không chớp mắt nữa.

- Chưa được. Anh còn phải học nhìn. Bao giờ nhìn vật nhỏ như to, nhìn vật tối như sáng, thì bấy giờ đến đây, ta sẽ dạy.

Kỷ Xương lại vâng lời trở về, bắt một con rận treo trước cửa sổ, ngày đêm nhìn vào. Sau mười hôm mỗi ngày nhìn thấy một to. Sau ba năm, nhìn thấy to bằng cái bánh xe. Bấy giờ trông vật gì cũng to như núi, như gò cả. Kỷ Xương bèn làm một chiếc cung nhỏ bằng sừng, mũi tên bằng đầu kim, bắn trúng giữa bụng con rận. Đến thưa chuyện với Phi Vệ. Phi Vệ mừng bảo:

- Anh đã học được rồi đó!

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Sáu Mươi Sáu

Đi Săn

Trang Châu đi chơi ở rừng Điêu Lăng, thấy một con chim tước lạ ở phương Nam lại. Cánh rộng bảy thước, mắt tròn một tấc, đụng ở trán Châu, mà đậu ở bụi cây lật.

Trang Châu nói:

- Chim nầy là chim gì vậy? Cánh to mà không bay, mắt lớn mà không thấy.

Bèn dùng dằng dừng bước. Lấy đạn ra mà nhắm bắn. Bỗng thấy một con ve, vừa được bóng mát mà quên cả thân. Một con bọ ngựa, lấy lá che thân, chồm đến muốn bắt mà quên cả thân. Còn phía sau, con tước đang vồ bắt nó mà quên cả thân mình...

Trang Châu giật mình:

- Ôi giống vật vốn làm lụy nhau... Hai loài như gọi lẫn nhau: Cái mất đi sau cái được.

Rồi bỏ viên đạn mà chạy trở về... Người coi rừng đuổi theo mà mắng nhiếc!

Trang Châu về nhà. Ba tháng không vui.

Lạn Thư theo hỏi:

- *Thầy làm gì mà ít lâu nay không vui?*

Trang Châu nói:

- *Ta giữ hình thể mà quên chân thân. Ta mãi nhìn nước đục bên trên mà quên nhìn nước trong dưới đáy vực. Vả chăng, ta nghe thầy ta dạy: "Vào chỗ nào, thì theo cái tục chỗ đó". Nay ta sang chơi Điêu Lăng mà quên hẳn thân ta. Con tước lạ bay sát trán mà ta quên cái thân của nó. Người coi*

rừng đem ta mà sỉ nhục. Nên ta không vui.

[Phần Trước] [Phần Kế]

Cái Cười Của Thánh Nhân — Nguyễn Duy Cần

Phần Sáu Mươi Bảy

Giàu Sang

Người nước Tề có hai vợ, cùng ở với nhau một nhà.

Anh chồng ngày nào cùng ra đi no say rồi mới về. Người vợ cả hỏi anh uống với ai, thì chồng đáp là ăn toàn với bậc cao sang.

Vợ cả bảo vợ lẻ

- Chồng chúng ta ra đi thì no say rồi mới về, hỏi ăn uống với ai thì đáp là ăn uống toàn với những bậc giàu sang. Vậy mà chưa từng thấy một người giàu sang nào tới chơi nhà cả! Tôi muốn rình xem anh ấy đi đâu.

Hôm sau dậy sớm, vợ cả lẻn theo chồng, đi khắp nơi chẳng thấy ai đứng nói chuyện với chồng mình. Sau cùng thấy người chồng tới đám cúng mả ở ngoại ô phía đông mà xin ăn cơm thừa canh cặn, chưa no lại nghểnh lên đi tìm chỗ khác. Gã được no say là nhờ cách ấy.

Người vợ cả về bảo người vợ lẻ:

- Chồng chúng ta là người cho chị em mình trông cậy suốt đời mà nay như vậy đó.

Vợ cả kể việc xấu của chồng với người vợ lẻ, rồi hai người cùng ôm nhau khóc ở giữa nhà mà người chồng không hay, vẫn hớn hở đi vào, hiu hiu lên mặt với hai vợ như thường lệ.

Cứ như người quân tử xét ra thì những kẻ hầu phú quý danh lợi mà vợ cả, vợ lẻ không cho là đáng thẹn, phải khóc với nhau, thật là ít có vậy.

Cái Cười Của Thánh Nhân

Nguyễn Duy Cần

Phần Sáu Mươi Tám

Pháp Thuật Cao Cường

Ngày xưa Phật cùng các đệ tử đi qua một khu rừng, vừa đến một mé sông... thấy có một đạo sĩ du già ngồi ở cội cây...

Phật hỏi:

- Ông ở đây bao lâu và đã tu chứng được gì?

Đạo sĩ nói:

- Tôi tu đã bốn mươi năm và đã có được phép khinh thân, đi qua con sông mà không cần đến ghe xuồng gì cả!

Nói xong, đạo sĩ niệm chú, nhún mình bay là là trên mặt nước và vượt qua sông nhẹ như chiếc lá... trước những cặp mắt vô cùng thán phục của các đệ tử Phật.

Phật mỉm cười, nói với đạo sĩ:

- Tưởng gì lạ lùng, chứ để đi qua con sông mà phải tốn công tu luyện đến bốn mươi năm, thật phí công uổng sức vô ích quá! Chỉ với đồng tiền nhỏ bé

này, người đưa đò sẽ đưa chúng ta qua sông một cách rất là dễ dàng.

[Phần Trước]